

LĂNG NHÂN

GIAI THOẠI

Lăng Nho

Sa-éc

Wednesday, July 13, 2016

NAM CHI TÙNG THƯ

LĂNG NHÂN

---

**Giai-thoại**  
**LÀNG NHO**

1964

NAM-CHI TÙNG-THƯ  
3, đường Nguyễn-Siêu  
SAIGON

# Tựa

của Hoàn Thâm

Còn nhiều sách xưa trong Quán Ven Đường kính mời vào  
lấy về đọc.

Mới đây, Phùng-quân đưa cho tôi coi bản thảo cuốn này và buộc viết bài tựa.

Tôi thấy như vậy là bạn đòi-hỏi sai chỗ, vì bản về *Giai-thoại làng Nho*, lý-trưng đề các vị kỳ-cựu trong Làng làm mới đúng.

Song soạn-giả đã giải-thích : những câu chuyện kể lại ở đây, nhiều cụ chẳng lạ gì, và nhà Nho tất thừa hiểu nhà Nho rồi, nhưng sự cần biết, đối với người sưu-tầm để lưu lại, là cảm-tưởng của nhà tân-học thuộc lớp người sau.

Tôi đành chiều lòng Lãng-Nhân, và xin chỉ bày-tỏ vài nhận-xét riêng, có tính-cách hoàn-toàn chủ-quan, chớ không chắc chi được sự đồng-ý của những bạn cùng trạc tuổi hoặc trẻ hơn tôi.

Ngoài ra, tôi thấy cần dè-dặt trong sự phán-đoán, vì chỉ được căn-cứ nguyên vào số người có tên trong *sổ đoạn-trường* này, nên chưa dám quyết rằng các vị đó đã đủ tính-cách điển-hình để tiêu-biểu trung-thực cho cả Làng Nho. Và liệu những câu chuyện

được nhắc lại trong những lúc trà-dư tưu-hậu, đúng hay sai chừng nào, hoặc về những điểm gì ?

≠

Từ Bùi-Ân-Niên đến Vũ-Phạm-Hàm, các câu chuyện ngắn dài được sắp-đặt và kể lại như dã-sử, với những dòng thơ trích dịch và lời dẫn-giải tường-tận. Đôi khi tôi tưởng như đọc *Nam-Hải Di-Nhân*, song lời-lẽ ở đây gọn-gàng hơn, và tuy nghiêm-chỉnh, vẫn không giàu nổi ở nhiều đoạn, nụ cười hóm-hỉnh mà các thân-hữu nhận ra ngay là của tác-giả *Chơi Chữ* và *Chuyện Vô-Lý*.

Ngoài ra, lắm khi các câu đối hoặc văn thơ cũng nhiều thú-vị, nên tôi tự hỏi : phần chính cuốn sách này, phải chăng là sự-tích kể lại, hay đúng hơn là những tài-liệu thi-văn mà Lãng-Nhân đã cố gắng sưu-tầm ?

Đành rằng cũng có một số bài cũ đã được phổ-biến trước rồi, song ở đây được chú-thích đúng và kỹ hơn ; còn phần nhiều là những bài mới thấy trình-bày lần này là đầu-tiên, và công của Lãng-Nhân là vớt được mà ghi lại, những lời truyền-khẩu đáng nghe song cũng dễ thoảng qua hay chìm mất :

*Phân thừa hương cũ bội phần xót-sa...*

Dù sao, và đối với tôi, đáng chú-trọng hơn, là ý-nghĩa của các Giai-thoại. Đọc một

hai truyện, chưa thấy hấp-dẫn mấy. Đọc tất cả và ngẫm lại, tôi đã nhận dần ra, qua cử-chỉ và những lời xướng-họa, điệu-cợt, nguyên-rùa hay khen chê của các nhân-vật, nhiều đặc-tính trái-ngược của một lớp người trong thư-hương thuở trước.

Theo những truyện kể trong tập này, thì Làng Nho đã cho tôi một hình-ảnh khá phức-tạp, song cũng lộ ra vài dáng-vẻ chung : tôi không muốn nói là hay hoặc dở, sự phê-bình xin để tùy quan-niệm mỗi người ; duy có điều không thể quên, là dù lên án hay bênh-vực, tưởng cũng cần nhớ đặt lùi các nhà Nho của chúng ta vào giữa hoàn-cảnh lịch-sử, nghĩa là ở giữa và cuối thế-kỷ thứ XIX, nhất là trong buổi giao-tranh tân-cựu, khi người Pháp mới sang xâm-chiếm Việt-Nam.



Làng theo nếp cũ từ lâu đời, lấy học-văn cử-nghiệp làm bậc thang giá-trị, coi từ-chương kỹ-xảo là thước đo tài-năng. Hơn người, là hơn vì chữ-nghĩa, và kết-quả mà các kỳ thi đưa lại : tự-hào, tự-phụ, hoặc thất-vọng yếm-thê, cũng do đó mà ra. Mà cũng chỉ vì thê, trong Làng hay có sự lục-đục : thử-thách nhau như Triệu-Bích và Vũ-Phạm-Hàm, châm-biêm nhau như Nguyễn-Tư-Giản và Nguyễn-Khuyên, ông tú Vị-Xuyên cùng ông thủ Vũ-Tuân ; hoặc chỉ muốn đua ganh về cờ-

biên cho tới lúc gần cõi chết (Bùi-Ân-Niên, Đoàn-Từ-Quang) và khoa-bảng hình như đã thành lẽ sống, ngay cả đến khi cuộc sống bắt đầu chuyển hướng về những bước hiem-nghèo.

Như vậy thì đâu là đạo người quân-tử đã từ Trung-quốc truyền sang trải mấy ngàn năm ?

Nhưng nghĩ kỹ ra thì có chi là lạ, khi bất-cứ đạo-giáo nào cũng phải chịu sự biến-cải tùy nơi cho thích-hợp với đặc-tính của mỗi dân-tộc : đạo Cơ-độc ở Do-thái khác ở Đông-Âu, và ở Anh-cát-lợi khác ở Phi-luật-tân ; đạo Phật ở Tây-Tạng không như ở Nhật-bản ; vậy đạo Nho từ nước Lỗ sang Làng ta, tất cũng biến thể, để cho các Hoàng-Cao-Khải, Tôn-Thọ-Tường không giống các thầy Tăng-tử, Nhan-Hối... Chẳng lẽ đức Không-tử, khi ngài bưng mặt thốt rằng : *Đạo ta hết rồi* (ngô đạo cùng hi) đã khóc lên sự thật rồi sao ?

May thay, đạo ngài tuy biến cho hợp lệ Làng (mà phép ai cũng phải chịu thua), vẫn rớt lại được khá nhiều tinh-t túy.

Cuồng chữ, say chữ thật đây, song lắm lúc bịnh cuồng say đó cũng hiện ra dưới những vẻ khả-ái của thói nông-nghềnh đúng chỗ, sự liên-tài đặc-biệt không thấy ở nước nào khác Tàu và Việt. Ngạo-nghe của nhà Nho, ở nhiều trường-hợp, chỉ là một trạng-thái của tinh - thần bắt - khuất. Và dấu hỗn-xược hay bản-cùng đến đâu, mà đòi nổi một câu

đôi, hay hoạ được một bài thơ, thì vẫn được lời khen, tiền thưởng, có khi cả vợ đẹp. (Hỗ-Quý-Châu, Bùi-Hữu-Nghĩa...)

Phú-quý thì ai chẳng thích — kể cả đức Không — nhưng phú-quý chỉ có thể nhận nếu ở trong vòng lễ nghĩa liêm sỉ; bằng không, thì thà rũ áo từ quan, lui về xóm khuất mà chịu cảnh nghèo (Huỳnh-Mãn-Đạt, Nguyễn-Khuyên...) hoặc giữ thái-độ cương-trực (Lê-Sĩ-Nghị, Ông Ích-Khiêm, Nguyễn-Hữu-Huân...) Bên cạnh những người vào luôn ra cú, còn có những người không chịu hàng-phục như Phạm-Ứng-Thuần và Phan-văn-Trị, hoặc vì nước mà cần lưỡi tự tận như Nguyễn-Cao, giơ cổ chịu chém như Trần-Cao-Vân hay Tống-Duy-Tân. Biết bao nhiêu người khác đã dấy nghĩa Văn-thân, và tiết-tháo của những vị đó có thể che-đậy hộ cả cho Làng những lầm-lỗi, những tòn-mùn của hạng tiểu-nhân « hay chữ ».

Bởi vậy, và lấy hơn bù kém, tôi gắp sách với một niềm tin-tưởng: mặc dầu các vị đàn anh lần lượt di-cư gần hết về bên kia lớp sương mờ cõi khác, sĩ-khí ngát dư-hương, vẫn còn muôn năm phảng-phất sau Làng...

Sa-éc

Wednesday, July 13, 2016

Sàigòn, mùa đông Quý-Mão, 1963

Đoàn-Thém





# *giai-thoại làng nhỏ*

*làng nhỏ*

*Một phần giai-thoại trong  
cuốn này, viết theo di-cảo  
của cô cử-nhân Phạm-  
xuân-Quang tiên-sinh (với  
sự đồng-ý của lệnh-lang,  
ông Phạm-xuân-Thụ).*

子曰：道之不明也我知之矣賢者過之  
不肖者不及也人莫不飲食也鮮能  
知味也

Từ viết : đạo chi bất minh dã, ngã tri chi hĩ :  
hiền-giả quá chi, bất tiếu giả bất cập dã ; nhân  
mặc bất ẩm thực dã : tiên năng tri vị dã.

*Khổng-tử nói : Đạo mà không sáng tỏ, ta biết  
là vì sao : kẻ hiền thì đi quá đà, kẻ bất-tiểu thì  
đi không kịp. Người ai chẳng ăn chẳng uống,  
ít người biết thế nào là ngon.*



## BUI-AN-NIÊN

Người làng Châu-câu, tỉnh Hà-nam, Bắc-Việt.

Đỗ cử-nhân trường Hà-nội, nổi tiếng hay chữ. Khoa ất-sửu, Tự-đức 18 (1866) vào kinh thi hội, làm xong bốn kỳ, khi kéo bảng được vào hạng chánh-trúng-cách (1).

Lệ thi hội, hễ được phó-trúng-cách thì thi đình thường đỗ ra phó-bảng, ít khi đỗ lên tiến-sĩ, hoặc đình-nguyên. Trường-hợp hãn-hữu, chỉ có Đỗ-đình-Liêu ở Nam-định, Đặng-văn-Thụy ở Nghệ-an, thi hội phó-trúng-cách, mà thi đình được đỗ đình-nguyên hoàng-giáp. Còn đã được chánh-trúng-cách thì thi đình thế nào cũng đỗ ra tiến-sĩ.

Khoa ấy, Bùi đã chánh-trúng-cách, lý-ưng phải đỗ

---

(1) Lệ khoa-cử ngày xưa : học trò thi hương, đậu về hạng thứ là tú-tài, đậu về hạng ưu và bình là cử-nhân.

Đậu cử-nhân mới được thi hội. Thi hội đậu chánh hay phó trúng-cách mới vào thi đình, cấp bậc trúng-cử chia ra như sau :

- Đệ-nhất-giáp tiến-sĩ cập-đệ : trạng-nguyên, bảng-nhơn, thám-hoa.
- Đệ-nhị-giáp tiến-sĩ cập-đệ : hoàng-giáp
- Đệ-tam-giáp đồng-tiến-sĩ ; gọi tắt là tiến-sĩ
- Phó-bảng, gọi tắt là ông bảng.

tiên-sĩ, vậy mà không biết vì có gì, lúc vào thi đình lại đổ xuống phó-bảng.

Khi ra làm quan, vua Tự-đức rất trọng-dụng, năm 1876 được cử sang sứ Trung-hoa. Sau đến hồi Hà-nội thất-thủ, Hoàng-Điệu tuân-tiết, ông cùng Nguyễn-Chính ra khâm-sai Bắc-Việt, để cùng Hoàng-kế-Viêm thương-lượng việc chống-giữ với Pháp.

Trong thời-gian sang sứ Tàu, qua chơi Hoàng-hạc-Lâu là thắng cảnh Nam-kinh, và Chương-hà, nơi mộ Tào-Tháo, ông có đề thơ, và thơ được truyền-tụng trong giới văn-học Trung-Hoa hồi ấy.

### Đề Hoàng-Hạc-Lâu

江樓一望迴紅塵  
Giang lâu nhất vọng, quỳnh hồng-trần

撲面香風若有神  
Phác diện hương phong nhược hữu thần

黃鶴白雲千載下  
Hoàng-hạc bạch vân, thiên tải hạ

綠波碧草一江春  
Lục ba bích thảo, nhất giang xuân

仙人送客來今夕  
Tiên nhân tống khách, lai kim tịch

詩老先余到幾辰  
Thi lão tiên dư, đáo kỷ thần

鳴咽可憐鸚鵡塚  
*Ó yết khả lân anh-vũ-trủng*

憑誰作賦吊斯人  
*Bằng thùy tác phú điếu tư-nhân.*

- lên lầu ở trên sông trông ra, xa cách chôn hồng trần
- gió thơm thoảng qua mát, như có thân
- con hoàng-hạc bay trên đám mây trắng, nay đã cách hàng nghìn năm
- chỉ có sóng biếc, cỏ xanh, là cảnh đẹp của sông
- người tiên tiến khách từng ở chôn này
- các bực thi nhân đến trước ta từ bao giờ?
- trông ra mả Nễ-Hành (Nễ-Hành ngày trước làm bài phú *Anh-vũ nổi tiếng danh-sĩ đời Tam-Quốc, nay mả chôn ở gần đó*) mà nghẹn-ngào thương xót
- không biết nhờ ai làm bài phú để viếng ông ấy

Bản dịch của Lê-quân Nhân-Phủ

*Lầu bên trông ra thăm bụi trần,  
 Hương bay phảng phất thoát như thân.  
 Hạc vàng mây trắng ngàn năm cũ,  
 Sóng biếc cây xanh một giải xuân.  
 Tiên khách tiên-ông qua mấy buổi?  
 Trước ta, thi-lão tới bao lần!  
 Nghẹn-ngào thương đến mả Anh-vũ,  
 Hận-phủ nhờ ai viếng cỗi-nhân?*



## Đề mộ Tào-Tháo

淼淼漳河蔚莽蒼  
*Miêu-miêu Chơng-hà, uất mǎng thương*  
 樓臺歌吹總荒涼  
*Lâu-đài ca-súy, tổng hoang-lương*  
 三分事業餘黃土  
*Tam phân sự nghiệp, dư hoàng thổ*  
 七十疑墳半夕陽  
*Thất thập nghi phần, bán tịch dương*  
 野荳飄零才子淚  
*Dã đậu phiêu-linh, tài-tử lệ*  
 岸花蕭颯美人香  
*Ngạn hoa tiêu-táp mỹ-nhân hương*  
 祇今片瓦餘銅雀  
*Chi kim phiến ngõa, dư Đồng-tước*  
 撥墨淋漓寫恨長  
*Bát mực lâm-ly, tả hận trường.*

- thăm-thăm sông Chơng-Hà, cỏ tốt xanh um
- chỗ lâu-đài là nơi hát múa của Ngụy-vũ-đê đến nay đều là chỗ hoang-lương
- sự nghiệp nước tam phân, còn trơ nắm đất vàng
- 70 ngôi nghi-mộ của ông, nay buổi chiều chỉ thấy ánh mặt trời soi
- cây đậu ngoài đồng xơ-xác, người tài-tử trông thấy chảy nước mắt

— mùi thơm hoa trên ngàn phật-pho, sức nhớ đến hương  
mỹ-nhân thời ấy

— đèn nay chỉ còn thấy những mảnh ngói vỡ đến Đông-Tước  
người ta lấy ngói ấy, làm nghiên mài mực để tả nổi hận  
lòng dài dằng dặc.

Bản dịch của Nhân-Phủ

*Thăm-thẳm sông Chương cỏ rợp đường,*

*Lâu-đài ca-múa thấy vu-hoang.*

*Tam phân sự-nghiệp tro màu đất,*

*Bảy chục nghi-phần dải bóng dương.*

*Xơ-xác đậu đồng tài-tử lệ,*

*Ưu tàn hoa nội mỹ-nhân hương.*

*Còn tro mảnh ngói đến Đông-tước,*

*Mài mực lâm-li viết hận-trường...*

Ông còn có bài thơ Hoàng-cúc rất được tán-  
thưởng :

Đề Hoàng-Cúc

碎 盡 商 金 剪 作 葩

*Toái tận thương kim, tiễn tác ba*

御 袍 織 就 貢 天 家

*Ngự bào chức tựu, cống thiên gia*

猶 來 正 色 名 天 下

*Do lai chính-sắc, danh thiên-hạ*

不 怕 寒 香 殿 歲 花

*Bất phạ hàn-hương, điển tuế-hoa*

瘦影拂階星欲淡  
 Xấu ảnh phất giai, tinh dục đạm  
 繁英遶砌月初斜  
 Phồn anh nhiễu thể, nguyệt sơ tà  
 遙知上苑懷芳意  
 Dao tri thượng uyển, hoài phương-ý  
 并到幽蘭水一涯  
 Tinh đáo u-lan, thủy nhất nha.

- tan nát vàng ra để làm hoa
- may áo ngự bào công lên vua
- chính sắc của hoa cúc (sắc vàng), tự xưa đến nay đã có tiếng trong thiên-hạ
- không sợ mùi hương gặp lạnh, hoa cúc sinh về cuối năm
- bóng hoa soi lên thêm, ánh sáng sao muốn mờ
- lá cúc tốt, mọc quanh thêm che át cả bóng trăng
- xa xa vườn thượng-uyển, vẫn nhớ mùi hương thơm ấy — lại nhớ đến cả hoa lan bên bên nước (lấy điển bài ca «cúc phương lan tú hoài nhai-nhân», của Hán-vũ-đề, ngụ ý nhớ người hiền).

### Bản dịch Nhân-Phủ

Nghiền vụn vàng thu dệt cồn-ba,  
 May thành áo ngự tiến vua cha.  
 Từ xưa chính-sắc vang thiên-hạ,  
 Nào ngại hàn-hương muện tuế-hoa.

*Bóng lướt quanh thêm sao muốn lặn,  
Lá um kẽ vách nguyệt thêm tà.  
Xa-xa thượng-uyển hương còn thoảng,  
Chợt nhớ u-lan bến nước sa...*

Vua Tự-đức phê vào câu tam, tứ :

狀元宰相已安排了  
*Trạng nguyên Tề tướng dĩ an bài liễu.*

— tài trạng-nguyên tể-tướng đã định sẵn rồi.

Cuối đời Tự-đức, muốn tránh những chuyện lời-thôi, ông cáo quan về nhà. Đến vua Thành-thái lên ngôi, triều-đình triệu về làm phụ-đạo. Kinh-lược Bắc-kỳ Hoàng-cao-Khải có tiến đôi câu đối :

再起爲蒼生，廊廟江湖兩憂愛  
*Tái khởi vị thương sinh, lang miếu giang-hồ, lưỡng  
ưu ái*

一篇賦黃菊，狀元宰相已安排  
*Nhất thiên phú hoàng cúc, trạng-nguyên tể-tướng  
dĩ an bài.*

— Ông đã về nghỉ, nay lại phải ra làm quan, ấy là vì dân : ở trong lang miếu, hay ở ngoài giang hồ, đều có lòng ưu-quân ái-quốc — Xem bài thơ hoàng-cúc, tài trạng-nguyên tể-tướng, vận-mệnh đã định sẵn.

Ông làm phụ-đạo, vua Thành-thái rất kính-trọng. Một hôm, nhân lúc nhàn-hạ, vua hỏi :

— Khanh làm quan trải ba triều, lại hưởng tuổi thọ, nay có điều gì ao-ước không?

Ông tâu :

— Thần nhờ ơn nước như thế này là thịnh-mãn lắm rồi, còn ao-ước gì hơn nữa ! Duy có một việc, thần vẫn thắc-mắc, là khoa thi năm ất-sửu, thần đã chánh-trúng-cách, mà lại đổ xuống phó-bảng, không hiểu tại duyên-do nào.

Vua bèn hạ chiếu, sắc-tứ cờ biên mũ áo tiến-sĩ cho ông, và lập thêm một bia tiến-sĩ vào khoa ất-sửu, khắc tên ông, trên có ghi cả bài dụ, nay bia ấy còn ở nhà Giám kinh-thành Huế. Khi ông mất, Yên-Đồ có câu đối viếng, lời giản mà ý thâm :

魚磯舊浦花初落

*Ngư ky cựu phổ, hoa sơ lạc,*

龍榜新碑石未苔

*Long bảng tân bi thạch vị đài.*

- Bên cá bòn xưa, hoa đã rụng
- Bảng rồng bia mới, đá chưa rêu.

Thì ra bao nhiêu năm phụng-sự quốc-gia, ông không lấy làm việc quan trọng đáng cho mình toại-ý, mà đến già vẫn hậm-hực về cái danh-hiệu tiến-sĩ với phó-bảng. Mới biết cái nọc khoa-cử khi xưa đã ăn vào cốt-tủy của sĩ-phu. Yên-đồ cố ý viếng hai chữ « bia

mới » để tỏ rằng bia của mình là tranh-thủ nơi trường-độc chứ không phải bia thỉnh-câu về sau. Ấy cái hơn kém chỉ ở mảnh bia ông-nghe, chứ không ở công-nghiệp một đời !



Trưởng-tử họ Bùi thi hương khoa đình-dậu, đời Thành-thái (1897) đỗ cử-nhân. Khoa ấy, ông đương có tang mẹ. Theo lệ, học-trò có đại-tang không được đi thi. Tính ra đến ngày mồng 5 tháng 10 ông mới hết tang, mà trường thi Nam-định xưa nay, kỳ đệ-nhất vẫn mở vào ngày mồng một tháng mười. Cứ kể nhật-kỳ như thế thì ông không được phép thi ; nhưng năm ấy, triều-đình bận việc, xuống chỉ hoãn kỳ thi đến 16 tháng 10, tức là hoãn lại 15 ngày.

Thế là ông vừa hết tang, được vào thi, trước khi thi vài ngày lại cưới vợ : ngày ra bảng, đỗ cử-nhân thứ 80.

Khoa này cũng như trước chỉ lấy có 80 cử-nhân, vậy là đỗ cuối bảng. Nhưng trong số tú-tài có Nguyễn-hán-Khá, vì làm việc ở phủ thống-sứ, nên được đặc-ân, thành ra trường lại phải lấy thêm 2 cử-nhân nữa, cộng là 82 ông. Ông Khá đỗ thứ 81, rút cục ông Bùi, đáng lẽ cuối bảng, lại đỗ trên được hai người. Lúc về ăn mừng, Yên-đỗ có tặng câu đối :

聖上亦憐才，貢院遲來三五日

*Thánh-thượng diệc lân tài, cồng viện trì lai tam  
ngũ nhật,*

閩中應破笑，郎君歷得幾多人

*Khuê-trung ưng phá tiếu, lang-quân áp đắc kỷ đa  
nhân ?*

— Nhà vua ý thương tài, trường thi hoãn lại năm ba bữa  
(năm ba là mười lăm)

— Cô cử cười vỡ bụng, anh chàng đề được những bao  
người ?



Văn-miêu Hà-nội

Đứng trên gác Khuê-văn trông ra hàng bia tiên-sĩ

## BÙI-HỮU-NGHĨA

(Thủ-khoa Nghĩa)

1807-1872

Hiệu Nghi-chi, người làng Long-tuyền, Bình-thủy, Cần-thơ, Nam-Việt. Đỗ giải-nguyên trường hương Gia-định năm 28 tuổi (1835, Minh-mạng 16) nên thường gọi là thủ-khoa Nghĩa.

Nhân trọ-học nhà Nguyễn-văn-Lý, khi thi đỗ, ông này ngỏ ý muốn gả con gái đầu lòng, Nguyễn-thị-Tồn, nhưng nhà tân-khoa xin khất lại.

Đến khi được bổ-nhậm tri-huyện Phước-long, trấn Biên-hòa, ông mới tính chuyện hôn-nhân.

Ở Biên-hòa một thời-gian, thủ-khoa Nghĩa được bổ đi trấn-nhậm phủ Trà-vang (Trà-vinh), tỉnh Vĩnh-long, tòng sự dưới quyền tổng-đốc Trương-văn-Uyên và bổ-chánh Truyện.

Tính tình cương-trực, không chịu luồn cúi và cũng không tư-vị một người nào. Bấy giờ có em vợ bổ-chánh Truyện, thường có cử-chỉ hỗn-xược, có lần ông cho đánh đòn. Vì lẽ đó ông bị thượng-cấp đem lòng hãm-hại.



Lúc ấy, Nguyễn-Ánh bị Tây-son đuổi, lương thực thường hay thiếu hụt, ở Trà-vang có một số dân Thổ quyền giúp rất nhiều, lại thêm một số lớn tình-nguyên tông-quân.

Khi Nguyễn-Ánh tức vị, nhớ ơn xưa, xuống chiếu miễn thuế thủy-lợi cho dân Thổ.

Sau đó, có một người Tàu lo-lót với tổng-đốc Uyển và bổ-chánh Truyen đề mua thủy-lợi ấy.

Các hương-mục Thổ kéo nhau đến dinh-môn tri-phủ Bùi-hữu-Nghĩa đề kiện, tri-phủ xử rằng :

*« Việc tha thuế thủy-lợi là ơn huệ của vua Thế-Tổ ban cho dân Thổ, nay ai nhỏ hơn vua Thế-Tổ mà đứng bán rạch ấy thì có chém đầu nó cũng không sao ! »*

Dân Thổ được lời xử ấy bèn phá đập cửa người Tàu. Giữa hai bên, xảy ra huyết-chiến, bên người Tàu bị chết mất tám người.

Do đó nhiều dân Thổ bị bắt. Tổng-đốc và bổ-chánh Vĩnh-long bắt luôn thủ-khoa Nghĩa gửi về Gia-định, rồi đệ sớ về triều, cáo về tội lạm phép giết người.

Đứng trước nỗi oan-tình, bà thủ-khoa quyết lặn-lội ra Huế minh-oan cho chồng.

Bây giờ, Phan-thanh-Giản đang làm thượng-thor bộ Lại tại triều. Bà thủ-khoa Nghĩa tìm ngay đến tư-dinh Phan để trình-bày sự lộng-quyền của các quan tỉnh

Vĩnh-long, rồi chuẩn-bị đến Tam-pháp-ty khua ba hồi trống « kích cổ đặng-văn ».

Tam-pháp-ty gồm có nhân-viên cao-cấp của bộ Hình, Đô-sát-viên và Đại-lý họp lại, không có định kỳ, chỉ có những phiên nhóm bất thường để xét-xử những vụ đặc-biệt, mỗi vụ họp theo tiếng trống của những người bị oan-khuất.

Bà thủ-khoa vừa rung trống thì một viên đội chạy đến thâu tờ trạng đem vào cho chực-thần, tức là viên quan chực trong Nội. Ông này dâng cho vua xem. Vua giao cho Tam-pháp-ty xét-xử và chính vua chung-thăm bản-án như sau :

*« Tha tội tử-hình cho Bùi-hữu-Nghĩa, song phải quân tiền hiệu lực, đái công thực tội ».*

Bà Từ-dũ, mẹ vua Tự-đức, nghe tin này lấy làm cảm-kích cho người liệt-phụ đồng hương, bèn cho mời vào, ban một tấm biển chạm bốn chữ vàng : « Liệt phụ khả gia ».

Cứu được chồng, bà từ-giã kinh-đô, thẳng đường về Biên-Hòa, quê-hương của bà, rồi ít lâu sau thọ bệnh mà mất tại làng Tân-hiệp, tổng Chánh-mỹ-thượng.

Khi bà mất, thủ-khoa Nghĩa đang trấn-nhậm ở Châu-độc, an-táng xong rồi ông mới về tới nơi và đọc một bài văn-tế có những câu như sau :

*Nơi kinh-quốc mấy hồi trống dóng, biện-bạch này oan nọ ức ; đấng hiền-lương mắt thấy thấy đau lòng.*

*Chỗn tỉnh-đường một tiếng hét vang, hấn-hồi lẽ chánh lời nghiêm, lũ bằng-đảng tai nghe đều mắt vía.*

Đôi liền thờ vợ như sau :

*« Ngã bần, khanh năng trợ ; ngã oan khanh năng minh, triều quận giai xưng khanh thị phụ.*

*« Khanh bệnh, ngã bất được, khanh tử ngã bất táng, giang sơn ưng tiếu ngã phi phụ ».*

— Ta nghèo, mình hay giúp-đỡ ; ta tội, mình biết kêu oan, trong triều ngoài quận đều khen mình mới thật là đáng vợ ; — Mình bệnh, ta không thuốc thang ; mình chết ta không mai táng ; non sông cùng cười ta chẳng xứng gọi là chồng.

Sau khi được tha, họ Bùi phải đổi đi làm thú-ngự Vĩnh-thông (Châu-đốc), và được giao phó việc tiêu-trừ bọn Thổ phiến-loạn.

Được ít lâu, ông chán-nản việc đời, xin từ quan, trở về quê-quán tại Bình-thủy, mở trường dạy học, vui thú điền-viên, thường ngày uống rượu ngâm thơ với bạn là cử-nhân Phan-văn-Trị.

Ngày 21 tháng giêng năm nhâm-thân (1872), ông mất, thọ 66 tuổi.

Là một thi-sĩ có tiếng-tầm miền Nam, Bùi-hữu-Nghĩa ngoài ít nhiều thơ Việt và Hán còn để lại vở tuồng « Kim-thạch kỳ-duyên ».

Chúng tôi lựa sau đây vài bài thơ giải-tỏ khi-tiết kẻ sĩ trong những lúc gặp cảnh gian-nguy.

Hà-âm mộ cảnh

*Mịt-mịt mây dăng kéo tối rằm,  
Đau lòng thưở nợ cảnh Hà-âm.  
Đống xương vô-định sương phau trắng,  
Vũng máu phi-thường cỏ nhuộm thâm.  
Gió trốt dật-dờ nơi chiến-lũy,  
Đèn trời leo-lét dậm u-lâm.  
Nôm-na xin mượn vài câu điệu,  
Gắng-gỏi đêm trường tiếng dế ngâm.*

Hà-âm nay là huyện Giang-thành, Hà-tiên, bảy giờ Bui nhân đi sứ Xiêm, thấy đống xương tàn của bọn thô-phỉ bị giết trong thời Minh-mạng, còn chõng-chất ở nơi chiến-địa, cảm-khái nên lời thơ vô-hạn thê-lương.

Quan-Công thất-thủ Hạ-Bì

*Hạ-Bì ngày nợ chẳng màng nào,  
Gươm rựng thời ta dựng chước-thao.  
Chén rượu anh em keo gắn chặt,  
Tăm gương tôi chúa đuốc dong cao.*

*Theo rông chảng phụ mây trời Hán,  
Dưới ngựa đâu tham bạc đất Tào !  
Trọng đạo cương-thường vai gánh nặng,  
Ngàn năm thom để miệng người rao...*

Tuy là ca-ngợi Quan-Công nhưng thực là nói chí-khí mình, tận trung với nước, không vì lợi nhỏ mà bỏ cương-thường.



*Quan-công thất thủ Hạ-bì, ước ba điều với Trương-Liêu*

## DIỆU-ĐIÊN

và

## CAO-NGỌC-ANH

Diệu-diên là pháp-hiệu của một người con gái Nguyễn Công-Trứ, một trang quốc-sắc không hiểu vì sao mà giữa lúc tuổi xuân lại đèn nường-náu cửa Không : *nhạt màu sơn phân say màu đạo, mở cánh từ-bi khép cánh tình.*

Bà vốn có văn-tài, nên tao-nhân mặc-khách thường hay gửi thi-văn trêu-cợt. Muốn chăm-rút tình-trạng này, bà làm một bài thơ toàn văn khó, để sách họa. Quả-nhiên không ai họa được trôi-chảy. Sau đó, bà lại làm một bài thơ nữa để chẽ-diệu văn-tài của các vị « tao-ông » lúc ấy.

*Bấy lâu hì-hục một văn thơ,*

*Ván đã trơn lì, chiếu đã xơ...*

*Lắc vế, ngâm-nga câu chẳng vẹn,*

*Rờ cầm, nhờ sạch bút còn trơn.*

*Mực bôi thảo-bản đen trăm vạch,*

*Phấn rắc hoa-tiên trắng một tờ !  
Nhấn-nhủ tao-ông ai đó tá,  
Đây là cửa Sấm, biết hay chưa ?*



*Lột màu son-phấn say màu đạo...*

Bà Cao-ngọc-Anh, cũng là bậc tài-nữ gặp cảnh-huống tương-tự như bà Diệu-Điền.

Bà Cao-ngọc-Anh là con Cao-xuân-Dục, sớm gá nghĩa cùng án-sát Nguyễn-duy-Nhiếp, con Nguyễn-trọng Hiệp. Cha đẻ và cha chổng đều là đại-thần nức tiếng về văn-học và phẩm-cách.

Nguyễn-duy-Nhiếp thất-lộc sớm, bà ở góa trong cái tuổi nửa chừng xuân, mà nhan-sắc lại tuyệt-vời. Vì vậy, nhiều bậc thi-nhân trong giới quan-trường không khỏi có ý muốn lân-la, lấy thơ-văn làm mối lái.

Bà tuyệt-nhiên không trả lời ai cả.

Một hôm, nhân nhà có giỗ, bà cho triệu tất cả các vị ấy lại uống rượu. Rồi bà mời lên cầu Hàm-Rồng chơi.

Đến nơi, bà nói :

— Đứng trước danh-son thắng-cảnh này, dám xin các vị thi-nhân mỗi vị cho một bài, làm kỷ-niệm.

Một ông đáp :

— Vâng, chúng tôi đâu dám chối-từ, vậy xin bà cho bài xướng trước, chúng tôi mỗi người xin họa lại sau.

Bà nghe vậy đọc rằng :

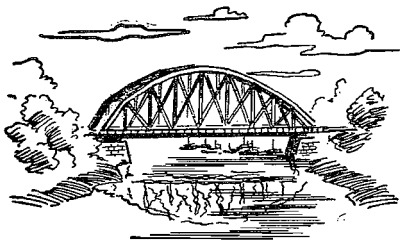
*Hàm Rồng nô-nức tiếng đồn om,  
Rải-rác nhà tranh ở mấy chòm.  
Hỏi đá chờ ai ngồi nhấ-nhôm ?  
Thương cầu vì nước đứng lom-khom...  
Sóng như chào khách chờn-vờn nhây,  
Nguyệt cũng yêu ta lấp-ló dòm.  
Cửa động rêu phong mờ nét chữ,  
Ai người mễn cảnh chút trông nom...*

Bài thơ vận khó quá, ý-từ lại tế-nhị.



Câu « *Hỏi đá chờ ai ngồi nhấp-nhồm?* » và « *Sóng như chào khách chờn-vờn nháy* » có ý trở vào các vị thường có thơ văn gửi đến trêu bà. Câu « *Thương cầu vì nước đứng lom-khom* » và « *Cửa động rêu phong mờ nét chữ* », bày tỏ tâm-sự mình, cảm-thương số-phận và quyết giữ tấm băng-trình.

Các vị thi-bá tần-ngăn nghĩ không ra văn, và cũng không dám gheo cọt trước cái thái-độ đoan-trang ấy, nên đứng chơi hồi lâu rồi xin lỗi chủ-nhân, lễ-tẻ kéo nhau về. Từ đó không dám múa bút với bà nữa.



*Hàm-Rồng nô-nức tiếng đôn om...*

## ĐOÀN-TỬ-QUANG

Sinh triều Gia-long, tại làng Phụng-công, tỉnh Hà-tĩnh.

Văn hay chữ tốt, mà đi thi từ nhỏ đến tám-mười tuổi, chỉ đỗ hai khoa tú-tài.

Đến năm canh-tí, Thành-thái 12 (1901) lại vào thi trường Nghệ, bấy giờ vừa 82 tuổi. Sau bốn kỳ, được hai kỳ phê ưu, hai kỳ thứ. Khi xướng danh, Phan-bội-Châu đỗ thủ-khoa, vì được ba kỳ ưu, một kỳ thứ. Đoàn chỉ kém một kỳ ưu, đáng đỗ á-nguyên. Song vì xét trong quyển, nơi cộng những chỗ tẩy xóa, phải có nêu ba chữ *cộng-quyền-nội* thì ông lại quên không viết, thành ra phạm trường-quy. Lễ ra bị đánh hồng tuột, nhưng may chủ-khảo là tể-tử Khiếu-nặng-Tĩnh thấy ông râu tóc bạc phơ, lấy làm ái-ngại, liền làm sớ thanh-tự 聲 叙 tâu vua xin lấy ông đỗ, nhưng cho đỗ cử-nhân thứ 29 (khoa này 30 cử-nhân).

Khi ban yến, theo lệ mỗi ông được lấy thêm phần mang về nhà, để gia-đình cùng được hưởng ơn vua, quan-trưởng thấy Đoàn cũng gói phần, bèn hỏi đùa :

— Ông đem về chia cho các cháu ư ?

— Bẩm xin chia cho mẹ tôi trước đã, vì hai năm  
nửa mẹ tôi vừa một trăm tuổi.

Chủ-khảo nhân đó làm một bài *Nhai sự ký* 佳事記  
để thuật lại việc này, trong bài có câu :

年符梁灝 *Niên phù Lương Hiệu*

榜壓孫山 *Bảng áp Tôn-Sơn.*

— Tuổi ông bằng ông Lương-Hiệu đời Tống, 82 tuổi mới  
đỗ trạng-nguyên, ông đỗ gần cuối bảng cử-nhân, đề được ông  
Tôn-Sơn đời Đường đỗ đệ nhất bảng.

Khi về vinh-quy, các quan tỉnh Nghệ tặng ông hai  
bài thơ :

可是香山段秀才

*Khả thị Hương-sơn Đoàn tú-tài*

年花八十二回開

*Niên hoa bát thập nhị hồi khai*

文場白戰鬚如戟

*Văn trường bạch chiến tu như kích*

奪得一枝丹桂來

*Đoạt đắc nhất chi đan-quế lai.*

奪得一枝丹桂來

*Đoạt đắc nhất chi đan quế lai*

從容携杖過南陵

*Thong-dong huề trượng quá nam cai*

慈 園 九 十 八 歲 矣  
*Từ vi cửu thập bát tuế hĩ*

始 見 兒 郎 得 意 回  
*Thủy kiến nhi-lang đắc ý hồi.*

- Khá vậy thay tú-tài họ Đoàn ở Hương-sơn
- Niên-hoa đã tám-mươi hai lần nở
- Bạch-chiến ở trường thi, râu cứng như mác  
*(Bạch chiến là đánh nhau bằng bút, không phải binh-khí)*
- Cướp được một cành quế đỏ mang về
- Thông thả chông gậy đi qua cõi Nam-cai
- Ở nhà mẹ già đã 98 tuổi
- Mới thấy con đặc-ý đưa tin mừng về

### Bài dịch Nhân-Phủ

*Khá lắm ! Hương-sơn Đoàn tú-tài !  
 Xuân-xanh vừa đúng tám mươi hai.  
 Trường văn múa bút râu như mác,  
 Quế đỏ cành thơm cướp vác vai.*

*Quế đỏ cành thơm cướp vác vai,  
 Ung-dung chông gậy tới nam-cai.  
 Nhà huyên tuổi hạc chín mươi tám,  
 Giờ thấy con ta đặc-ý rồi !*

Thủ-khoa Phan-bội-Châu cũng mừng đôi câu đối nói lên được ý-nghĩ của mọi người về cái đồ của Đoàn :

巧些天工，譎些天工，直將辛苦試  
才華，幾幾負八十年前書劍債，

*Sảo tá thiên-công, quyệt tá thiên-công, trực tương tâm-khồ thí tài-hoa, cơ-cơ phụ bát thập niên tiền thư-kiếm trái.*

奇的人物，快的人物，擬把文章還造化，好好看千萬里外風雲程。

*Kỳ đích nhân-vật, khoái đích nhân-vật, nghĩ bà văn-chương hoàn tạo-hóa, hảo hảo khan thiên vạn lý ngoại phong-vân trình.*

— Khéo là thợ trời, giả-dối là thợ trời, đem mùi cay đắng thử người tài-hoa, một suýt nữa thì ông vô mặt nợ thư-kiếm đã 80 năm.

— Ông là người rất lạ, lại là người rất thú, nay đưa văn-chương trả nợ đời, ta xem hội phong-vân nghìn muôn dặm của ông rồi ra sao.

Đã ngoài tám mươi mà còn cố thi lấy đồ, đồ rồi để làm gì ?

Đem cái tuổi tráng-niên qui vào một chuyện thi đồ, tuy có tỏ là kiên-nhẫn phi-thường đấy, nhưng không nghĩ rằng sự-nghiệp kẻ nam-nhi há chỉ ở trong sự thi đồ. Giá đem cái kiên-nhẫn ấy dùng làm việc cho đời, có phải hữu-ích hơn không.

Ông đỗ là truyen lạ, đến tuổi thọ lại càng thêm lạ. Năm giáp-tý (1924 : Khải-định 9) gặp lễ tứ-tuần đại-khánh, các quan tỉnh Nghệ làm sớ tâu về triều-đình, ông được ban hàm Hàn-lâm-viện thị độc. Năm ấy đã 107 tuổi, qua năm sau thì mất.

Sự-nghiệp của ông sau khi đỗ, tóm lại chỉ có bấy nhiêu...



*Hội phong-vân nghìn muôn dặm rồi ra sao ?*



ĐỖ-HUY-UYỄN  
(Biện-lý La-ngạn)

Quê làng La-ngạn, huyện Đại-an, nay thuộc phủ Nghĩa-hưng, tỉnh Nam-định.

Đỗ phó-bảng khoa tân-sử, Thiệu-trị I (1841) làm quan đến chức biện-lý bộ Hình, nên khi về nghỉ, người ta thường quen gọi là ông *biện-lý La-ngạn*.

Ông là bậc văn-chương lối-lạc, nổi tiếng đương thời. Cha làm tuần-phủ ở Trung-Việt có tính hay khoe tài con. Một năm kia, nhân về hầu vua đúng dịp có khoa thi hội, gặp nhân-viên hội-đồng sắp sửa đi chấm thi, cụ cao hứng nói đùa : năm nay tôi có thằng lớn đi thi hội, các bác về chịu khó xem sách lại, mới chấm nổi văn nó, chứ đừng hồ-đồ, cháu nó cười cho đấy !

Mấy ông đều lấy làm phật ý.

Khi vào thi hội, quyền thi rọc phách xong, việc chấm bài được thi-hành chu-đáo, đến khi hồi phách quyền của Đỗ-huy-Uyển bốn kỳ cộng mười bảy phân, đáng đỗ đầu. Nhưng hội-đồng nhớ lại chuyện trước vẫn còn căm tức, nên dù không thể đánh hỏng được, cũng cố ý tìm trong quyền xem có chữ nào có thể chỉ-trích được chăng, để đim. Tìm mãi về kim-vấn, thấy có chữ *Đáp thiên* 答天 謔 nghĩa là « vua



*phải sửa mình đừng tạ lỗi với trời* », các quan dân số bẻ ba chữ ấy là khiếm trang, nên chỉ cho đồ cuối bảng. Khi thấy tên đội bảng, Đỗ-huy-Uyển toan trả lại sắc phó-bảng, đề thi khoa sau, nhưng bè-bạn khuyên-can mãi, ông mới chịu thôi. Sau đó được bổ làm quan, lên đến chức biện-lý bộ Hình, rồi cáo về nhà dạy học.



Khi ông ở nhà dạy học, thường tự-phụ là hay chữ bậc nhất ; văn chương của ai cũng không coi ra gì. Những làng ở quanh miền La-ngạn, phàm có công việc hiếu hỉ, đều đến xin chữ của ông. Một hôm, làng Thức-vụ mở hội đánh vật. Hương-chức ủy phó-lý đến xin bốn chữ đại tự đề treo trước sân vật. Ông nói : bốn chữ phải đưa bốn nén bạc.

Phó-lý xin vâng, khất đến sớm hôm sau đem bạc đến, lấy chữ. Rồi y về trình làng, lấy bạc đem về nhà cất cho kỹ.

Phó-lý vốn biết ông đã lừa, việc văn-chương cứ đến tối thường bàn với con trai là hoàng-giáp Liêu, nên vào khoảng chập-choạng, anh ta lên vào sau nhà ông đề nghe trộm.

Quả-nhiên đến tối, Liêu ở ngoài về, ông gọi bảo : Làng Thức-vụ xin thầy bốn chữ đề treo trên đám đánh vật, thầy định cho : *Anh hùng trần lực* 英雄陳力

hay : *Trần lực tỵ liệt* 陳力就列, anh tính chữ nào hơn ?

Liêu thừa :

— Hai chữ cùng hay cả, nhưng chữ *trần lực tỵ liệt* hơn vì là ở chính-văn, còn chữ *anh hùng trần lực* thì ở bài bàn (1).

Anh phó-lý nghe được lảng-lặng ra về.

Sáng hôm sau mặt trời đã lên cao, vẫn không thấy phó-lý đến, mà nghe bên đình làng Thúc-vụ đã thúc trống đánh vật, ông bèn sai người sang xem. Khi nghe thừa lại rằng bốn chữ *trần lực tỵ liệt* đã treo rồi, ông mới ngã người ra, biết mình mắc hợm anh phó-lý, mà đành phải chịu, quay lại dặn người nhà :

— Nhà ta chẳng có tiền bạc gì lắm mà cần phải đề phòng trộm đạo, nhưng từ nay đêm hôm nên chặn cửa



(1) « *Trần lực tỵ liệt* », bắt năng giá chỉ, chữ thiên Quý-thị, Luận ngữ : Khổng-Tử bảo Nhiễm-Hữu, đưa hết sức mình ra làm việc, đề xứng với địa-vị mình — « *anh hùng trần lực* » ở Hán-sử, nghĩa là « những người anh-hùng phải đưa hết sức ra giúp vua Hán-cao-tổ ». Hai câu đều có nghĩa bóng là những đồ-vật đều cỏi trần cả.

ngõ cho kỹ, vì bây giờ lại mới nảy ra cái giống ăn-trộm chữ !



Bởi để-phòng kỹ thế, nên thủ-đoạn phó-lý trên đây không ai tái-diễn được. Tuy vậy mà ông cũng còn bị một vụ trộm nữa, nói là vụ cướp giật thì đúng hơn, vì người chủ-muru đã làm như giật ngay trên tay ông.

Một làng gần đó lập đền thờ bà chúa Mây, căn có bức hoành treo trên điện. Thầy lý đến xin chữ, đã thỏa-thuận với ông biện-lý mỗi chữ một nén bạc. Nhân có hoàng-giáp Liêu ngồi đó, ông bàn :

— Thầy nghĩ chỉ có : *Dữ thiên vô gián*, (không cách-biệt với trời) là hay tuyệt : trời với mây mà lại !

Lý-trưởng vội đứng lên, chấp tay thưa :

— Bẩm cụ, bốn chữ này đã có người cho rồi đây ạ. Họ đã cho nào « *Dữ thiên vô gián* », nào « *Dương dương tại thượng* », nào « *Trạc trạc quyết linh* »... Đề xin cụ bốn chữ khác, mai con đến lấy.

Thầy lý từ về, rồi cũng như phó-lý bữa trước, mai không trở lại, một cũng chẳng thấy đâu. Đến khi đền khánh-thành, ông biện-lý cho người sang xem, thì bức hoành để đúng bốn chữ của mình : *Dữ thiên vô gián* ! Ông chưng hửng, chép miệng :

— Hừ, quân lão tể thì thôi !

Thì ra thầy lý đã lập thể sẵn, hễ ông cho chữ nào thì nói luôn ngay rằng chữ ấy người khác đã cho rồi, để khỏi... trả tiền!

≠

Một hôm đương buổi học, một thanh-niên trạc ngoài hai mươi tuổi, vào nói là học trò lỡ độ đường, xin giúp-đỡ.

Ông có ý khinh, hỏi :

— Anh là học trò thực à, đã học đến sách gì rồi ?

Thanh-niên thưa :

— Cháu mới học hết sách Tam-tự tam-tiễn, và đã học sang sách Hán sách-hiễn.

Nghe lối ăn nói hỗn-hào, ông giận lắm, nhưng nén tâm, bảo :

— Anh đã học đến sách Hán, nay ta ra cho câu đối, đối được sẽ cho năm quan tiền, còn như không đối được thì sao ?

Thanh-niên thưa :

— Nếu không đối được thì xin chịu đánh đòn 30 roi.

Ông liền ra :

奪趙壁拔趙旗趙卒不知韓擊趙

*Đoạt Triệu bích, bạt Triệu kỳ, Triệu tốt bất tri Hàn kích Triệu.*

— Cướp thành nước Triệu, giở cờ nước Triệu, mà quân nước Triệu không biết là Hàn-Tín đánh nước Triệu.

Thanh-niên đối ngay :

入泰宮除泰法泰民大喜漢王泰

*Nhập Tân-cung, trừ Tân-pháp, Tân-dân đại hỉ Hán vương Tân.*

— Vào cung nhà Tấn; trừ phép tàn-bạo nhà Tấn, dân nhà Tấn rất mừng được Hán làm vua nước Tấn.

Câu ra có ý bảo người thanh-niên: bị đánh đến nơi rồi mà không biết đây.

Câu đối lại, thanh-niên ngầm bảo: ta định vào nhà ông để trừ tính ông hay đánh.

Tuy biết là bị sược, nhưng ông cũng phục là hay, gọi người nhà đưa năm quan tiền, thanh-niên được tiền, không cảm ơn, đi thẳng.

Ngồi một lúc, ông ngẫm-nghĩ, rồi gọi hoàng-giáp Liêu ra hỏi :

— Người học trò vừa nãy đâu rồi, con ?

Liêu thưa :

— Người ấy dễ đã ra đến đầu đường.

Ông bảo :

— Thấy còn mười lăm quan nữa để trong rương, anh mang ngay ra cho thêm nó, thằng ấy sau này khá đấy ; câu của thầy chỉ là khí-độ Hàn-Tín, mà câu của nó khí-độ Bái-Công.

Liêu vâng lời, vội mang tiền ra, nhưng người thanh-niên đã đi mất dạng.

✱

Lại một hôm, chánh-tổng sở tại có ông cậu vừa tạ-thể. Nhân ngồi chơi nhà người bạn, bạn muốn giữ lại uống rượu, chánh-tổng cố-ý từ, nói cần phải sang quan biện-lý xin câu đối về phúng cho kịp. Nhà bạn có nuôi thầy đồ, thầy đồ nghe chuyện liền nói :

— Ông cần gì phải tham thanh chuộng lạ cho phiền ! Sang quan biện-lý phải mất lễ, phải chờ đợi ; mời ông cứ ở chơi đây với ông chủ, câu đối tôi xin làm giúp.

Chánh-tổng ra ý ngăn-ngại :

— Quanh miền này, ai có công việc đều phải xin chữ quan biện-lý, vì là văn-chương đại gia đã nổi tiếng khắp vùng, sao thầy dám đánh trống qua cửa nhà sấm ?

Thầy đồ cương-quyết nói :

— Mời ông cứ ở lại chơi, tôi làm, nhất định câu đối phải hay, quan biện-lý phải ưng ý, nếu kém, có bị quan quở trách, tôi xin chịu vạ.

Chánh-tổng nghe êm tai, ở lại. Sáng hôm sau, thầy đồ làm xong câu đối đưa ông đem sang nhà đám.

Ông biện-lý ở nhà chắc mẫm chánh-tổng thế nào

cũng lại xin câu đối, nay nghe đám đả đưa, mà không thấy ai đến hỏi, liền cho học trò đi xem, mới hay chánh-tổng đã có câu đối rồi.

Đối rằng :

鸚鳥忽高飛擊鼓吹笙嗟何及矣

*Cồ điều hốt cao phi, kích cồ suy sinh, ta hà cập hĩ*

茄園空惜別鳴鐘煮飯薄言送之

*Già-viên không tích biệt, minh chung chủ phạn,*

*bạc ngôn tống chi.*

— Con sáo sậu bỗng bay cao, nay đánh trống thổi kèn than-thở không kịp.

— Vườn cà tiếc nỗi từ đây xa cách, đành đánh công thổi cơm để đưa đi.

Ông nghe câu đối bản khoản nghĩ-ngợi, không biết là dùng chữ ở sách nào, điển nào, lập-tức cho người tìm chánh-tổng đến hỏi xem ai là tác-giả, chánh-tổng phải trình-bày sự thực, ông bèn cho mời thầy đỡ lại.

Khi thầy đỡ đến chào, ông hỏi :

— Câu đối này thầy làm chữ ở đâu thế ?

Thầy đỡ giả ý run sợ, lễ-phép thưa :

— Chúng con thiên học ít chữ, nghĩ thế nào thì viết thế, chứ thực không có chữ ở sách nào, điển-tích nào cả.

Ông nhất-định không chịu, cố giữ thày đồ ngồi lại, bảo người nhà làm cơm. Khi rượu đã chësh-choáng, ông dỏ mái, thày đồ mới thưa :

— Bầm con chẳng dám chòi-mòi cao xa, nên lấy ngay câu hát trẻ vùng này vẫn hát : *sáo sậu là cậu sáo đen, đánh trống thời kèn, đưa ma sáo sậu... Cậu giậu vườn cà, cậu già cậu chết, thời nời cơm nếp đưa cậu ra đồng, đánh ba tiếng cồng, cậu lũng xuống lỗ, làm cỗ cúng cậu !*

Nghe chưa dứt, ông đã vuốt râu phá lên cười...



Ông vừa dạy học vừa trước-thuật, làm ra bộ *Khải đồng thuyết ước* 啟童說約, bộ *Tự học câu tinh* 字學求精. Học trò nhiều người hiền-đạt, như tiến-sĩ Nguyễn-văn-Tính, làng Cựu-hào, Nam-định.

Ông biện-lý sáng-tác rất nhiều, có lắm bài đặc-sắc. Tỉ như bài hễ ngũ tuần đại-khánh vua Tự-đức, đến nay nhiều người còn nhớ. Khi ấy, mỗi tỉnh phải dâng một bài, bài của tỉnh Nam-định được giải nhất, là bài của ông.

Năm hoàng-giáp Tam-đăng Phạm-văn-Nghị lên thọ lục tuần, hai bà vợ cùng sáu mươi tuổi, lại năm con bốn người thi đỗ, một phó-bảng, ba cử-nhân, ông biện-lý có câu đối mừng :



一 堂 三 壽 宜 添 壽  
*Nhất đường tam thọ, nghi thêm thọ*

四 子 登 科 且 繼 科  
*Tứ tử đăng khoa, thả kế khoa.*

- Một nhà ba người thọ, nên thêm tuổi thọ nữa,
- Bốn con thi đỗ, là nối nghiệp khoa cử (chứ không phải là nhà mới đỗ).

Khi Tam-dăng lên thọ thất-tuần, ông mừng câu đối :

未 嘗 歎 歎 忘 天 下  
*Vị thường quyến mẩu vương thiên hạ,*  
 不 覺 年 華 已 七 旬  
*Bất giác niên hoa dĩ thất tuần.*

- Không từng lầy mình ở chôn quê mùa mà quên việc thiên hạ,
- Chẳng ngờ sắp xỉ niên hoa đã đến bảy tuần.

Lại có câu đối viếng Đặng-Toán, đương làm tuần-phủ Ninh-bình, có tiếng là thanh-liêm, mới đặc chỉ về tổng-đốc Nghệ-tĩnh, sắp sửa lên đường, thì tạ-thê :

翠 山 有 意 留 生 佛  
*Thúy-son hữu ý lưu sinh phật,*  
 鴻 嶺 無 端 望 福 星  
*Hồng-lĩnh vô đoan vọng phúc tinh.*

- Núi Thúy-sơn (Ninh-bình) có ý giữ ông Phật sống lại,  
 — Núi Hồng-lĩnh (Nghệ-Tĩnh) không thể nào được trông  
 thấy vị phúc-tinh.



Văn ông mực thước, ít khi viết câu dài ; trái lại con ông là hoàng-giáp Liêu lại hay làm dài.

Đỗ-đình-Liêu 杜廷璪, đỗ hoàng-giáp khoa kỳ-mão, Tự-đức 32 (1879) thường gọi là hoàng-giáp Liêu. Quyền văn thi đình của ông, vua Tự-đức xem rất là xứng ý, châu phê :

此卷確有學力，辭老非初學蹈襲者所能，欽此。

*Thử quyền xác hữu học lực, từ lão, phi sơ học đạo tập giả sở năng, khâm thử.*

— Quyền này thực có sức học, lời văn già, không phải hạng mới học theo lời viết sáo, có thể làm được.

Liêu cũng có câu đối viếng Đặng-Toán :

方閣驩之陞，胡騎鶴歸歸翠鶴，

*Phương nào Hoan chi thăng, hồ kỵ hạc quy, quy  
 Thúy Hạc,*

豈與寧有約休將鴻印，印藍鴻。

*Khởi dĩ Ninh hữu ước, hưu tương hồng ấn, ấn  
 Lam Hồng.*

— Mới nghe tin đồn ông thăng quan lên châu Hoan (Nghệ-Tĩnh) sao ông vội cỡi hạc về, về núi Thúy-sơn, núi Hối-hạc (Ninh-bình).

— Hay là với tỉnh Ninh có ước, nên không đem dầu chim hồng in ở sông Lam-giang núi Hồng-linh (Nghệ-Tĩnh).

Câu đối rất hay và tài, lấy đi lấy lại hai chữ *hạc* đối với với hai chữ *hồng*.

Hoàng-giáp Liêu đã có văn-chương lại có khí-tiết.

Đời vua Hàm-nghi, làm phụ-đạo, ngày thường vào đọc sách và dẫn nghĩa cho vua nghe, khi về thì ở nhà Tôn-thất-Thuyết, dạy con ông này là Đạm và Thiệp.

Ngày 23-5 át-dậu (1885) ông theo vua lên Tân-Sở, nhưng đến nửa đường thì sức yếu không đi theo kịp, sau đành phải dừng lại nghỉ-ngoi rồi trốn về quê nhà.

Khi ấy Trung, Bắc Việt vừa mới đặt cuộc bảo-hộ. Triều-đình muốn tìm những bậc văn-nhân có danh-vọng ra làm quan, để yên lòng dân. Tổng-đốc Nam-định Vũ-văn-Báo, cho mời ông cùng cử-nhân Phạm-văn-Phổ làng Tam-Quang, ý muốn đề ông làm đốc-học Nam-định, Phổ làm tri-phủ Nghĩa-hưng. Nhưng hai ông đều từ chối, nên bị tổng-giám, và bị ngâm vào bể nước, lính tráng cỡi truồng đứng tắm ở bên bể, cố làm nhục hai ông.

Hai ông ngồi trong bể làm câu đối cho đỡ buồn, một ông ra, một ông đối :

在縲絏之中，非其罪也，  
*Tại luy tiết chi trung, phi kỳ tội dã,*

雖裸程於側，焉能浼哉。

*Tuy khỏa trình ư trắc, yên năng mỗi tai.*

Câu trên : Luận-ngũ, thiên Công-dã-Tràng, điển Công-dã-Tràng, dẫu phải giam trói, nhưng không phải vì tội mình làm ra.

Câu dưới : Mạnh-Tử, thiên Công-tôn-sửu, điển Liễu-hạ-Huệ vốn có tính khoan-hòa, nói : kẻ khác làm bậy như là cởi áo chìa vai ở bên ta, cũng không nhờ-nhuộc đến ta.

Sau được tha về, lấy có là có mẹ già, xin ở nhà phụng-dưỡng, nhất-định không chịu ra làm quan. Được bốn năm bà cụ mất, ông có câu đối khóc :

曾四年來，國運家情蔓蔓

*Tằng tứ niên lai, quốc-vận gia-tình lụy-lụy*

纔三月內，臣心子念悠悠

*Tài tam nguyệt nội, thần-tâm tử-niệm du-du*

— Đã từng bốn năm nay, vận nước tình nhà, thường gặp gian-truân,

— Vừa trong ba tháng, lòng người bấy-tôi, và lòng người con càng thấy xót-sa.

Đến ngày hết tang, tế xong đám tế buổi sáng, thì đến chiều ông tự-nhiên từ-trần, năm ấy 47 tuổi.

Tiền-sĩ Khiếu-năng-Tĩnh ở Trục-mỹ, có viếng câu đối :

顯 載 獨 異 逢 三 卯

*Hiển tàng độc dị phùng tam mao*

心 事 全 宜 對 兩 親 。

*Tâm sự toàn nghi đối lưỡng thân.*

— Lúc hiển đạt và lúc hồi tàng (lúc chết) một điều lạ cùng gặp vào 3 năm Mão (*đỗ thủ-khoa năm đinh-mão đời Tự-đức (1867), đỗ hoàng-giáp năm kỷ-mão đời Tự-đức (1879), mất năm tân-mão đời Thành-thái 1891*).

— Tâm-sự như thế trọn đạo làm con, đối với hai đấng thân.

Câu đối tài, là dùng chữ *thân* đối màu với chữ *mao*.

Sa- éc

Wednesday, July 13, 2016



*Nén phòng bọn ăn-trộm chữ !*

## ĐỒNG-KHÁNH

Cháu gọi Tự-đức bằng bác, con Kiến-thái-vương, anh vua Hàm-nghi, từ thừa nhỏ được nuôi học ở trong cung.

Học nhiều xem rộng, thích ngâm-vịnh.

Một năm vua tuần-du Quảng-nam, lên Ngũ-hành-son, khi ấy đương tiết cuối thu, gió may hiu-hắt, thấy một khoảng rừng cây-cối bị tàn-phá, hỏi ra thì đây là di-tích nơi Pháp đánh vào cửa Đà-nẵng mấy năm trước, vua cảm-hứng khẩu chiếm một câu :

樹 取 秋 譬 金 及 急

*Thụ thủ thu thù, câm cập cấp*

花 和 火 化 石 成 聲

*Hoa hòa hỏa hóa, thạch thành thanh*

— Cây gặp gió thu, khí vàng đèn mau (*kim thuộc về thu*). Lại có ý *kim* là đồ binh-khí, súng đạn bắn vào cây cối phải điêu-tàn.

— Hoa bị lửa cháy, đá vỡ kêu thành tiếng (đá nổ) ý khi đánh nhau, cây-cối hoa-cỏ đều bị cháy, đá núi phải vỡ-lở.

Trong buổi nhiều-nhương, vị quân-vương này vẫn

còn theo dấu Tự-đức, tả cảm-súc của mình bằng những  
lỗi văn lập dị !

≠

Tự-đức, một buổi nhàn rỗi, bảo các quan lấy giấy  
bút, rồi đọc cho chép một bài thơ :

*Tiêu-hà tá hán khởi u phong*

*Săn nhập trùng vi nhiều trướng trung*

*Bất luận huân tiêu phàn khoái lực,*

*Hốt văn hàn tín tự tiêu không.*

Các quan ai nấy đều hiểu là *Tiêu-Hà* giúp nhà *Hán*  
ở đất *Phong Bái*, không dùng tới sức mạnh của *Phàn-*  
*Khoái*, chỉ cần ở tài *Hàn-Tín* là nên việc.

Có ngờ đâu bài thơ này tả con muỗi : *Tiêu-hà* có  
nghĩa là tàu chuối, lá sen. *Phong* là gió, *Hán* là nó.  
*Hàn-tín* là tin lạnh. *Phàn-khoái* là hun đốt.

Theo chữ vua dùng, thì bài thơ có thể dịch như  
sau :

*Bẹ chuối dài sen nổi cánh vung,*

*Bay vào màn trướng quấy lung tung.*

*Chẳng cần phải tổn công hun đốt,*

*Tin lạnh vừa đưa tàu-tán cùng.*

Giá xử nhà vua biết hiểu thời-vụ như sành văn-chương, thì đâu đến nỗi sau này phải ta-thán :

*Võ tướng tiêu sấu duy hữu tửu,*

*Văn thần thoái lỗ cánh vô thi.*

— Quan võ chỉ biết uống rượu giải buồn, còn quan văn, đến làm thơ đuổi giặc cũng không làm nổi !







## HỒ-QUÝ-CHÂU

Người Nghệ-an, đời Tự-đức. Văn-chương lỗi-lạc nhưng thi khoa nào cũng hỏng.

Có lần ông đi chơi, qua tỉnh Thanh-hóa, bấy giờ Tôn-thất-Thuyết làm tổng-đốc tỉnh này. Nghe tiếng Thuyết hung-dữ đa sát, ông muốn vào trêu. Khi vào dinh thì đã hết giờ hầu, ông xin lính canh cửa cho vào ngay « có việc mật ». Bất-đắc-dĩ lính phải vào báo. Thuyết vội ra công đường hỏi :

— Anh có việc chi cần ?

Ông bẩm :

— Chúng tôi chỉ có một việc là học trò nổi tiếng hay chữ, mà thi mãi không đỗ, nay nghe tiếng quan-lớn thường hay hóa kiếp mất tay lắm, nên đến nhờ ngài hóa kiếp đi cho.

Thuyết trừng mắt nhìn, hỏi :

— Mi thực là học trò hay chữ à ? Ta ra cho bài thơ, nếu không làm được, ta sẽ hóa kiếp ngay cho.

Ông xin đầu đẽ.

Thuyết ra :

*Điên, ngô, cuồng, ngu, 顛 誤 狂 愚*

Ngụ ý bảo ông là người điên-rồ ngu-dại.

Ông ứng khẩu đọc ngay :

高祖 顛 豪傑 *Cao-tổ điên hào-kiệt*

武帝 誤 神仙 *Vũ-đế ngộ thần-tiên*

曾點 狂 天地 *Tăng-điểm cuồng thiên-địa*

顏淵 愚 聖賢 *Nhan-Uyên ngu thánh-hiền*

— *Điên*: Hán-thư. — Hán-Cao-tổ điên-đảo những bậc hào-kiệt.

— *Ngộ*: Hán-thư. — Hán-vũ-đế lầm mộ đạo thần-tiên.

— *Cuồng*: Luận-ngữ. — thiên Tiên-tiền, Tăng-Điểm là người cuồng, nhưng có sinh-ý của trời đất.

— *Ngu*: Luận-ngữ, thiên Vi-chính. — Khổng-Tử nói: Hối đã bất vi như ngu (回也不達如愚) nghĩa là khi giảng bài, Hối chỉ ngồi yên nghe như là người ngu (trong ba nghìn học-trò, Nhan-Hối là bực hiền hơn cả, vào bực Á-thánh).

Bài thơ này có bốn chữ : *điên, ngộ, cuồng, ngu*. Ông mô tả được, điên là điên Hán-Cao-tổ, ngộ là ngộ Hán-Vũ-đế, cuồng là cuồng Tăng-Điểm, ngu là ngu Nhan-Uyên, chứ không phải điên ngộ cuồng ngu tâm-

thường. Hai câu trên ám-chỉ Thuyết có tính nóng-nảy, hay hợm mình, và tin việc bói-toán.

Hai câu dưới là ý ông tự-phụ.

Thuyết nghe xong khen là hay, cho ngồi nói chuyện.

Hôm ấy trong tỉnh vừa xảy ra việc một làng tế tư-văn tranh giành nhau rồi thành đánh nhau.

Thuyết đưa hồ-sơ cho ông xem, và nhân muốn thử tài, bảo vịnh một bài thơ về việc ấy. Ông không nghĩ-ngợi đọc ngay :

曾點舍瑟起 *Tăng-Điểm xả sất khi*

子路聞之喜 *Tử-lộ văn chi hỉ*

顏淵嘆喟然 *Nhan-Uyên thán vị nhiên*

夫子笑莞爾 *Phu-tử tiếu quản nhĩ*

— Khi nghe thầy chuyện họ đánh nhau, Tăng-Điểm bỏ đàn sất đứng dậy. Thiên Tiên-tiền có chữ: *Tăng-Điểm xả sất nhi tác.*

— Tử-Lộ nghe thầy đánh nhau thì mừng; vì tính thầy hiền-dũng. Thiên Công-dã-tràng có chữ: *Tử-Lộ văn chi hỉ.*

— Nhan-Uyên ngậm-ngùi than-thở vì thầy là bậc đạo-đức. Thiên Tử-hãn có chữ: *Nhan-Uyên vị nhiên thán viết.*

— Đức Khổng-Tử mỉm cười vậy. Thiên Dương-hóa có chữ : *Phu-tử quân nhi, nhi tiêu viết* ; bài thơ ngụ-ý khôi-hài, tả được tính-tình các vị học trò Khổng-Tử khi trông thấy đám đánh nhau, mà lại dùng toàn chữ liễn trong Luận-ngữ chính-văn.

Thuyết phục tài, ôn-tồn nói :

— Người ta chỉ đồn rúa, chứ ta có giết quàng ai mô ? Bình-sinh ta rất ghét, và hay trừng-trị những bọn gian-tà phản-bội, còn bực học-giả thì ta vẫn trọng.

Liền gọi người nhà lấy năm nén bạc tặng ông, và ân-cần dặn :

— Anh về chịu khó học, hễ thi đỗ ta sẽ lức-dụng.

Mãi ngoài năm mươi tuổi, năm Bính-tuất (1886) đầu đời Đồng-khánh, nhân tránh loạn chạy ra Bắc-Việt, gặp khoa thi hương trường Nam-định, ông xin phụ thí. (Ông người Nghệ-an (Trung-Việt) mà thi ở Nam-định (Bắc-Việt) tức là biệt-hạt nên gọi là phụ-thí). Khoa ấy ông đỗ cử-nhân, thủ-khoa là Chu-mạnh-Trình.

Bấy giờ Tôn-thất-Thuyết đã vì quốc-sự chạy sang Tàu rồi.

Hồ tuy đỗ, nhưng không muốn ra làm quan, chỉ thích ngao-du sơn-thủy. Khi gặp Cường-Đề ở Huế, chuyện-trò tâm-sự rất là tương-đắc. Không bao lâu sau,

ông từ-trần. Cường-Đề hỏi gặp Phan-bội-Châu sau này, còn nhắc lại việc gặp-gỡ với Hồ, thán-phục tài-năng khi-tiết, chỉ tiếc cho thọ-số không dài để kịp ứng dụng vào lúc thời-cục khó-khăn.



— Xin ngài hóa kiếp cho



## HUỶNH-MÃN-ĐẠT

(1807-1883)

Quán làng Tân-hội, huyện Tân-long, tỉnh Gia-định, Nam-Việt.

Thuở nhỏ, học Võ-trường-Toản. Đỗ cử-nhân năm tân-mão (1831, Minh-mạng 12). Ra làm quan, triều Tự-đức giữ chức tuần-vũ Hà-tiên. Khi Pháp chiếm Nam-kỳ, cáo quan về ở ẩn tại Hà-tiên.

Ông hay qua lại Bình-Thủy (Cần-thơ) đàm-luận văn-thơ với thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa, rất là thích-ý.

Có lần ông lên chơi Saigon, đang thơ-thẩn nơi bôn-kèn ở trước tòa Đô-chính bây giờ, chợt trông thấy Tôn-thọ-Trường dừng xe độc-mã bên đường, đi đến phía ông. Ông muốn tránh, đứng núp vào gốc cây, kéo nón úp lên mặt ; song Tôn cứ bước lại chào. Ông không sao được, đành đứng ra đáp lễ bằng một bài thơ :

*Cừu mã năm ba bạn cặp-kè.*

*Duyên dẫu giải-cầu khéo đê-ne !*

*Đã cam bít mặt cùng trời đất,*

*Đâu dám nghiêng mình với ngựa xe !*



*Hón-hở, trẻ dong đường dặm liễu,*

*Thần-thờ, già nấu cội cây hòe.*

*Núp nom cũng hổ, chào thêm hổ,*

*Thà ăn non cao chẳng biết nghe...*

Chả là khi Pháp đến, Huỳnh cáo quan về, Tôn bảy giờ mới ra làm quan. Trước đấy hai bên là bạn cừu mã. *Cừu mã* do chữ *phì mã khinh-cừu* là kết bạn phong-lưu, mặc áo cừu, đi ngựa béo. Nay gặp đây, thì Tôn đã may được cơ-hội tốt, ra làm quan, cái may thật oái-oăm, đề-ne. Thôi thì một đảng *hón-hở dong dặm liễu*, nghiêng mình với ngựa xe! còn một đảng âu đành *thần-thờ núp cội hòe*, bít mặt cùng trời đất.

Tôn nghe xong, nét mặt sượng-sùng, bụng nghĩ : đương con loạn-lạc, gặp nhau giữa đường mà cũng ngâm-nga, thật đúng phong-thối nhà nho! Nhưng, như thế cũng phải : làm thơ để nói hơn là đối đáp thường vì thơ nhiều ý mà ít lời, huống chi hai bên tình-ý cũng ghen-ngào cả. Bèn đọc lại mấy vần biện-minh cho mình :

*Tình-cờ gặp-gỡ bạn tiên-liêu, (1)*

*Thi-phú ngâm-nga hứng gió chiều.*

*Thế-cục đôi-dời càng lăm lăm,*

*Thiên-cơ mẫu-nhiệm hãy nhiều nhiều.*

(1) Tiên-liêu : bạn làm quan lớp trước.

*Nước non đường ấy, tình đường ấy,  
Xe ngựa bao nhiêu, bụi bầy nhiều !  
Hãng-hái nhạc Tây, hơi thổi mạnh,  
Nghe qua, ngùi nhớ giọng tiêu-thiếu. (2)*

Ý nói thế-cục đổi thay, đi xe ngựa nghênh-ngang thế này mà có sung-sướng gì đâu ; cũng vì nhạc Tây thổi mạnh (bầy giờ đương đứng bên bôn kèn), thế Tây đương lớn, đành phải theo chiều, nhưng lòng riêng vẫn nhớ nhạc cũ.



Tôn ngâm vừa dứt, Huỳnh thấy lập-luận bằng hai chữ *đôi-dời*, không chịu, lại đọc tiếp luôn, cốt cho Tôn biết : giấy rách sao không giữ lã, giò kia dẫu nát cũng còn lại được cái khung tre chứ :

*Ngoài tai phải quấy vẫn nhàn nghe,  
Cuộc lợi đường danh ỏi giọng ve !  
Chớ nói « đôi-dời », sao cốt-cách ?  
Xưa nay giò nát vẫn còn tre !*

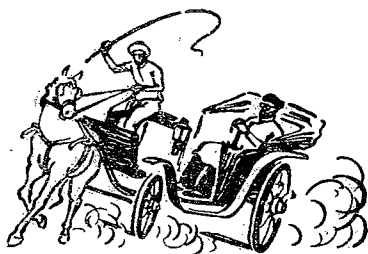
Từ đó, Huỳnh trở về Hà-tiên, tiêu-giao nơi non xanh nước biếc, không còn màng gì đến việc *đôi-nữa*.

(2) Tiêu-thiếu : nhạc đời vua Thuấn.

Năm 1883, ông từ-trần, thọ 77 tuổi.

Ông có làm bài ngụ-ngôn *Chó già* để nói tâm-sự mình lúc tuổi cao sức yếu.

*Tuy rằng muông cầu có ân-ba,  
 Rặng rụng lâu năm nó phải già.  
 Bởi đuôi hươu Tặn nên mới gỏi,  
 Vì lo khi Sở mới chùn da. (1)  
 Không ai trăn Bắc ngăn bày cáo,  
 Ít kẻ nhờ Tây giữ đũa tà.  
 Mạnh mẽ như xưa còn xốc-vác,  
 Bây giờ yếu-đuối hết xông-pha !*



*Xe ngựa bao nhiêu, bụi bầy nhiều...*

(1) Đời Tăn Thủy-Hoàng, Triệu-Cao chỉ hươu nói là ngựa, thử xem có ai theo mình không — Sở Bá-vương thường bị diều là khí đội mũ, không xứng-đáng với ngôi cao.

## KỶ-ĐỒNG

Kỳ Đồng vốn tên là Nguyễn-Văn-Cầm, người làng Trung-lập, phủ Tiên-hưng tỉnh Hưng-yên, nay thuộc về tỉnh Thái-bình. Sinh cuối đời Tự-đức, thiên-tư rất là đỉnh-ngộ. Lúc bé, thân-phụ, một nhà nho uyên-bác, bắt đầu dạy sách Tam-tự-kinh như thường lệ. Một hôm người bạn của cha ra cho một vế đối lấy ngay chữ liền trong sách ấy :

三才天地人 *Tam tài : thiên, địa, nhân*

Ông ứng khẩu liền :

四詩風雅頌 *Tứ thi : phong, nhã, tụng*

Câu ra : Tam tài là trời, đất, người. Câu đối : Bốn thơ là thể *phong*, thể *đại nhã*, thể *tiểu nhã*, thể *tụng*. Câu đối khó là vì : tam là số ba, thiên, địa, nhân là ba thứ, mà đối lại tứ là số bốn thì là thừa một, song *phong*, *n nhã*, *tụng*, tuy bốn mà cũng chỉ có ba thể, vì *đại-nhã* *tiểu-nhã* kể là một.

Ông khách phục là bậc thiên-tài.

Hồi lên mười tuổi, ngũ kinh, tứ thư đều thông, vì ông chỉ trông qua mắt là nhớ, mỗi ngày học đến trăm trang sách in.

Năm ấy, nhân có kỳ hạch ở tỉnh Hưng-yên, để năm sau thi hương trường Nam-định, ông và thân-phụ đều lên tỉnh hạch. Khi các quan tỉnh và huấn-đạo, giáo-thụ, hội đồng ở nhà văn-miếu, thấy ông còn nhỏ mà đã



đi thi đều lấy làm lạ, cho gọi đến hỏi quê-quán, ông thưa ở làng Trung-lập phủ Tiên-hưng. Quan tỉnh ra câu đối :

*Đứng giữa làng Trung-lập*

Ông đối ngay :

*Dãy trước phủ Tiên-hưng*

Câu ra, chữ trung-lập 中立, nghĩa là đứng giữa.

Ông đối chữ tiên-hưng 先興 nghĩa là dãy trước.

Các quan tâm-tắc khen hay, ra cho câu nữa :

孔門傳道諸賢，曾子子思孟子

*Không-môn truyền đạo chư hiền, Tăng-tử, Tử-tư, Mạnh-tử*

Ông đối :

周室開基例聖，太王王季文王

*Chu-thất khai cơ liệt thánh, Thái-vương, Vương-quý, Văn-vương.*

Câu ra : Các đấng hiền truyền đạo-lý đức Khổng, có Tăng-tử, Tử-tư, Mạnh-tử.

Câu đối lại : Mọi ông thánh mở cơ-nghiệp nhà Chu, có Thái-vương, Vương-quý, Văn-vương.

Câu ra, khó và lắt-léo ; dùng ba chữ *Tử*, mà trong tên Tử-tư, chữ *Tử* ở trên, còn tên Nhan-tử, Mạnh-tử, hai chữ *Tử* đều ở dưới. Ông đối được hay, là có ba chữ *Vương, Vương-quý* chữ *vương* ở trên, còn *Thái-vương* và *Văn-vương*, chữ *Vương* ở dưới. Hội-đồng đều lấy làm khen ngợi.

Hồi ấy, nước ta đương trọng văn-học, các quan thấy ông còn ít tuổi mà có kỳ-tài, bèn làm sớ trong có biên cả hai câu đối dâng về kinh.

Vua Tự-đức xem thấy liền sắc cho hai chữ *Kỳ-Đông*, và châu phê vào sớ :

此係年輕，未可錄用，著交興安省  
臣教育，儲為國家他日之用。

*Thử hệ niên khinh, vị khả lục dụng, trước giao Hưng-yên tỉnh thần giáo-dục, trừ vì quốc gia thu nhật chi dụng.*

— Tên này còn ít tuổi, chưa thể lục dụng được, nay giao tinh thần Hưng-yên dạy bảo, dành để khi lớn lên, nhà nước sẽ dùng.

Vì có chữ vua cho nên đời gọi ông là Kỳ-Đồng.

Từ đây tiếng-tăm lừng-lẫy, ai ai cũng có triển vọng về tài lạ của ông. Cách mấy năm sau, Pháp lấy Bắc-kỳ, rồi đặt cuộc bảo-hộ. Ông vốn có chí-khí, lại được mọi người tin-phục, nên nghĩ rằng việc xoay lại thời-cơ có lẽ dễ-dàng, bèn mộ những thanh-niên suýt-soát tuổi với mình, tổ-chức một đạo quân hai mươi tám tướng, gọi là *nhị thập bát tú*. Ông dẫn đầu, tay cầm cờ *nhị-thập-bát-tú*, kéo quân lên khôi-phục lại tỉnh-thành. Người Pháp thấy một đoàn thiếu-sinh cầm dáo-mác gây gộc, cho là trò trẻ không lấy làm quan-tâm, cứ để vào tỉnh, rồi cho lính khố xanh ra bắt. Tra hỏi thì hai mươi tám người đều khai ra Kỳ-Đồng. Pháp tha hai mươi tám người về, còn giữ ông lại, sau cho sang Pháp học. Học mấy năm, thi đỗ tú-tài. Nước ta đỗ tú-tài Pháp, có lẽ ông là người trước nhất.

Ông ở Pháp mấy năm, sự học biết càng thêm rộng, người Pháp muốn cho ông về nước làm quan. Ông cố ý từ chối :

— Tôi về làm quan thì không có ích gì cho dân cả, nay xin về mở-mang việc làm ruộng có lẽ hơn. Xin

chính-phủ cho một khu ruộng ở Bắc-kỳ, và cấp ngư-canh điền-khí để khẩn hoang.

Người Pháp chiều ý, và tư bề phủ thống-sứ Bắc-kỳ, để ông được tùy-ý lựa chọn khu đất nào muốn khai-khẩn. Năm đinh-dậu (1897), đời Thành-thái, ông lên Yên-thế mở đồn-điền. Ông có làm bài thơ tự-thuật lúc ra đi Yên-thế :

Đường lên Yên-thế

千里悠悠一路岐  
*Thiên lý du du nhất lộ kỳ*

騎驢相顧沒相隨  
*Kỵ lô tương cõ một tương tùy*

雖翔千仞猶虞難  
*Tuy tường thiên nhạn, do ngư nan*

難寓孤山作住持  
*Nan ngụ cô sơn tác trụ trì*

治疇願學伊先覺  
*Trị trù nguyện học Y tiên giác*

楊節難扶漢故基  
*Dang tiết nan phù Hán cố kỳ*

寄姑樂我耕耨暇  
*Ký cô lạc ngã canh sừ hạ*

何事奄奄作皺眉  
*Hà sự yêm yêm tác trữu mi*



- Đường thiên lý quanh co dài dằng dặc
- Cưỡi lừa, gánh cổ lại không thấy người đi theo
- Dấu bay cao đến nghìn nhận, vẫn phải lo đến quốc-nạn
- Khó lòng ở chôn cô sơn này làm nơi trụ trì được
- Nay ta làm ruộng, học như ông Y-Doãn ngày xưa, cây ở đất Hữu-Sân
- Dấu đưa hết khí tiết, cũng khó phù được cơ-nghiệp nhà Hán
- Thôi ta tạm lầy việc cấy bừa làm vui khi nhàn rồi
- Việc gì phải dăm dăm nghĩ ngợi chau mày!

Thề thơ độc đáo, và thuần túy Việt-Nam : hai chữ cuối câu trên, nói lái lại tiếp thành hai chữ đầu câu dưới.

Nhưng xem khẩu-khí đã thấy có ý chán-nản : *dang tiết nan phù Hán cổ-ki.*

Bài thơ này truyền-tụng đi, trong Trung ngoài Bắc mộ tiếng ông, theo đến rất nhiều. Trên đường đi Yên-thế-lũ-lượt quần nâu áo vải, tay xách nách mang, thành cả một phong-trào di-cư lập ấp. Lại tiện chỗ đồn-điền gần với đất Phồn-xương, rất dễ cho ông liên-lạc với Đề-Thám. Người Pháp thấy thế có ý lo-ngại, bèn bắt ông đưa đi đày ở đảo Tahiti.

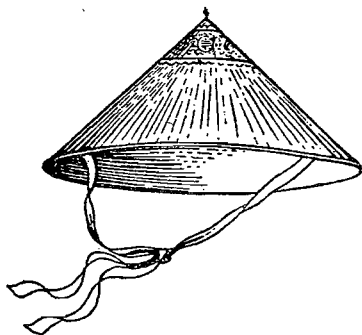
Ông ở đây, chung quanh toàn dân mọi, nên ông lấy vợ người mọi, sau sinh được một con trai đặt là

Paul Văn-Cầm và một con gái, là Thérèse Văn-Cầm. Vì sinh-kế, ông vào làm chuyên-viên thí-nghiệm hóa-học tại nhà thương Tahiti. Thường làm thơ tiêu-khiến bằng Pháp-ngữ, và sinh-hoạt theo hần lối Âu-tây, không còn nghĩ ngợi gì đến nước cũ, việc cũ.

Ông mất năm 1928 tại Tahiti.

Con trai làm nghề ăn-loát, con gái lấy chồng người Pháp, công-chức ở đảo. Khi ông mất, có để lại một cái nón lông cộc chóp bạc (*nước ta cái nón chóp bằng lông chỉ những bậc quý-phái đương-thời mới dùng*).

Cho hay hoa đẹp chưa ắt đã kết thành quả ngon : buổi thiếu-thời thông-minh mẫn-tiếp là như thế mà về sau, tiếc thay, chỉ còn để lại mấy câu thơ, một cái nón chóp và... một tên phổ!





## LÊ-DỰ

Người tỉnh Thanh-hóa, nổi tiếng hay chữ, nhưng thi mãi không đỗ.

Đến tháng 6 năm quý-mão, Thành-thái 15, có khoa thi hương ở Thanh-hóa, ông với người bạn cùng tuổi là Mai-hữu-Dụng, cùng đi thi, nhưng cả hai đều hỏng. Bèn rủ nhau ra Bắc chơi giải buồn. Tháng 10 năm ấy đến Nam-định, vừa gặp khoa thi ; có hai người nghe tiếng hai ông hay chữ, đến nhờ thi hộ.

Mai-hữu-Dụng làm gà cho một người, văn 3 kỳ đều được ưu, bình, đã có bằng được vào phúc-hạch. Lê trường thi, quyền nào có ưu, bình, mới được vào phúc-hạch, để định hạn cử-nhân cao thấp, còn 3 kỳ đứng thứ cả thì liệt vào hạng tú-tài.

Nhưng đến kỳ phúc-hạch, bị kiểm-soát rất ngặt, họ Mai không dám đội quyền vào thi hộ, mà người đứng tên thi học-lực lại kém quá, sợ vào trường làm bài không nổi, nên phải cáo ốm, không dự thí. Vì thế nên hỏng, không đỗ cử-nhân, mà cũng không được tú-tài.

Còn Lê-Dự làm gà cho người thứ hai, 3 kỳ chỉ được có *thứ* thôi, người này được đỗ tú-tài.

Cách 3 năm sau, đến khoa binh-ngọ, Thành-thái 18, hai ông lại cùng đi thi hương trường Thanh-hóa. Khi xướng danh, Lê-Dự đỗ giải-nguyên, Mai-hữu-Dụng đỗ á-nguyên. Lê mừng Mai câu đối :

與我同術又與我同庚記昔年客地遊  
鴻能聲幾壓我，

*Dữ ngã đồng thuật, hựu dữ ngã đồng canh, ký tích niên khách địa du hồng, năng thanh cơ áp ngã,*

有君之才而有君之遇羨爾日長途展  
驥回首更逢君。

*Hữu quân chi tài, nhi hữu quân chi ngộ, tiện nhi nhật trường đồ siễn ký, hồi thủ cánh phùng quân.*

— Vói ta cùng học lại vói ta cùng tuổi, nhớ ngày trước lúc đi chơi, như chim hồng bay đất khách, tiếng hay chữ của ông, chút nữa thì đè ta,

— Có tài học như ông, nên có sự gặp gỡ như ông, mừng ngày nay, đường trường ngựa hết sức chạy, quay đầu lại, lại gặp ông.

*Câu trên* : nhắc lại chuyện hai ông khi ra Bắc chơi, Mai làm gà quyền ưu được vào phúc hạch, nếu lọt phúc hạch thì đỗ cử-nhân, còn quyền mà Lê gà chỉ đỗ tú-tài, thế là chút nữa tiếng hay chữ của Mai hơn hẳn Lê.

*Câu dưới* : hai ông nay đi thi, đều hết sức trở tài, Mai đỗ dưới Lê (Lê quay lại, thấy Mai đứng ngay sau lưng mình, như thế đủ biết tài học Mai kém Lê).

Cách mấy năm sau, Lê-Dự liên can vào đảng Văn-thân Thanh-hóa, bị đẩy lên Lao-bảo, rồi mất ở đấy.

Còn Mai-hữu-Dụng, đến khoa quý-sử, Duy-tân 7, đỗ tam giáp tiến sĩ. Người ta bảo như thế là ứng vào câu : *Hữu quân chi tài, nhi hữu quân chi ngộ*.

Tuy-nhiên, tài ngộ của Mai có vẻ-vang đấy, nhưng chưa ắt đã hơn Lê : Lê-Dự chết trước mà khí-tiết còn lại về lâu dài...



*Hỏi-thủ cánh phùng quân...*



## LÊ-SĨ-NGHỊ

Sinh năm 1877, quán tỉnh Hưng-yên, nổi tiếng thông-tuệ từ nhỏ. Năm giáp-ngọ (1894), mới 17 tuổi, đã về thi hương tỉnh Nam-định. Sĩ-tử nghe tiếng ông đều lấy làm ngại. Kỳ đệ-nhất ông làm tới 7 bài kinh-nghĩa. Lệ thi hương, chỉ bắt-buộc có 2 bài, một bài kinh một bài truyện, ông đã làm tất cả 5 bài kinh và 2 bài truyện, bảy bài đều được phê ưu, thật là một kỳ-lục. Nhưng sau xét lại một bài truyện, đầu bài là :

道之將行也歟 *Đạo chi tương hành dã dư*

— Đạo của ta nêu gặp lúc được thi-hành

(lấy chữ Luận-ngữ) ông chép đầu bài vô ý bỏ mất chữ *Dã*. Như thế là phạm trường quy, dầu văn hay hay đến đâu cũng phải ra bảng con, tức là hỏng.

Song, quan trường có ý tiếc tài.

Ngày ra bảng kỳ đệ-nhị chánh-chủ-khảo Cao-xuân-Dục cho loa gọi ở cửa trường : thí-sinh Lê-sĩ-Nghị ở Hưng-yên, vào cho quan-trường hỏi. Ông vào thì chủ-khảo phàn-nàn cho ông bị hỏng, úy-lạo và tặng ông bài thơ :



宇宙無完局 *Vũ-trụ vô hoàn cục*  
 江山再秀靈 *Giang sơn tái tú linh*  
 今君遺一也 *Kim quân di nhất dã*  
 吾道冀終行 *Ngô đạo ký chung hành*

- Trong vũ-trụ không có cuộc nào hoàn-toàn
- Non sông ta vẫn còn khí linh-tú
- Nay phải bỏ sót ông là một vậy
- Đạo ta mong có lúc được thịnh-hành.

Bài thơ có ý dụng-tâm, câu thứ nhất thứ hai rút ở chính trong bài kinh-nghĩa của họ Lê làm :

宇宙無完全之局  
*Vũ-trụ vô hoàn-toàn chi cục*  
 江山憑再秀之靈  
*Giang-sơn bằng tái-tú chi linh*

Câu thứ ba : tiếc ông là bậc nhân-tài, nhưng lại ngụ ý đầu bài của ông bỏ sót chữ *dã*.

Câu thứ tư : mong ông sau này thành-đạt.

Khoa này hỏng, ông trở về cô gắng học thêm. Đến khoa đình-dậu (1897) lại hỏng nữa. Cách ba năm sau, khoa canh-tý (1900) đỗ cử-nhân á-nguyên. Năm ấy, Vũ-Tuân, người tỉnh Hải-dương, đỗ giải-nguyên. Khi ban yến, quan trường gọi Lê đến hỏi :

— Anh Vú-Tuân đỗ thủ-khoa, anh có phục không ?

Ông thưa :

— Tôi lên đến Nam-định, mới biết khoa này có anh Vú-Tuân tôi cùng thi, tại anh Vú còn hơn tôi gấp bội, âu cũng là cái sô-phận về khoa-danh nên thế.

Vú-Tuân và Lê-sí-Nghị là hai người có chân-tài, có thực-học khét tiếng trong sĩ-lâm. Song vì khoa ấy họ Vú đỗ nhất, họ Lê đỗ nhì, mà người đỗ thứ ba lại là Lê-Tuyên, một tay học soàng, nên Tú-Xương có bài thơ :

*Hai đũa tranh nhau cái thủ-khoa,*

*Tuân khoe văn hoạt, Nghị văn già.*

*Khoa này đỗ rặt phùng hay chữ*

*Kìa chú Lê-Tuyên đứng thứ ba.*

Tú-Xương buồn vì kỳ này lại trượt nên đã chữa thẹn bằng cách diễu hai ông thủ-khoa, á-khoa : tài các ông tiếng vậy cũng chẳng bao-nhiều, bất quá hơn Lê-Tuyên là nhiều !

Ông Nghị được bổ về huân-đạo Kim-sơn (Ninh-bình). Lệ ngày xưa các quan mới bổ đến nơi nào thì khi vào quan tỉnh, phải mặc áo tặc và lạy hai lạy. Ông vào công-sứ Ninh-bình, chỉ vái thôi chứ không lạy công-sứ chẳng lấy thể làm phật ý. Song cái thái độ bất-khuất ấy được dân chúng ca-ngợi lắm.

Hôm sau sang yết kiến đốc học Nguyễn-thượng-Hiền, ông sụp lạy ngay hai lạy. Nguyễn ngạc-nhiên hỏi :

— Sao hôm trước ông vào sứ lại không lạy ?

— Ông thân-nhiên thưa :

— Bẩm, hôm ấy tôi quên !



*Bẩm, tôi quên !*

## NGUYỄN-CAO

(Tán Cao)

Sinh năm 1840 tại làng Cách-bi, tức làng Gạch, huyện Quế-dương, tỉnh Bắc-ninh (Bắc-Việt), học trò hoàng-giáp Phạm-văn-Nghị, sau giữ chức tán-tương quân-vụ chống Pháp, nên thường gọi là Tán Cao.

Cha là tri-huyện Nguyễn-Hành, thất-lộ sớm, năm Cao mới lên bốn. Mẹ bảy giờ tuổi ngoài hai mươi, lại có nhan-sắc.

Một hôm lý-trưởng làng Gạch gặp bà ở quãng đường vắng, đã chòng-gheo một cách bí-ối là đưa tay chạm vào ngực bà. Bà dịu-dàng nói :

— Tôi là người góa-bụa, một ngày kia rồi cũng phải tái-giá. Xin ông đợi tôi hết tang sẽ liệu bề gia-thất, đi đâu vội mà phải làm trò dâm-bộc thế này, người ta cười chết !

Tám năm sau, nhân ngày kỵ chông, bà sắm-sửa cỗ bàn linh-đình, mời họ hàng làng mạc đến uống rượu, tất-nhiên mời cả lý-trưởng nữa. Lễ xong, bà đứng trước bàn thờ, lấy dao cắt bên nhũ-bộ đã bị nhục, vút vào mặt lý-trưởng, rồi tiện tay đâm luôn vào cổ tự tận.

Khi ấy, Nguyễn-Cao đã 12 tuổi, được thân-nhân gửi xuống ở học nhà viên tú-tài Nguyễn-gia-Chấp xã Liễu-ngạn, phủ Thuận-thành, nguyên là chỗ thể-nghị.

Tú-tài họ Nguyễn cũng thanh-bạch lắm, quanh năm chỉ có sáng bữa cơm, chiều bữa cháo. Nhưng ngày nông-vụ, thầy trò còn phải đóng khố ra ruộng nhờ mạ và làm việc đồng-áng.

Đến năm Nguyễn-Cao ngoài 20 tuổi, học đã đủ lối, viên tú-tài mới cho xuống nhập môn hoàng-giáp Phạm-văn-Nghị ở Tam-đăng. Vốn con nhà gia-giáo, lại bẩm tính thông-minh, năm 28 tuổi Cao thi đỗ thủ-khoa (đinh-mão, 1867).

Đầu tiên ông được bổ làm tri-huyện Yên-dũng, sau thăng tri-phủ Lạng-giang. Lúc Pháp gây hấn, ông giữ chức bang-biện quân-vụ. Rồi ông lên bổ-chánh Thái-nguyên, được ít lâu xin đi khẩn hoang ở Nhã-nam.

Năm quý-mùi (1883) ông sung chức Bắc-kỳ tán-lý quân-vụ. Đến khi ta ký hòa-ước với Pháp, ông lấy làm bất-mãn, bèn cùng với đồng-chí treo ấn từ quan.

Năm 1885, vua Hàm-nghi xuất-bôn, xuống chiếu cần-vương. Nguyễn-Cao tìm đến chiến-khu Bãi-sậy phụ lực với Nguyễn-thiện-Thuật, chuyên giữ việc huấn-luyện chiến-thuật du-kích. Nghĩa-quân do Nguyễn-Cao chỉ-huy thường đánh phá đồn Pháp, gây thiệt-hại cho địch không ít.

Sau Pháp phải dùng đại-binh, hợp quân cùng lính của Hoàng-cao-Khải và Lê-Hoan, thắt chặt vòng vây Bãi-sậy. Chủ tướng Nguyễn-thiện-Thuật chạy lên Thái-nguyên rồi thuận đường sang Trung-hoa. Nguyễn-Cao tìm về nương-náu tại làng Kim-giang, phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-đông, là làng Phùng Thoại, nguyên là đốc học và cũng đã bỏ quan về ẩn. Ít lâu, Phùng-Thoại tạ thế, họ Nguyễn bèn mở trường dạy học trong làng, học trò đến học rất đông. Vốn người đạo-đức, nên được khắp vùng kính nể như bậc phụ-huynh.

Một hôm, có một nhà nho đến xin họ Nguyễn đại-nghĩ cho đôi câu đối để mừng một ông đồ tiến-sĩ làm quan to, họ Nguyễn viết :

大家積德百年，而今也高名顯宦

*Đại gia tích đức bách niên, nhi kim giã cao danh  
hiển hoạn.*

聖朝開科取士，所求乎子孝臣忠

*Thánh triều khai khoa thủ sĩ, sở cầu hồ tử hiếu  
thần trung.*

— Nhà đại-gia tích đức hàng trăm năm nên ngày nay ông Nghè được làm quan to nổi danh lừng-lẫy ;

— Nhà vua mở khoa thi kén học trò, mong muốn rằng chọn được người làm con có hiếu, làm tôi phải trung.

Không ngờ ông Nghè nạn nghĩa cho rằng câu này dụng ý mỉa-mai, bèn găm báo quan trên đến bắt họ Nguyễn về tội phản-đối chính-phủ Bảo-hộ. Khi Nguyễn

bị bắt, học trò và cả dân làng Kim-giang rủ nhau gom góp mỗi người một quan tiền xanh để lo-lót cho Nguyễn, rồi Nguyễn được tha về.

Về sau, đề-đốc Nhung muốn lập công, lại báo bắt lần nữa. Dân làng lại bỏ tiền tay như lần trước, mong để Nguyễn thoát nạn, song Nguyễn không muốn phiên-lụy xa gần nhiều quá, tự ra xuất thú. Khi bị giải đến trước mặt các quan tây và nam, trong đó có Hoàng-cao-Khải, hội-đồng dụ-dỗ nếu chịu ra làm quan sẽ bỏ chức to và còn hậu đãi là khác. Nguyễn không chịu hàng. Hội-đồng lại cho đem khí-cụ tra-tấn ra để dọa-nạt. Nguyễn mỉm cười, lạnh-lùng :

— Tôi đâu có sợ chết, sẽ có cách tự-xử, khỏi phiền đến ai.

Nguyễn thò tay vào trong áo lấy mảnh sứ đã dấu sẵn, khoét rỗng, rút ruột ra vút vào mặt họ Hoàng, rồi thống mạ thậm tệ, làm cho cử-tọa vừa kinh-hoàng vừa tức giận. Một lát sau máu miệng Nguyễn trào ra : Nguyễn đã cắn lưỡi tự tận.

Văn-thân Bắc-hà có bài thơ viếng như sau :

一代才名百代雄  
 Nhất đại tài-danh, bách đại hùng  
 損生就義自從容  
 Quyên sinh tựu nghĩa tự thung-dung

誓 心 天 地 披 腸 白  
*Thệ tâm thiên địa phi tràng bạch*

嚙 齒 江 山 滿 舌 紅  
*Khiết xỉ giang-san mãn thiệt hồng*

故 國 孤 臣 餘 一 死  
*Cố quốc cô-thần dư nhất tử*

河 城 正 氣 足 三 忠  
*Hà thành chánh khí túc tam trung.*

旁 觀 不 少 觀 貼 者  
*Bàng quan bất thiểu quan-chiêm giả*

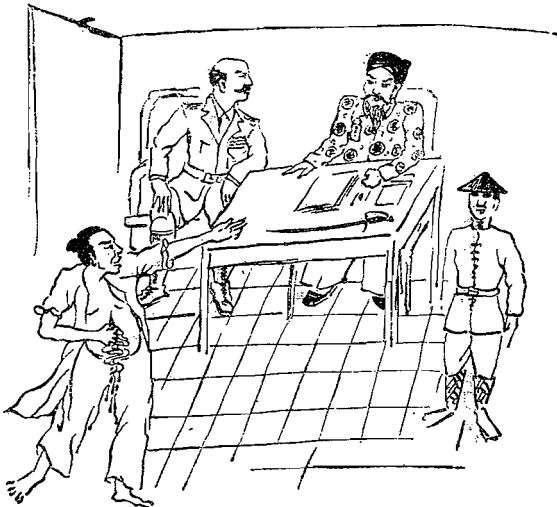
人 喜 人 愁 人 惜 功  
*Nhân hỉ, nhân sầu, nhân tích công.*

- Một đời tài danh, trăm đời oai hùng
- Bỏ mình lộn nghĩa, mà vẫn thung dung
- Khoét bụng rút ruột ra thể với trời đất là tâm lòng vẫn trong trắng.
- Cắn răng nhai lưỡi tỏ với núi sông rõ sẵn có bầu nhiệt huyết chứa trong lòng.
- Kẻ cô-thần một nước cũ đã thừa một cái chết (*lúc nào cũng sẵn lòng chết vì nước*).
- Chính-khí ở Hà-thành bây giờ là đủ ba vị trung thần (Nguyễn-tri-Phương, Hoàng-Diệu, Nguyễn-Cao).
- Bàng quan rất nhiều người quan-chiêm việc tuần-tiết này.
- Người mừng, người buồn, người tiếc công ông đánh giặc cứu nước mà không thành.



## Bản dịch Nhân-Phủ :

*Rút mực tài danh, rút mực hùng !  
Bỏ mình vì nghĩa vẫn ung-dung...  
Dạ vàng tỏ rõ cùng trời đất  
Máu đỏ chan hòa khắp núi sông.  
Nước cũ cô-thần thừa một chết  
Thành Hà trung-liệt đủ ba ông.  
Bàng quan thiên-hạ bao người đó ?  
Ai tui, ai mừng, ai tiếc công...*



## NGUYỄN-HỮU-HUÂN

(Thủ-khoa Huân — 1841-1875)

Sinh năm 1841 (Thiệu-trị 1), tại Định-trường, làng Tịnh-hà ; năm chưa đầy hai mươi tuổi, thi đỗ thủ-khoa, nhưng không màng đến công-danh. Năm 1861, đứng ra tổ-chức nghĩa-quân trong các tỉnh Định-trường, Kiên-giang, Hà-tiên, Châu-đốc. Lại giao-thiệp với các tàu buôn Hải-nam để mua khí-giới ở Trung-hoa.

Sau vì cạn lương, ông phải giải-tán bớt nghĩa-binh và về ẩn-náu ở Chợ-gạo, Định-trường.

Năm 1863, bị quân đội Pháp bao vây, ông chạy thoát đến Châu-đốc, nhưng rồi bị bắt ở đó.

Viên tư-lệnh Pháp dụ hàng, ông không chịu, nên bị đày đi Côn-đảo, và sau đi đảo Réunion ở Đông-nam Phi-châu.

Khi sắp đi đày, ông làm một bài thơ cảm-khái :

*Muôn việc cho hay số bởi trời,*

*Chiếc thân hồ-hải biết đâu nơi ?*

*Mấy hồi tên đạn ra tay thử,*

*Ngàn dặm non sông đạo gót chơi ;*

*Chén rượu Tân-đình nào luận tiệc,  
 Văn thơ cổ-quốc chẳng ra lời ;  
 Cương-thường bởi biết mang nên nặng,  
 Hễ đứng làm trai trả nợ đời.*



Năm 1874, Nam triều nhường sáu tỉnh miền Nam cho Pháp, Pháp tha ông về, nhưng giao cho tổng-đốc Đỗ-hữu-Phương quản-thúc.

Phương vốn là bạn cũ, tổ-chức một bữa tiệc mừng ông, luôn tiện mời các quan người Việt trong chánh quyền mới đến dự.

Nhân có nhiều người yêu-cầu ông thủ-khoa làm thơ, ông mới thủng-thắng ngâm mấy câu như sau :

*Nghĩ thẹn râu mày với nước non,  
 Nhìn nay từng cúc, bạn xưa còn ;  
 Miếu-đường cách trở bề tôi chúa,  
 Gia-thất riêng buồn nỗi vợ con.  
 Áo Hán nhiều phen thay vẻ lạ,  
 Rượu Hồ một mặt đắm mùi ngon ;  
 Giang-đông nổi tiếng nhiều tay giỏi,  
 Cuốn đất kìa ai, dám hỏi đon !*

Nghe thơ, cử tọa ra vẻ cảm-động nhưng cũng không khỏi sượng-sùng vì hai câu luận : áo Hán thay vẻ lạ, rượu Hồ đậm mùi ngon !

Trong thời gian bị quản-thức ở nhà Phương, ông chỉ nằm nghỉ, ngâm thơ uống rượu, và tỏ ý rất băn-khoăn về gia-đình, cốt đề cho Phương yên trí ông đã chán nản mọi việc. Quả nhiên, Phương tưởng thật, xin Pháp trả tự do cho ông. Bảy giờ Pháp đã nắm vững được tình hình rồi, nên cũng ưng-thuận thả ông ra. Được tha rồi, ông lại... ngấm-ngấm tổ-chức nghĩa-quân chống Pháp.

Tháng tư năm 1875, ông bị quân Pháp vây bắt.

Lần này, Pháp lại dụ hàng nữa, song ông khăng-khăng một mực, nên bị đem hành-hình tại chợ Phú-kiết, tỉnh Định-trường.

Trước khi tự hình, ông yêu cầu cho vợ con tế sống một tuần và xin vải để viết bài thơ tuyệt-mạng và đôi câu đối như sau :

### Thơ tuyệt-mạng

汗馬難堪爲國仇  
*Hãn mã nan kham vị quốc-cừu,*

只因兵敗致身體  
*Chỉ nhân binh bại trí thân hư ;*

英雄莫把贏偷論  
*Anh-hùng mạc bả doanh-thâu luận,*

宇宙長看節義留  
*Vũ-trụ trường khan tiết nghĩa lưu.*  
 無怖己驚胡虜魄  
*Vô bố dĩ kinh Hồ-lỗ phách,*  
 不降甘斷將軍頭  
*Bất hàng cam đoạn Tướng-quân đầu.*  
 當年菽水波流血  
*Đương niên Tho-Thủy ba lưu huyết*  
 龍島秋風起暮愁  
*Long-đảo thu-phong khởi mộ-sầu.*

Bản dịch của Phan-bội-Châu :

Ruồi dong vó ngựa trả thù chung,  
 Binh bại cho nên mạng phải cùng.  
 Tiết-nghĩa vẫn lưu cùng vũ-trụ,  
 Hơn thua xá kể với anh-hùng!  
 Nỗi xung măt vĩa quân Hồ-lỗ,  
 Quyết thác không hàng, rặng núi sông,  
 Tho-Thủy ngày rày pha máu đỏ,  
 Đảo Rồng hiu-hắt ngọn thu phong.

Câu đối :

有志難申空枉百年昭物議  
*Hữu chí nan thân, không ưỡng bách niên chiêu*  
[vật-nghị,

雖功不就亦將一死報君恩  
*Tuy công bất tựu, diệp tương nhất tử báo quân-ân*

*Có chí khôn bày, không uống trăm năm lời nghị chúng,  
Tuy công chưa lập, cũng đành một thác báo ơn vua*

Rồi lại ngâm to bài thơ nôm sau đây rồi mới ngựa  
cổ cho chém : năm ấy ông mới 35 tuổi.

*Hai bên thiên-hạ thấy hay không ?*

*Một gánh cương-thường, há phải gông :*

*Oằn-oại hai vai quân-tử trúc,*

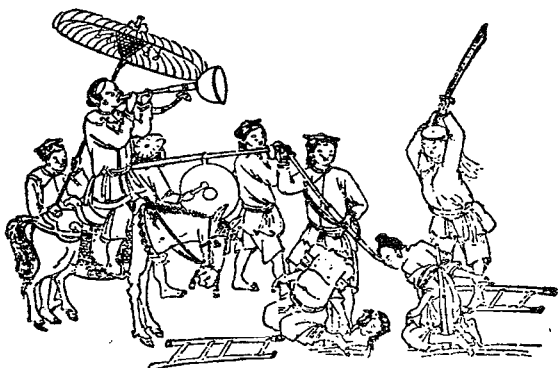
*Long-lay một cỗ trượng-phu tông.*

*Sống về đất Bắc danh còn rạng,*

*Thác ở thành Nam tiếng bỏ không.*

*Thắng bại, doanh thâm trời khiến chịu,*

*« Phản thần », đ. m. đưa cười ông !*



*Một vụ hành quyết đời xưa*



## NGUYỄN-KHUYẾN

(Tam-nguyên Yên-đồ)

Người làng Yên-đồ, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam (Bắc-Việt). Sinh năm 1835, trong một gia-đình khoa-bảng. Nguyên tên là Nguyễn-tất-Thắng, sau thi không đỗ mới đổi ra Nguyễn-Khuyến, đề tự cảnh-giác.

Năm 1864, đỗ giải-nguyên trường Hà-nội, năm 1871 đỗ hội-nguyên và đình-nguyên, tức là tam-nguyên, ba giải nhất, vì ít ai đỗ cao như thế nên đời thường gọi cụ là tam-nguyên Yên-đồ.

Sơ-bổ đốc-học Thanh-hóa, rồi thăng bổ-chánh Quảng-ngãi. Năm 1882, cử làm thương-biện Hà-nội giữ việc thương-thuyết với Pháp, sau bổ-nhiệm tổng-đốc Sơn-Hưng-Tuyên, đến năm 1885, lấy cố đau mắt, cáo quan về nhà. Năm canh-tuất (1910) tạ-thế.

Thơ ca câu đối của Yên-đồ, các sách báo đã lục đăng nhiều. Đây chỉ xin nhắc lại một vài giai-thoại ít người biết, còn mây bài thơ đã phổ-biên có chép lại cũng chỉ chép là để cho rõ tinh-tiết.



Trương truyền rằng khi còn ít tuổi, mắt ông đã kèm-nhèm, vậy mà cũng hay ngấp-nghé con gái một ông cử ở làng bên. Cô này đem chuyện mách cha, ông cử liền cho mời ông đến, buộc làm một bài thơ, lấy đầu đề là :

*Cua chơi trăng*

lấy chữ *trăng* làm vần.

Thầy cái đầu-đề có vẻ dè-bủi, ông tuy bực mình, song cũng ngâm ngay tám câu :

*Vầng vặc đêm thu ánh xẽ chùng,  
Ham thanh, cua mới muốn chơi trăng.  
Nghiêng mai lách ngược qua dòng biếc,  
Ghé yếm bò ngang nhón bóng hồng.  
Cung quẽ chòn-vòn hương mới bén,  
Vườn đào thoang-thoảng gió như nâng.  
Một mại cá nước, cua vui phận,  
Trăng muốn tìm cua, dễ được chăng ?*

Ông cử thấy lời thơ hoạt-bát và ý thơ khẳng-khải, sinh lòng mến-phục, nên đổi thái độ, tiếp đãi rất ân-cần. Khi họ Nguyễn từ về, ông tiễn ra mãi cổng làng. Đến đây, thầy chùa làng có cây thông con mọc bên một cây tháp cao, ông cử tay trở miệng nói :

— Giờ lại xin thầy vịnh cái cảnh này đã rồi hãy về.

Yên-đỗ đọc ngay :

有一青松在塔際  
*Hữu nhất thanh tùng tại tháp tế :*

塔松長短不相齊  
*Tháp, tùng, trường đoản bất tương tế.*

世人只道青松短  
*Thế-nhân chỉ đạo thanh-tùng đoản,*

他日松高塔又低  
*Tha nhật tùng cao tháp hựu đề !*

Bản dịch của Nhân-Phủ :

*Thông, tháp, hai cây đứng cạnh nhau,  
 Tháp dài, thông ngắn, ngắm không đều.*

*Miệng đời chỉ nói thông sao thấp*

*Thông mọc rồi cao, tháp thắm đâu !*

Ông cử khen-ngợi không ngớt, sai học-trò vác năm quan tiền theo Yên-đồ đến tận nhà, giao xong mới được về.

Không rõ về sau, *cua* có được chơi trăng không, nhưng *cua* cũng đã được dịp trở tài nói ngang...



Yên-Đồ là bạn thiết với Vân-Đình. Ai đọc bài *Khóc Vân-Đình* cũng đã rõ :

*Có khi từng gác treo-leo,*

*Khúc vui con hát lựa chiều cầm-soang.*

*Cũng có lúc rượu ngon cùng nhấp,*

*Chén quỳnh tương ấm-ấp bầu xuân...*

Hai ông lại thường hay thi tài văn chương với nhau. Có lần đương cùng đi chơi trên đường cái-quan, chợt thấy đằng trước một người ăn mày để bị trên bờ cỏ rồi lăn vào sau bụi cây, làm một việc cần. Vân-Đình đồ Yên-Đỗ tìm được điển tích nào thích-hợp với sự-kiện ấy. Yên-Đỗ tùm-tùm đọc :

方寸亂矣捨備之操

*Phương-thôn loạn hĩ, sả Bị chi Tháo.*

Truyện Tam-Quốc — Từ-Thứ được thư của mẹ, trong bụng rối loạn, bỏ Lưu-Bị đi sang với Tào-Tháo.

Bị đây là bị ăn mày, mà *tháo* thì từ vị-trí danh-từ đã nhảy sang quyền-lực một động-từ có tính-cách khẩn-cấp... bất-khả-kháng!

※

Năm 1873, sau khi tướng Pháp Francis Garnier bị quân Cờ Đen giết, các quan ta ở Hà-nội theo lệnh triều-đình nghị hòa với Pháp, nên phải tổ-chức một lễ truy-điệu, để gây một không khí thuận tiện. Tổng-đốc Hà-nội Trần-đình-Túc, cử Yên-đồ làm một bài văn-tế. Cụ viết mấy câu như sau :

*Cái mắt ông xanh,*

*Cái da ông đỏ,*

*Cái tóc ông quăn,                      Cái mũi ông lõ,*  
*Đít ông cưỡi lừa,                      Miệng ông huyết chó.*  
*Ông đeo súng lục liên      Ông đi giày có mỏ.*  
*Ông ở bên Tây,                      Ông sang bảo-hộ,*  
*Ông đẹp Cờ-Đen,                      Để yên con đỏ.*

Nào ngờ :

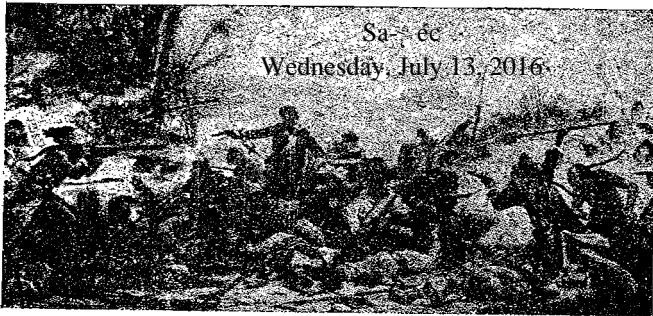
*Nó bắt được ông,                      Nó chặt mắt số.*  
*Cái đầu ông kia,                      Cái mình ông đó.*  
*Khôn-khổ thân ông,                      Dù mẹ cha nó.*

Tôi :

*Vâng lệnh quan trên,      Cúng ông một cỗ,*  
*Này chuỗi một buồng,      Đây rượu một hũ,*  
*Này xôi một mâm,              Đây trứng một rổ.*  
*Ông có linh-thiên,              Mời ông xơi hộ.*  
*Ăn uống no say,                  Nằm cho yên chỗ.*  
*Ơi ông Ngạc-Nhi ơi !      Nói càng thêm khổ.*

Sở-dĩ lời văn mỉa-mai đến số-sàng mà không ai « hót » với Tây, là vì bấy giờ Tây còn ở trong lúc mua chuộc lòng dân, mà Yên-đỗ thì lại là bậc đại-khoa có uy-tín trong quần-chúng, không ai dám đả-động đến. Vả chẳng những lối trào-lộng như *đít* đối với *miệng* (*đít cưỡi lừa, miệng huyết chó*) và *nằm cho yên chỗ, nó chặt mắt số*, người Pháp đâu có hiểu lắt-léo như ta,

dù có người dịch ra tiếng Pháp ! Tuy vậy, bài văn-tế này cũng không được phổ-biến.



Sa-éc  
Wednesday, July 13, 2016

Quãng đầu đời Đông-Khánh, Vũ-văn-Báo làm tổng-đốc Nam-định, được cử đi công-cán sang Pháp, đến nơi mặc triều-phục chụp một bức ảnh.

Khi về, ông đưa ảnh tặng Yên-đổ. Cụ tam-nguyên cảm ơn bằng một bài thơ :

八月乘槎公思寬  
*Bát nguyệt thừa tra công tư khoan*

席前小影贈來看  
*Tịch tiền tiểu ảnh tặng lai khan,*

焜煌佩服真為巧  
*Côn hoàng bội phục chân vi xảo*

憂愛精神狀得難  
*Ưu, ái tinh-thần trạng đắc nan*

髮鬢漸隨霜雪改  
*Thiều mẫn tạm tùy sương tuyết cải*

鏡花遠帶海雲還  
*Kính hoa giao đới hải vân hoàn*

幸哉予影又公影  
*Hạnh tai dư ảnh hựu công ảnh*

壁上高懸後日觀  
*Bích thượng cao huyền hậu nhật quan.*

— tám tháng ông đi sứ về, việc đã xong (*chữ thừa sai* lây lây điển Trương-Khiên đời Hán-vũ-đế, vâng mệnh vua cõi cái bè đi tìm nguồn sông Hà).

— trước bữa tiệc tặng tôi một cái ảnh cho xem

— áo mũ rực-rỡ thực là đẹp (xảo)

— nhưng cái tinh-thần ưu quân, ái quốc thì khó vẽ ra được

— mái tóc lúc còn trẻ, đã trải qua sương tuyết mà đổi thay,

— vẻ kính hoa, đã đưa xa từ mây biển về, ý nói cái ảnh đẹp công-phu đưa từ bên Pháp về

— may thay, ảnh tôi, lại thêm ảnh ông nữa

— cùng treo lên vách để người đời sau xem.

Bản dịch của Nhân-Phủ :

*Tám tháng xong xuôi Sứ đáp tàu,*

*Tiệc vui đưa ảnh tặng cho nhau,*

*Cân đai về ấy, như in nhĩ !*

*Ưu-ái lòng kia, để vẽ đâu ?*

*Mái tóc đường theo sương-tuyết nhuộm,*

*Kính hoa giữ mãi biển mây màu.*

*Ảnh tôi, ảnh bác, đây hai bức :*

*Trên vách treo chung để lại sau... !*

— Dụng-tâm của Yên-đổ ở chữ « *xảo* » trong câu 3, và ở hai câu: *ưu-ái lòng kia để vẽ đâu, trên vách treo chung để lại sau...* quả-nhiên về sau này ai cũng thấy rõ lòng ưu-ái không phải ở Vũ-văn-Báo hia mào đai cân, mà ở ông già khăn đóng áo dài.



Đầu đời Thành-thái, Hoàng-cao-Khải, kinh-lược Bắc-kỳ, có mời ông ra làm quan, nhưng ông cố từ chỉ nhận đến ngôi dạy học trong dinh mà thôi. Và lại làm bài thơ than-thở về nhân-tình thế-sự hồi ấy :

十年回首獨愁予  
*Thập niên hồi thủ độc sầu dư,*

世事人情大不如  
*Thế-sự nhân-tình đại bất như.*

同類相看竹縛竹  
*Đồng-loại tương khan trúc phọc trúc,*

利名無厭魚吞魚  
*Lợi-danh vô yếm ngư thôn ngư.*

試觀今日誰為梗  
*Thí quan kim-nhật thùy vi ngạnh,*

所以前人欲廢書  
*Sở dĩ tiền-nhân dục phế thư.*

寄語城門相識者  
*Ký ngữ thành môn tương-thức giả*

風塵滿路未歸與  
*Phong-trần mãn lộ, vị quy dư?...*

- ngành đầu lại 10 năm vừa qua, lòng ta riêng buồn,
- việc đời và lòng người, không như ngày trước nữa
- thường xem : đồng loại hại lẫn nhau, như cái lạt tre, trói cây tre.
- những kẻ ham danh lợi không chán, như cá lớn nuốt cá bé
- thử xem ngày nay vì ai mà làm nên ngang trở? Chữ kinh thi : *y thùy vi ngạnh?* 噫誰為梗



— bởi vậy người đời xưa đương đọc sách muốn bỏ sách mà than thở. Chữ Thái-sử-Công : *vị thường bất phê thư nhi than.*

未嘗不廢書而嘆

— hỏi thăm những người tương-thức ở chôn thành-môn

— gió bụi đầy đường mà chưa về ư ?

Bản dịch của Nhân-Phủ :

*Đen bạc lòng người cảm thấy đau,*

*Riêng ta hậm-hực những âu-sầu.*

*Giống-nòi đối-đãi : tre ràng lầy !*

*Danh-lợi tranh-giành : cá nuốt nhau !*

*Nào kẻ đa-mang ham dỏ quẻ.*

*Khiến người quăng sách, muốn vò nhàu.*

*Nhấn-nhe thành-nội ai tương-thức :*

*Tro bụi đầy đường, bám mãi sao ?*

Ông lại thác lời gái góa giải tâm-sự mình với Hoàng như sau :

*Chàng chẳng biết gái này gái góa ?*

*Buồn nằm sông, sông cả áo cơm ;*

*Khéo thay cái mụ tá-om (1),*

*Đem chàng tuổi trẻ ép làm lừa-đôi.*

(1) *Tá-om* : Ý nói cậy vào ân-huệ, quyền-thế của kẻ khác để gây ân-huệ riêng cho mình.

Chàng tuổi trẻ chơi-bời quên học,  
 Gái già này sức-vóc được bao ?  
 Muốn sao mà chẳng được sao,  
 Trước tuy sum-họp, sau nào được lâu.  
 Lấy chồng vốn nhờ câu ăn mặc,  
 Chẳng ngờ rằng đôi rách hồ-ngươi ;  
 Vốn xưa cha mẹ dặn lời,  
 Tư-bôn (2) lại phải kể cười người chê.  
 Hỡi mụ hỡi, thương chi, thương thế ?  
 Thương thì hay, nhưng kẻ chẳng hay ;  
 Thương thì gạo vãi cho vay,  
 Lấy chồng, thì gái già này xin van !

≠

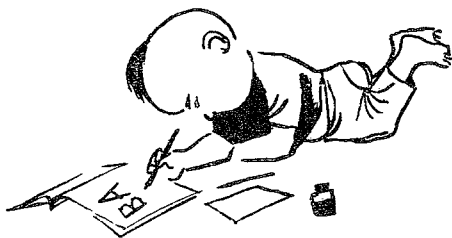
Năm Đinh-vị đầu Duy-tân (1907), chính-phủ đặt ban tu-thư, chọn các ông khoa-bảng để họp lại biên khảo những sách giáo khoa mới, chủ ý sửa đổi lại phép học và phép thi cũ.

Yên-Đồ có tặng các nhân-viên trong ban này một bài thơ :

Nhấn-nhủ tu-thư hỡi các ngài :  
 Đã tu tu kỹ, chớ tu lười !

(2) Tư-bôn : Con gái đi theo trai gọi là bôn.

Góp chung ba bốn năm môm lại,  
 Rồi để trăm nghìn vạn mắt coi.  
 Bút gác núi Nùng thêm vẻ rạng,  
 Mực mài sông Nhị ngát hương trôi.  
 Bê-ba sẵn sách đem mà học,  
 Đề tiếng khoa-danh biết mấy đời !



Ngồi bảo học ở dinh Hoàng được ít lâu, ông lại lấy có mắt kém, xin lui về quê.

Ở đây, ông cũng lại thiết trường dạy học cho qua ngày tháng.

Một hôm đương giảng dạy, học trò vào bắm : có người xưng là bạn học cũ, tên là Hán, xin vào yết-kiến. Ông nghĩ-ngợi một lúc nói :

— Quái nhỉ, ta không quen ông Hán nào cả, ra hỏi lại xem.

Người học trò trở ra, một lúc sau vào thưa :

— Người khách lại nói tên là Hầu.

Ông ngờ-vực hỏi :

— Người ấy thế nào, có mang theo những gì ?

— Con thấy cưỡi ngựa hồng, có hai con chó trắng chạy theo, mỗi con đeo một cái nhạc to.

Ông bảo lấy giấy bút, viết bốn câu thơ ra đưa cho khách :

*Chẳng biết chi chòm chí chóp đầu,*

*Cớ sao xưng Hán lại xưng Hầu ?*

*Ngựa hồng một chiếc dong tay khẫu*

*Chó trắng hai con đóng nhạc bầu.*

Khách xem thơ xong, tuy giận cái giọng khinh đời *chi-chòm chí-chóp*, nhưng cũng chỉ cười bảo người học trò :

— Thầy anh tự-phụ là hay nôm nhất thiên-hạ, mà thơ thế này, thì chả bỏ họa. Thôi ta chữa cho một chữ, đưa vào cho thầy anh xem.

Rồi cầm bút viết chữ *bí* vào bên chữ *khẫu*.

Học trò đem thơ vào, thuật lại lời khách, ông thấy chữa chữ *khẫu* ra chữ *bí*, gật-gù bảo mời ngay khách vào chơi. Học trò chạy ra, thì ngựa khách đã đi xa, chạy theo không kịp.

Câu « *ngựa hồng một chiếc dong tay khấu* », chữ *khấu* nghĩa là dây cương, nay chừa ra chữ *bí*, nghĩa là dừng cương lại.

Nếu là *dong tay khấu* thì chỉ là khách cỡi ngựa đi qua ; *dong tay bí* mới đúng là khách dừng ngựa lại ngoài cổng. Vả lại *bí* đối với *bầu* mới hay, mới là được cả chữ lẫn nghĩa. Trong Tây-Hán-chí có chữ « *tiên chi tặc hành, bí chi tặc chỉ* » lời Bái-Công nói với Hạng-Võ : khi Hạng-Võ sai vào Bao-Trung, hỏi ông muốn vào hay không, ông thưa : « *Thần như con ngựa của Bệ-hạ. roi đánh thì ngựa đi, dừng cương thì ngựa đứng, xin tùy ý Bệ-hạ* ». :

Sa- éc

Wednesday, July 13, 2016



## NGUYỄN QUYÊN

(Huấn-Quyên)

Khi Đông-kinh nghĩa-thục bị đóng cửa, các yếu-nhân bị bắt, dân-chúng Bắc-hà lấy làm đau-xót, có truyền-tụng một bài ca kể lại những việc nghĩa-thục đã thực-hiện, nay xin dẫn lại đoạn đầu do Huỳnh-thúc-Kháng nhớ được :

*Cơn mưa gió trời Nam báng-láng,*

*Bước anh-hùng nhiều chặng gian-truân.*

*Găm xem máy tạo xoay vần,*

*Gây nên một cuộc cách-tân cũng kỳ !*

*Khắp thân-sĩ lưỡng kỳ Nam-Bắc,*

*Bổng giật mình chột tỉnh cơn mê,*

*Học, thương, xoay đủ mọi nghề,*

*Cái hôn ái-quốc, gọi về cũng mau.*

*Hồn đã tỉnh, bảo nhau cùng dậy,*

*Chưa học bò, vội chạy đua theo.*

*Khi lên như gió thổi đều,  
 Trong hò chõng thuế, ngoài reo phá thành.  
 Việc tự-lập người mình còn đại,  
 Sức cường-quyền ép lại càng đau,  
 Tội-danh đổ đám nho-lưu,  
 Bắc kỳ thân-sĩ, đứng đầu năm tên.  
 Người tỉnh Bắc Nguyễn-Quyền là một.*

.....

Nguyễn Quyền, người tỉnh Bắc-ninh, Bắc-Việt, thi đỗ tú-tài, được bổ làm huấn-đạo trong tỉnh Lạng-son, nên thường gọi là Huấn Quyền.

Sau khi từ quan, năm 1907, ông cùng đồng-chí sáng-lập ra Đông-kinh nghĩa-thục, ở Hà-nội, mục-đích cổ-súy phong-trào cải-cách duy-tân. Đề cung-ứng cho nhu-cầu của nghĩa-thục, ông lại lập ra nhà buôn Hồng-tân-hưng (lấy nghĩa Hồng-lạc mới dấy lên) đứng đại-lý bán đồ công-nghệ nội-hoá.

Ông là người có chí lớn nhưng tính khí nông-nổi. Nghĩa-thục sống được hơn một năm thì xảy ra việc Hà-thành đầu độc (1908) nhà cầm quyền buộc phải

đóng cửa, ông bị bắt đày ra Côn-đảo, cùng đồng-chí Lê-Đại, án chung-thân. Còn hai đồng-chí nữa là Nguyễn-sĩ-Sắc và Hoàng-tăng-Bí chỉ bị giam giữ ít lâu ở Hà-nội. Rồi Hoàng-tăng-Bí được nhạc-gia Cao-xuân-Dục nhận lãnh, đưa về theo học ở Huế, thi đỗ phó-bảng. Nguyễn-sĩ-Sắc đỗ tiến-sĩ.

Lê-Đại được tin này giận lắm, làm đôi câu đối :

*« Quách thầy chúng nó, thi mà chi, đỗ nữa mà chi,  
nào những khi rượu đầy bàn, đờn đầy vách, sách đầy  
đàn, bạn đầy nhà, nghêu-ngao trăng gió bốn mùa, chơi  
đã đủ mùi, thôi có lạ chi phùng mặt trắng. »*

*Còn có bọn ta, tù chả sợ, đây cũng chả sợ, cho  
đến lúc miệng như tép, mép như rồng, tiếng như cồng,  
mắt như chớp, xốc-vác non sông một gánh, làm con  
nên việc, bấy giờ sẽ hỏi bạn non xanh ».*

Lê-Đại tuy khinh-bí những « phùng mặt trắng » đã không giữ theo chí bạn, và mong rằng khi hết hạn Côn-lôn sẽ làm ra trò, (cho mà xem !) nhưng sau này, khi được tha về, thời-cực vẫn chưa thay chiều, nên cũng đành vứt bút thở dài :

*Múa tung ba tấc ma nào sợ !*



*Nhốt chặt mười năm cọp cũng lành !...*

≠

Khi bà Hoàng-tăng-Bí theo chồng vào Huế, bà Nguyễn-Quyễn có gửi một bài thơ tiễn-biệt, tinh-tứ nông-nàn nhưng không khỏi có ý mỉa-mai :

*Chỉ thêu nên gấm dăm nài công,*

*Bạn chị em ta mảnh má hồng.*

*Mặt nước kìa ai câu bọt bễ,*

*Chùa nhà riêng những quét hoa thông.*

*Méo tròn thử vẽ vầng trăng bạc,*

*Cay đắng xin vơi chén rượu nồng.*

*Say tíu lại cười, cười lại bảo :*

*Ơn riêng này chớ phụ tình chung...*

Câu cuối cùng có ý nhấn : tuy được ơn riêng tha tội đi đây nhưng cũng chớ nên quên lòng ái-quốc.

Bài thơ này bà Nguyễn gửi bản sao ra Côn-lôn cho chồng xem. Nguyễn-Quyễn có họa lại một cách xốc-nổi như sau :

*Cầu trời cầu biển quản gì công,*

*Dệt gấm khi nào mượn má hồng!  
Đuôi đập kình nghê muôn lớp sóng,  
Đứng trơ mưa gió một chùm thông.  
Hỏi-hạn ở Lý vầng trăng bạc,  
Chờ-đợi nàng Tô chén rượu nồng.  
Đắp lạnh quạt nồng ai đó tá,  
Hiếu tình này vẫn hiếu tình chung.*



Tính Nguyễn-Quyến tra nghị-luận chính-trị, thường đem việc trị dân ví với việc làm thuốc, chia phong-trào tư-tưởng ra làm ba phái: phái ôn-hòa, phái bài ngoại và phái ý Pháp. Lập-luận chỉ theo suy-tưởng riêng ở nơi hoang-đảo, nên không được thiết-thực mấy.

Ông hay ôn lại chuyện nghĩa-thực, lấy làm một sự-nghiệp vĩ-đại của mình khiến người nghe mãi chán cả tai.

Trong tù, khi nào có giờ rảnh, ông lại lúi-húi sáng-chẽ ra một lối viết chữ quốc-ngữ, giống như kiểu viết chữ nho, trông cũng lạ mắt, song không có gì là ích-lợi.

Ít lâu sau, ông được tha về, an-trí tại Bến-tre, Nam-Việt, lấy nghề làm thuốc mru-sinh.

Khi ông từ-giã Côn-lôn, Huỳnh-thúc-Kháng có bài thơ tiễn, vẽ rõ tính-tình và công-nghiệp của ông :

*Ngon trào thương-cục chập-chồng đũa,  
Lịch-sử bình-sinh miệng chếp thừa!  
Ngày tháng trong tù dùng đáng giá,  
Tạo thêm chữ mới bỏ hồn xưa.*



## NGUYỄN THƯỢNG - HIỀN

(Nghè Liên-bạt)

Biệt hiệu Mai-Son, người làng Liên-bạt tỉnh Hà-đông, sinh năm 1867, con thứ hai Nguyễn-thượng-Phiên.

Nguyễn thượng-Hiền văn-chương lỗi-lạc, nổi tiếng tài-hoa, lại có vẻ người tiên-phong đạo-cốt. Khoa thi hương năm giáp-thân đời Kiến-phúc, 1884, 17 tuổi đỗ cử-nhân, thủ-khoa là Vũ-phạm-Hàm.

Nguyễn tuy quán ở Hà-đông, nhưng gia-đình lại lập nghiệp riêng ở vùng quê Thanh-hóa. Có lần phải lên tỉnh mượn nhà để tị-nạn hơn một năm, ông thấy đời sống thành-thị rộn-riếp không hợp với tính hiếu-tính, nên cảm-khái nên lời thơ bực-rọc :

*Hơn một năm nay vẫn ở thuê,*

*Mới hay thành-thị khác nhà quê.*

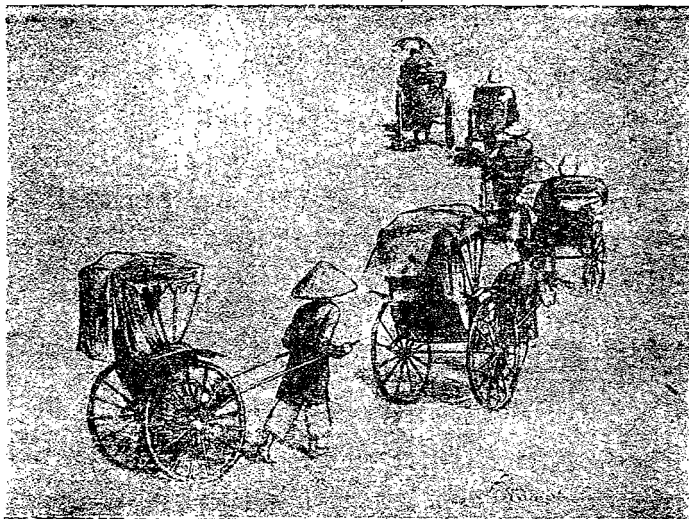
*Ăn tiêu củi nước coi mà tốn,*

*Dáo-dở lòng người nghĩ cũng ghê!*

*Xe ngựa kéo quanh trò lục-sở,*

*Khổ-khăn đồ lộn đám ba que.*

*Đất này rộn-rã lâu sao được,  
Cũng tỉnh nay mai sắp dọn về...*



*Xe ngựa kéo quanh trò lục-sở...*

Ở Thanh, ông có bài ký đi chơi chùa Phồ-minh :

Du Phồ-minh tự

真	空	宰	天	地	<i>Chân không tề thiên địa,</i>
萬	物	皆	為	客	<i>Vạn vật giai vi khách,</i>
况	乃	招	提	境	<i>Huống nãi chiêu-đề cảnh,</i>
俯	仰	成	今	昔	<i>Phủ ngưỡng thành kim-tích.</i>

陳	皇	自	火	化	Trần-Hoàng tự hỏa hóa
意	欲	滅	其	跡	Ý dục diệt kỳ tích,
孤	塔	猶	有	形	Cô tháp do hữu hình
崢	嶸	倚	空	碧	Tranh vanh ý không bích.
我	來	鏡	湖	外	Ngã lai kiếng hồ ngoại.
看	碑	卧	寒	石	Khan bi ngọa hàn thạch
清	風	從	南	來	Thanh phong tông nam lai
煩	襟	頓	冰	釋	Phiền khâm đốn băng thích
神	龜	去	不	返	Thần quy khứ bất phản
高	僧	亦	已	寂	Cao tăng diệt dĩ tịch !
徘徊	撫	庭	芳		Bồi hồi phủ đình phương,
初	月	照	東	壁	Sơ nguyệt chiếu đông bích.

Bào-đệ ông là Nguyễn-thượng-Khôi dịch ra quốc-văn :

Khoảng trời đất, chân-không làm chủ,  
 Muôn vật đều là lữ khách qua.  
 Huống chi lại cảnh chiền-già,  
 Chỉ trong phủ ngưỡng đã là tích kim !  
 Vua Trần-Hoàng tự đem hỏa hóa,  
 Ý muốn cho diệt cả hình hài.  
 Nào ngờ tháp hãy còn đây,  
 Chênh-vênh đứng tựa tầng mây lưng trời !  
 Nay ta bỗng qua chơi ngoài cửa,

Xem bia rồi, ngồi tựa đá xanh,  
 Gió nồm hây-hây đưa quanh,  
 Nổi riêng như đã thênh-thênh bên lòng.  
 Thân-quy mất, đi không về nữa.  
 Lầu cũ cũng đã vắng tanh.  
 Xem hoa luống ngẩn-ngơ tình,  
 Tường đống dâu đã rành-rành bóng trăng...



Khi đỗ cử-nhân rồi, có ý chán đời, không thiết công-danh phú-quý, bỏ nhà vào núi tìm Phạm-Viên để học đạo. Sau vì anh ông mất sớm, gia-đình cho tìm về bắt lấy vợ, ông đành trở về, kết duyên với con gái Tôn-thất-Thuyết.

Năm ất-dậu đời Hàm-nghi, 1885, đi thi hội, đã trúng-cách, chưa kịp truyền loa thì kinh thành thất-thủ, ông phải bỏ về. Đến khoa Nhâm-thìn, Thành-thái 5, 1892, ông lại vào thi hội, nhưng không phải thi, chỉ vào kỳ đình-đổi.

Khi truyền loa, ông đỗ hoàng-giáp, Vũ-phạm-Hàm đỗ tam-nguyên thám-hoa.

Ông thám Hàm có mừng đôi câu đối :

二甲猶能魁，題品不虛名下士，  
 Nhị giáp do năng khôi, đề phẩm bất hư danh hạ sỹ

一榜並賜第，江山曾老眼中人，  
*Nhất bảng tịnh tứ đệ, giang sơn tăng lão nhân*  
 [trung nhân]

— Đễ nhị giáp cũng như là đỗ đầu, người ta đồn ông có tiếng hay chữ, thực không sai,

— Một bảng vua đều cho đỗ cả, giang sơn này mắt đã quen nhau nhiều lần rồi.

Câu trên : ông Hiến tên đỗ ở dưới ông thám.

Câu dưới : mắt ông thám đã quen thấy ông Hiến kém mình ngay từ khi thi hương rồi.

Ông Hiến mừng lại ông thám :

跨浪登龍門，深絕衆流高絕嶺，  
*Khóa lãng đăng long-môn, thâm tuyệt chúng lưu*  
 [cao tuyệt đỉnh]

看花到瓊苑，黃爲秋菊白爲梅  
*Khán hoa đáo quỳnh-uyển, hoàng vi thu cúc, bạch*  
 [vi mai]

— Con cá chép vượt sóng qua cửa long-môn, đang ở sâu dưới mọi sông ngòi (cá) nhảy vọt lên tới đỉnh núi cao (rồng)

— Xem hoa đến vườn quỳnh-uyển, sắc vàng là hoa cúc mùa thu, sắc trắng là hoa mai.

Câu trên : ngụ ý ông thám là con nhà tâm-thường mà nay đỗ cao.

Câu dưới : mỗi người có một phẩm-cách, cũng như hoa



cúc sắc vàng, hoa mai sắc trắng, chưa chắc hoa nào đẹp hơn hoa nào.

Được bổ đốc-học Ninh-bình, ông ưa tiêu-đạo sơn-thủy, có câu đối dán ở thư-phòng đề tỏ ý mình :

碧 雲 芳 草 供 詩 料

*Bích vân phương thảo, cung thi liệu*

黃 菊 青 山 稱 宦 情

*Hoàng cúc thanh sơn xưng hoạn tình*

- Lấy mây biếc cỏ thơm để cung vào món làm thơ,
- Hoa cúc vàng ở núi, thanh đạm hợp với cách làm quan của ông (*trên núi Thúy-sơn trồng hoa cúc vàng*).

≠

Câu đối dán chỗ ngồi chơi :

早 欲 為 梅 晚 為 菊

*Tảo dục vi mai, vãn vi cúc*

動 當 如 水 靜 如 山

*Động đương như thủy, tĩnh như sơn*

- Sớm làm hoa mai, muộn làm hoa cúc
- Động nên như nước, tĩnh nên như non.

Câu trên : người ta sớm như hoa mai, trong trắng, muộn như hoa cúc thơm lâu, người phải cần có khí-tiết.

Câu dưới : có lúc linh-động như nước chảy, thuộc về trí, có lúc tĩnh như núi, thuộc về nhân.

Và câu :

異書可愛如新月  
*Dị thư khả ái như tân nguyệt*

佳士相逢勝好花  
*Giai sỹ tương phùng, thắng hảo hoa*

— Gặp bạn hay, hơn nhìn hoa đẹp

— Được sách lạ, như ngắm trăng non.

Hoặc như câu gửi cho cử-nhân Phạm-văn-Phổ, con thứ năm hoàng-giáp Phạm-văn-Nghị, không chịu ra làm quan, chỉ đành ăn-nấu dạy học ở tổng Bông-hải, thuộc Ninh-bình.

絃誦相聞壁有藏書兵燹外  
*Huyền tụng tương văn, bích hữu tàng thư binh*  
[tiền ngoại]

風塵不到人如獨鶴水雲間  
*Phong trần bất đáo, nhân như độc-hạc thủy-vân*  
[gian]

— Câu trên : tiếng đánh đàn, tiếng đọc sách, đôi bên cùng nghe, trong vách có sách giấu kỹ ngoài vòng giặc-dã binh-đạo (khen chí thanh-đạm, không vướng vào vòng sĩ-hoạn).

— Câu dưới : gió bụi không tới được, người như chim hạc

đứng một mình ở giữa mây nước (khen đức-tính cao thượng, không ưa thế-tục).



Thơ đề Thúy-sơn

一灣春水一涼臺  
Nhất loan xuân-thủy, nhất lương đài

今古騷人自去來  
Kim cổ tao-nhân tự khứ lai

白石半緣名句老  
Bạch-thạch bán duyên, danh-cú lão

黃花一向護城開  
Hoàng-hoa nhất hướng, hộ-thành khai

鳥知事去寧啼樹  
Điền tri sự khứ ninh đề thụ

山怯塵侵故掩苔  
Sơn khiếp trần xâm cố yểm đài

御輦天章餘韻事  
Ngự-liễn thiên chương, dư vận-sự

今之荒徑昔蓬萊  
Kim chi hoang-kính, tích bồng-lai

— Một vũng nước xuân, một đài hóng mát (núi Thúy-sơn tỉnh Ninh-Bình dưới thì sông cái bao bọc trên có tòa ngự-lâu từ đời xưa, để khách lên hóng mát).

— Từ xưa đến nay, những bậc thi-nhân, đi lại không biết bao nhiêu mà kể.

— Đá trắng ở núi, chỉ vì những danh-nhân hay khắc thơ mà phải mòn,

— Hoa cúc vàng chỉ ưa nở ở núi Hộ thành (*trên núi có vườn kim cúc, hoa này xưa dùng để tiễn vua*).

— Con chim biết việc đời chẳng ra gì, nên chỉ đậu ở ngọn cây cao mà kêu,

— Núi sợ bụi trần bay vào làm như nhuộm, cho nên phải mọc rêu để che đá,

— Đường xe vua lên núi, và bài thơ vua khắc ở núi vẫn còn nguyên đó (*Vua Lê-thánh-Tôn, vua Thiệu-Trị đều lên du ngoạn, và có khắc thơ ở núi*),

— Ngày nay, nơi này là chỗ bỏ hoang, nhưng trước là chốn bồng-lai.

### Bản dịch Nhân-Phủ

*Một làn nước biếc, một lương-đài,*

*Mặc-khách đi về, trước tới nay.*

*Đá trắng có duyên, mòn chữ khắc,*

*Cúc vàng cùng loạt nở hoa đầy.*

*Việc hư, chim biết : cây cao hót,*

*Bụi bám, non ghê : rêu phủ đầy.*

*Bút ngự, xe loan, trở lại đó,*

*Nay là rừng rậm, trước Bồng-lai...*

Văn-chương Nguyễn-thượng-Hiền nhiều bài tỏ ra có biệt tài, và có phong-lưu khí-cốt. Xin chép một bài quốc-văn như sau :

Chơi Sài-son

Nét mây đá, ngắt trời xanh một giải,  
 Đứng tiên-son mà ngảnh lại chốn hồng-trần :  
 Kia thành-quách, nọ nhân-dân,  
 Bóng xe ngựa, mấy lần trông thấp-thoáng.  
 人 向 夢 中 爭 相 將  
 Nhân hương mộng trung tranh tướng tướng.  
 我 從 杯 裏 擲 乾 坤  
 Ngã tòng bôi lý trích càn khôn.  
 Bóng trăng soi vằng-vặc chốn hoa-nguyên,  
 Chừng Nhượng-thủy, Bồng-son đâu cũng thẽ.  
 Ngồi tính đốt hai mươi hai tuổi lẻ,  
 Thấy nghiêng trời, lệch bẻ đã nhiều phen.  
 Thoát chân ra, mà lánh bước chốn lâm-tuyền,  
 Ngẫm trích-tọa đã nên qua một kiếp.  
 Ba mươi sáu động trời còn chưa khép,  
 Vấy cung-nhân bắc dịp để ta lên,  
 Hỡi xưa nào bạn trích-tiên !



Nguyễn ngôi đốc-học Ninh-bình, sau thuyên ra đốc-học Nam-định, nên tục gọi là ông Đốc Nam. Đến năm Thành-thái 19 (1907), vua phải tổn vị, ông lên phủ toàn-quyền chất-vấn và yêu-cầu phục lại ngôi vua,

nhưng không được toại ý, ông liền cáo quan, về phụng dưỡng hai thân. Đến khi hai cụ tạ-thế, tang-lễ xong, ông ăn-mặc giả gái trốn sang Tàu, vận-động cuộc cách-mạng.

Ông cùng Phan-bội-Châu lập Việt-Nam Quang-phục. Sau thấy công-cuộc gặp nhiều trở-ngại, ông sinh chán-nản, cạo đầu vào tu ở chùa Thường-tích-quang, Hàng-châu (Chiết-giang) được ít lâu thì từ trần.

Nhà chùa theo lời ông dặn lại, đem xác hỏa-táng và đổ tro xuống sông Tiền-đường.



*Kì thành-quách, nọ nhân-dân*



## NGUYỄN-TU-GIẢN

(1823-1890)

Vốn tên là Văn-Phú, tự Tuân-Thúc, sau vua Tự-đức cho tên ấy tầm-thường quá, đổi lại là Tu-Giản. Người huyện Đông-ngạn, nay là phủ Từ-sơn, tỉnh Bắc-ninh, Bắc-Việt.

Đỗ tiến-sĩ năm 22 tuổi (1844 ; Thiệu-trị 4) ; làm quan từ Thiệu-trị, đến Đồng-khánh thì lên tới chức tổng-đốc.

Năm 1857, ông đệ bản điều-trấn về việc trị-thủy ; tiếp đó được cử sung biện-lý Đô-chính-sự-vụ ở Bắc-Việt.

Năm 1868, được sung phó-sứ phái-bộ sang Trung-hoa giao-thiệp, có ý muốn nhờ nhà Thanh giúp quân chống Pháp. Khi đi sứ, phàm những nơi thắng cảnh bên Tàu, ông đều tìm đến du-ngoạn. Lúc về, dâng biểu lên vua đại lược như sau :

鳳凰山下，漢水波濤，回雁峰前衛陽  
雨雪，燕趙壯士幽井健兒，南陽諸葛之  
廬，淮陰韓侯之宅。凡昔人悲歌慷慨之



場，皆臣等經過憑吊之地，望望斗牛之渡，尋源難問夫河清，悠悠精衛之誠，呷石空懷於海闊。

*Phượng-hoàng sơn hạ, Hán thủy ba đào, Hồi nhận phong tiền, Hành dương vũ tuyết. Yên, Triệu tráng sĩ : U tinh kiện nhi. Nam dương Gia-Cát chi lư, Hoài âm Hàn hầu chi trạch. Phàm tích nhân bi ca khảng khái chi trường, giai thần-đẳng kinh quá bằng điều chi địa ; Vọng vọng đầu ngư chi độ, tâm nguyên nan vấn phù hà thanh, du du tinh-vệ chi thành, hàm thạch không hoài w hải khoát.*

— Dưới núi Phượng-hoàng, sóng gió sông Hán-thủy; trước núi Hồi-nhận, mưa tuyết núi Hành-dương; di-tích kẻ tráng-sĩ đất Yên Triệu, cùng kẻ kiện-nhi ở đất U-tinh; đất Nam-dương chỗ nhà cũ Khổng-Minh, làng Hoài-âm nơi quê hương Hàn-Tín. Phàm những nơi bi-ca khảng-khái của người xưa, thần-đẳng đều đi qua cả.

— Thăm thăm đường đi tìm sao Ngư Đầu, cũng chưa thấy sông Hà nước trong (ý nói nước Tàu cũng đương loạn, câu này dụng điển ông Trương Kiên đi tìm nguồn sông Hà, ông nói gốc sông Hà ở trên trời chảy xuống, cho nên có chữ Đầu Ngư; Hà thanh là nước sông Hà trong, thiên hạ thái bình. Có chữ nan vấn ý là đương thời loạn); dằng-dặc lòng thành chim Tinh Vệ muốn ngậm đá lấp biển nhưng ngại biển quá rộng.

Sau khi Nam-kỳ thành thuộc-địa, Nguyễn-tu-Giản xin sang nước Đức để cầu-viện, song triều-đình không cho. Đến năm ất-dậu (1885) các vị văn thân đều bị ngờ vực phải trốn-tránh, nên Nguyễn-tu-Giản chạy xuống Kim-sơn lánh nạn, ở với linh-mục Trần-Lục. Linh-mục trọng ông là bực hay chữ, mời đến Phát-diệm mở trường dạy học.

Trước ông có làm bài bia ở Sinh-từ, đến thờ sống kinh-lược Nguyễn-hữu-Độ, có câu :

四海風塵之後，允籍賢勞  
*Tứ hải phong trần chi hậu, doãn tạ hiền lao*

九真山水之靈，挺生英傑  
*Cửu chân sơn thủy chi linh, đĩnh sinh anh kiệt*

知我，罪我，身居勞怨之中  
*Tri ngã, tội ngã, thân cư lao oán chi trung*

以人，治人，功在是非之外  
*Dĩ nhân, trị nhân, công tại thị phi chi ngoại*

— Đương sau lúc bốn bề gió bụi, nhờ cái công khó nhọc của ông mới định được đại cục.

— Khí thiêng núi sông ở quận Cửu-chân (Thanh-hóa) sinh ra người anh kiệt.

— Kẻ biết lòng ta, kẻ đổ tội cho ta, mình vào ở giữa chỗ lao oán.

— Lây đạo người mà trị người, công mình ở ngoài chỗ phải trái.

— *Tri ngā tội ngā* là lời đức Khổng-Tử, sau thầy Mạnh-Tử dẫn lại, nói Ngài làm sách Xuân-Thu, người đời sau kẻ biết lòng Ngài, và kẻ buộc tội Ngài, đều vì sách Xuân-Thu cả. *Chữ dĩ nhân trị nhân*, ở sách Trung-Dung, lời thầy Tử-Tư.

Mấy câu này Nguyễn-hữu-Độ cho là đặc-cú.

Cách ít lâu sau kinh lược Nguyễn-hữu-Độ tạ thế, quan-cửu đưa về Huế ; đi đường thủy theo sông Đáy qua Kim-sơn rồi ra biển. Bảy giờ Trần-Lục là khâm-sai tuyên-phủ-sứ, sức dân huyện Kim-sơn, làm trạm đề đón tể một tuần. Các quan tỉnh Ninh-bình có xin Nguyễn-tư-Giản làm cho câu đối, và 4 chữ dán ở trạm tể. Bốn chữ là :

公 歸 不 復      *Công quy bất phục*

— Chữ ở Kinh-thị, tích Châu-công nhà Châu đi đánh Đông-sơn, khi trở về nhà Châu dân Đông-sơn nhớ, muốn giữ lại, nói :

Câu đối :

天 何 爲 奪 之 , 河 朔 旌 旗 雲 變 色

*Thiên hà vi đoạt chi, Hà sóc tinh kỳ vân biến sắc*

公 自 此 遠 矣 , 江 亭 風 雨 竹 成 林

*Công tự thử viễn hỹ; Giang đình phong vũ trúc*

[*thành lâm.*]

— Trời sao vội cướp ông, cờ tinh kỳ đất Hà sóc mây đã đổi sắc.

*Câu này lấy tích Lý-quang-Bật đời Đường đi đánh giặc về, cờ tình kỳ rục rở, ý nói nay cờ đổi sắc, là vị chủ tướng chết.*

— Ông từ đây đi xa hẳn, mưa gió chôn giang đình, trúc mọc thành rừng.

*Lấy điển Khâu-Chuẩn đời Tống, khi mất, đưa quan cũ đi, quan dân nhớ ơn làm trạm tế, những cây tre cắm làm rạp tế, sau mọc lên măng cả.*

Lại câu :

一身於國關輕重  
Nhất thân ư quốc quan khinh trọng

此地疑公尚往來  
Thử địa nghi công thượng vãng lai

— Thân ông là quan hệ cho nước nhà

— Đất này ngờ rằng ông còn đi lại nhiều lần. Có ý nói ông Nguyễn trước làm quan ở Bắc-Kỳ, gặp loạn năm ất-dậu, phải vào kinh điều-định việc nước, rồi lại ra Bắc lĩnh chức kinh-lược. Chứ Nghi là ngờ, có ý mong thế.



Nguyễn-tu-Giản và Yên-đồ vốn là bạn học. Khoa tân-vị đời Tự-đức, con trai là Nguyễn-Kham, cùng đỗ tiến-sĩ với Yên-đồ. Khi ấy ông đang làm thượng-thư ở Kinh, vua sai ra coi việc truyền lô cho các tân-khoa. Cha được xưng danh con đỗ, là một vinh-dự hiếm

có. Ông mừng cho con đỗ, lại luôn tiện, mừng tân khoa Yên-đỗ một câu đối :

國朝特重三元選  
 Quốc triều đặc trọng tam nguyên tuyển

賤媿初締四海交  
 Tiện tức sơ đề tứ hải giao

— Quốc-triều lấy đỗ tam-nguyên là rất trọng

— Nay con tôi được kết bạn tứ hải (ý nói đồng khoa) với ông. Câu này Nguyễn-tur-Giản có ý đùa Yên-đỗ, vốn là bạn mình, nhưng làm mặt lòng Yên-đỗ, vì nói con mình nay cũng lại là bạn với Yên-đỗ.

Sau Nguyễn-tur-Giản mất ở Kim-sơn, Yên-đỗ có viếng câu đối :

一碑絕筆生祠下  
 Nhất bi tuyệt bút sinh-từ hạ

千古遊魂巨嶺間  
 Thiên cổ du hồn Cự-linh gian

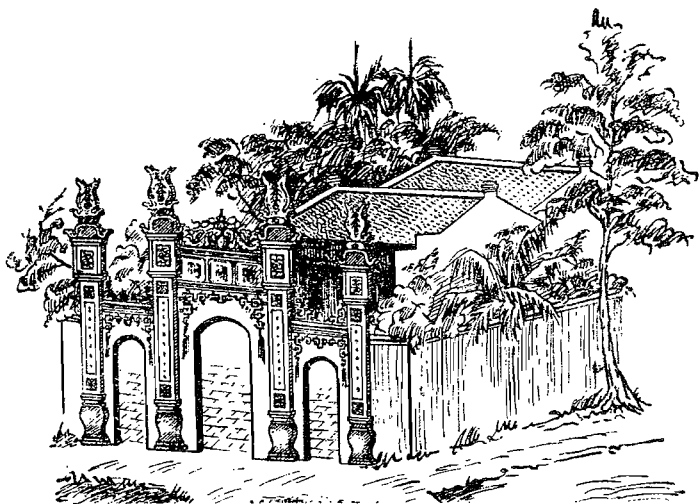
— Một bài văn bia ở sinh-từ (Nguyễn-hữu-Độ) là tuyệt bút

— Thiên cổ du hồn còn phảng phất ở đường Cự-linh (Kim-sơn).

— Câu trên nói Nguyễn-tur-Giản làm văn bia ở sinh-từ, quá tăng-bộc Nguyễn-hữu-Độ. *Tuyệt bút* là lấy tích: *Xuân Thu tuyệt bút w hoạch lân*. (Đức Khổng-Tử làm sách Xuân Thu đến chữ hoạch lân là hết, rồi ngài mất). Đường Cự-linh thuộc Kim-sơn là chỗ Trần-Lục ở.

Tiểu-sử Nguyễn-tu-Giản có nhiều việc can-hệ mà Yên-đồ không nói đến, chỉ lấy hai việc ra chỉ trích : khen gian thần Nguyễn-hữu-Độ, và ở nhờ linh-mục Trần-Lục, ấy cũng chỉ vì câu nói đùa chịch-thượng và khiếm-nhã : *tiện-tức sơ đề tứ hải giao* .

Nguyễn-tu-Giản còn để lại những tác-phẩm sau đây : « *Thạch nông thi-văn tập* » ; « *Thạch nông tùng-thoại* » và « *Yên-thiếu thi-thảo* ». Ngoài ra, ông có dự vào việc khảo-duyet bộ « *Khâm-Định Việt-sử Thông-giám Cương-mục* » .



*Đền sinh từ Hà-nội*



## NGUYỄN-TỬ-MẢN

(Huyện Hiệp-hòa)

Người làng Thúy-diên tỉnh Ninh-bình, đỗ cử-nhân đời Thiệu-trị. Văn tài cao, khí-tiết vững, sở-trường về quốc-văn. Làm tri-huyện Hiệp-hòa Bắc-ninh ít lâu rồi cáo quan về nhà dạy học, nên thường gọi là ông Hiệp-hòa. Bấy giờ, tuổi tuy đã cao mà sức vẫn khỏe, tai mắt đều sáng.

Cứ lệ thường, mỗi ngày viết 6 tờ giấy chép mỗi tờ 8 dòng, ngày nào bận không viết được, thì hôm sau lại viết bù cho đủ số.

Ông có bài thơ tự vịnh :

*Má lóm da nhăn, tóc bạc phơ,*

*Mũ tai gương mắt, gậy đũa-gua... (1)*

*Có vôi vãn đồ ăn trầu cháu, (2)*

*Còn nước, nhưng không uống rượu cô ! (3)*

---

(1) Trúc đũa-gua là thứ trúc dùng để làm gậy.

(2) Phong-dao : « Có trầu mà chả có cau, làm sao cho đồ mới nhau thì làm ». Nhưng đây là ăn trầu chưa phải giã hộ bằng cối.

(3) Phong-dao : « Còn trời còn nước còn non, còn cô bán rượu. anh còn say-sưa ».



Một tí bụi trần chưa bén-bàng, (4)  
 Năm canh hỗn bưóm chẳng mơ-hồ. (5)  
 Có ai hỏi lão chi là thích ?  
 Bút, mực, nghiên cùng sách mấy pho...

Và bài thơ :

Sáng ngủ dậy muộn

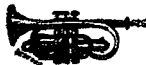
Tiếng gà bên gỏi té-tè-te  
 Bóng ác trông ra hé kē hē  
 Cây mậy cành cao, chon-chót-vót  
 Hoa năm sắc nở tóa-tòe-loe.  
 Chim tình bầu bạn kia-kìa-kìa  
 Ong nghĩa vua tôi nhè-nhè-nhe  
 Danh-lợi chẳng màng tí-tí-tì  
 Trưa-trưa-trưa dậy khỏe-khỏe-khoe.

Bài này tài-tình, là ghép 3 chữ cuối câu, cùng vần với nhau, thể vĩ-tam-thanh.

Sau hoàng-giáp Liêu có họa, nhưng chỉ họa một vần : ông họa bài này vào lúc kinh-thành đã thất-thủ, phải bỏ trốn về quê nhà, có ý than-thở về thời-thế và ngỏ tâm-sự mình :

(4) (5) Cổ ý dùng chữ *tí* đối với chữ *canh*.

*Nhác trông gió cuốn chiếc buồm te*  
*Tác dạ bâng-khuâng cuộc tháng hè*  
*Mỡ gỗ chẳng hề khua lóc-cóc (1)*  
*Kèn đồng âu những thổi tò-loe (2)*  
*Thành-thời ngô hạnh chim đưa-đón*  
*Văng-vẳng vườn quỳnh nhận nhấn-nhe*  
*Bé-nhỏ ví hay cơ-hội thế*  
*Ngàn vàng một chữ chẳng đem khoe.*



Hiệp-hòa có nhiều câu đối nôm, như câu tự-vịnh :

*Vợ cả vợ hai không vợ cả*  
*Con trai con gái có con trai.*

Nguyên là ông có hai bà, khi ấy đều mất rồi, mà con trai con gái đều có cháu trai cả.

Lại câu :

- (1) Ngày xưa tỉnh-thành có lính canh, tối cầm canh bằng mỡ gỗ.  
 (2) Nay người Pháp đã lấy tỉnh, sáng nào cũng thấy lính Tây thổi kèn bằng đồng.

*Ngoái cách năm hai đạo chiểu đặng-quang, bề Bắc trời Nam, táng khảo tử, con nào không nước mắt.*

*Giêng sang độ, bốn ông già mở cảnh, ngày xuân chén hạ (chén mừng) cuộc hương-thôn, cái ấy phải non tay.*

Câu trên : cuối năm ngoái sang năm nay, vua Dục-đức, vua Hiệp-hòa, đều có chiếu đặng-quang rồi cùng bị giết. Táng khảo tử : vua chết cũng như cha mẹ chết.

Câu dưới : lệ làng sang tháng giêng, có bốn ông lên lão ăn mừng, ông cho là một cuộc hương-ấm ăn-uống phải vừa vừa thôi.

Nhưng câu đối dụng ý : *Bắc Nam* đôi với *xuân hạ*, *con* đôi với *cái*, *nước mắt* đôi với *non tay*.

Lại như câu đối dán chơi :-

*Sáng sáng ăn-sáng rồi ; cầm quyền mới, kỳ cui ký cui viết vài trương, đoạn rồi thu gương mắt, xếp khăn tay ; dất bút vào tam sơn, ngã lưng ngáy khò-khò cho tối xuống.*

*Ngày ngày ngủ-ngày dậy ; vớ câu cũ, phều-pháo phều-pháo ngâm mấy khâu, đứng dậy ngắm chậu hoa, nhìn cây thẽ, rê chân đi bách-bộ, vỗ tay cười khanh-khách với trăng lên.*

Và như câu :

*Già wa người ta chiều, rét chiều hong, nồng chiều*

quat, lưng đau ruột xót, chiều canh ngọt cơm ngon,  
cối răng voi, chày sắt nghiền dòn, chiều được lão, chị  
hầu non chừng một.

Thầy dạy học trò đối, tình đối thú, ngủ đối chơi,  
tóc bạc da mồi, đối may ngài mắt phượng, trống bụng  
cóc dùi son đánh xuống, đối thầy già con hát trẻ  
vừa đôi.

Khi biện-lý La-Ngan Đỗ-huy-Uyển lên thọ thất-  
tuần, Hiệp-hòa có câu đối mừng :

Quan trên chữ nhất đứng hai hàng, Thủ-khoa  
Hoàng-giáp 首 科 黃 甲

Cụ tuổi bảy tuần ngồi một cặp, đầu phát bạch  
canh. 頭 髮 白 羹

— Ý nói con trai cụ Biện-lý là hoàng-giáp Liêu, thi hương  
đỗ thủ-khoa, thi đình đỗ hoàng-giáp đều là thứ nhất.

Câu dưới : cụ ông cụ bà cùng 70 tuổi, đầu đã đổi ra tóc  
trắng. Nhưng cô-y lấy chữ *thủ* đối với chữ *đầu*, *hoàng* đối  
với *bạch*, *giáp* đối với *canh*.

Ông mất năm 92 tuổi, tân-sửu, Thành-thái 13  
(1901).

Khi ấy đốc-học Ninh-bình Nguyễn-thượng-Hiến có  
câu đối viếng :

林卧有餘清，酒盡聞花猶滿徑

*Lâm ngọa hữu dư thanh, tửu tận nhàn hoa do  
mãn kính*

我來茲一見，丹成仙鶴忽凌空

*Ngã lai tư nhất kiến, đan thành tiên hạc hốt lừng  
không.*

— Ông nằm ẩn ở trong rừng, có khí-tiết thanh-cao, uống cạn chén rượu, mà vườn vẫn còn đầy hoa cúc.

— Ta đến đây mới gặp cụ một lần, mà bài thuốc tiên đã luyện xong, nay cưỡi hạc bay đi mất.

Hoàng-giáp Liêu cũng có câu đối viếng ông, câu đối làm sẵn từ mấy năm trước, vì Liêu chết trước ông hai năm :

讀其文如星如霜，如駿馬輕車，於世  
有名斯亦足。

*Độc kỳ văn như tinh như sương, như tuấn mã  
khinh-xa, ư thế hữu danh tư diệc túc*

假而化爲彈爲輪爲鼠肝虫臂隨天  
所賦又何尤。

*Giả nhi hóa vi đàn vi luân, vi thử can trùng tì,  
tùy thiên sở phú hựu hà ưu.*

— Đọc văn ông sáng như sao, như sương, nhanh như ngựa khỏe, xe nhẹ, ông có danh ở đời như thế là đủ.

— Ví ông mất đi, hóa ra cây đàn, ra cái xe, ra gan con chuột, ra còng con sâu tùy ý trời cho không oán trách gì (điển *thử can trùng tỳ*, sách *Trang-tử*, điển *tuân mã khinh xa* lấy ở cổ-văn).



*Chiều được lão, chị hầu non chừng một...*



## NGUYỄN-VĂN-BẬT

(Cử Bật)

Thành-thái 19 (1906), trường sư-phạm Hà-nội mới mở, chọn các cử-nhân tú-tài và nhất nhị trường cũ vào học chữ quốc-ngữ, để khi mãn-khóa bỏ đi dạy học các tổng. Chương-trình thi có những bài toán-pháp, thiên-văn, địa-dư, cách-trí, và bài chữ nho dịch ra quốc-ngữ.

Viên tri-huyện họ Hoàng, giáo-học trường sư-phạm, ra đầu bài chữ nho, lấy câu đầu sách Đại-học, cho thí-sinh dịch :

知止而後有定，定而後能靜，靜而後能安，安而後能慮，慮而後能得，

*Tri chỉ nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lự, lự nhi hậu năng đắc.*

— Có biết đến cùng, sau mới có định, định rồi sau mới tĩnh, tĩnh sau mới yên, yên sau mới có thể nghĩ-ngợi tình tường, nghĩ-ngợi tình tường sau mới được điều phải điều hay.



Các thí-sinh cứ theo đúng nghĩa, dịch cho xong bài. Duy có cử-nhân Nguyễn-văn-Bật ở Sơn-tây, ngày thường hay tỏ vẻ bất-bình vì khinh viên huyện Chính không phải là khoa-bảng xuất-thân, nên cố ý dịch khôi-hài để chế-nhạo :

*Người ta phải biết ăn ở cho phải chăng, thì chí hướng mới định, muốn thế phải đến làng Tri-chỉ mà ở. Chỗ ở đã định rồi, thì phải tìm thú vui, thú vui không đâu bằng phố Năng-Tĩnh Nam-định, chỗ ấy có lắm cô đào ở. Đã thú vui rồi, lại muốn yên thân, thì phải tìm đến huyện Năng-An mà ở. Đã yên thân rồi, mới nghĩ ngợi được mọi cơ-mưu, thí-dụ như người làm quan, phải nghĩ làm sao lấy được nhiều tiền. Khi đã có nhiều tiền rồi, phải có trò chơi cho thỏa-thích, như đánh tô-tôm, làm thế nào ù được nhiều, lấy vợ làm sao để được nhiều con, thế gọi là năng đắc.*

Viên huyện Hoàng xem bài dịch rất lấy làm căm-tức, đưa ra trình hội-đồng. Hội-đồng gồm có phó-bảng họ Phạm cùng các quan-viên học-chính, và đại-diện phủ thống-sứ. Viên chủ-tịch bảo Bật đọc bài. Bật cứ thản-nhiên đọc nguyên-văn như trên, không ngượng-ngịu gì. Mọi người đều bung miệng cười.

Họ Phạm hỏi Bật :

— Nghĩa sách thấy học như vậy à ?

Bật thưa :

— Bài dịch này, chủ ý tôi chỉ để riêng cho ông huyện Hoàng xem, chứ không ngờ đến tai hội-đồng, xin ngài châm-chước cho.

Họ Phạm đề-nghị với hội-đồng xử phạt cử Bất, từ đây không được dự kỳ thi nào nữa.



— Nghĩa sách thầy học như vậy à ?

Họ Phạm vốn người làng Bạch-sam, Hưng-yên. Xuất-thân phó-bảng, trước tông-sự tại ty liên-phóng, đến khoảng năm 1920, ngồi tổng-đốc Thái-bình.

Bấy giờ có tri-huyện Vũ-tiên, thường giả tiếng thanh-liêm đạo-đức, đứng lên quyên tiền làm một ngôi chùa ở giữa cánh đồng, gọi là chùa Hiệp-Phật.

Trong chùa có tượng bà Hiệp-Phật, tay cầm thanh kiếm, tay cầm cánh bướm, kiếm ngụ ý trừ-khử gian-ác, bướm ngụ ý cứu vớt chúng sinh. Khi chùa khánh-thành, có nhiều thi-văn đề-vịnh đề tán-dương hay công-kích, trong có 2 bài sau đây được nhiều người đề ý :

## I

Một mình thơ-thần bãi tha-ma,  
 Ngảnh cổ trông lên tượng Phật-bà.  
 Tay muốn giết ai mà kiếm chông?  
 Lòng toan che tục, dờ bướm ra.  
 Bạc vàng mấy chỉ ghim trong da,  
 Sơn phấn vài đồng phủ trước da.  
 Hiệp-phật chân-thân đâu có thể,  
 Si-mo trộn cát đó thôi mà !

## II

Bà đứng làm chi đấy hỡi bà ?  
 Chùa sao không ở, ở tha ma !  
 Tay mang bướm giả không ăn cánh,  
 Nách cấp gươm cùn muốn tuốt da !  
 Tiếng đã ăn chay còn nếm mặn  
 Có chi bóp trẻ, chẳng tha già ?  
 Bây giờ đắc thể thì như thế,  
 Tháng tám năm nào cũng quá ma...

Hai bài được đưa lên trình tổng-đốc, cụ-lớn Phạm coi rồi, chỉ cười :

*Bạc vàng mây chỉ ghim trong dạ*  
chữ ghim được lăm đây chứ !

*Bây giờ đắc-thề thì như thề,*  
*Tháng tám năm nào cũng quá ma*

No thì bụt, đói thì ma, chớ sao !

Ông cười nhât là câu

*Tay mang bướm, giả không ăn cánh*

vì ông tự hỏi tác-giả bảo tri-huyện « *giả vờ không ăn cánh* » thì là ám-chỉ viên huyện ăn-cánh với ai vào đây nhỉ ?

Khi Phạm về làm thượng-thư bộ Hộ, nhân năm ấy chính-phủ bán phiếu quốc-trái, buộc các làng và các tư gia giàu có, phải mua, ông có ra câu đối :

*Dân phải quốc trái*

Có người đối :

*Nam ở Tây về*

Câu ra ý nói dân đều phải mua phiếu quốc-trái, nhưng chữ *phải*, *trái*, lại còn có nghĩa : dân là phải mà quốc (chính-quyền) là trái.

Câu đối : nhân năm ấy cuộc Âu-chiến vừa kết-liệu, người Việt-Nam đi lính sang Tây đều được xuống tàu về nước. Hai chữ ở, về, cũng lại hàm thêm nghĩa : người Nam ở lại nước Nam, còn người Pháp thì... cút về Tây !

Hay nhỉ, người Pháp mà lại về Tây ư ? Họ Phạm xem đối, cũng lại... chỉ cười !



## ÔNG-ÍCH-KHIÊM

Người làng Phong-lệ, phủ Điện-bàn, Quảng-nam. Vốn dòng-dõi người cao-nguyên, trước họ Ong 翁 đến đầu đời Tự-đức thi đỗ cử-nhân, vua cho bỏ chữ trùng 虫 một bên, thành họ Ông 翁, về sau thường gọi tắt là ông Tiểu, vì ông làm chức tiểu-phủ-sứ.

Khi làm tri-huyện ở Huế, Pháp tấn-công chiếm được kinh-thành, ông bị cách hết chức-tước, phải đi tiền-quân hiệu-lực. Ông ngày thường hay nghiên-cứu binh-thư, có mưu-lược lại thêm võ-dũng, nên đánh giặc nhiều trận thắng. Sau được khai-phục, thăng lần lần lên đến chức tiểu-phủ-sứ. Sử chép đã nhiều về ông, nay xin dẫn lại vài chuyện nhỏ.

Ông ra trận không dùng nhiều quân, chỉ trọng mưu-lược và dũng-cảm. Lúc đánh giặc Tàu Ngô-Côn, ông bày trận: sớm quay lưng về hướng đông, chiều quay lưng về hướng Tây. Thời ấy đánh nhau bằng đao mác, quân Tàu phần nhiều thức khuya hút thuốc phiện, sáng dậy, mắt nhắm mắt mở nên hay bị quáng nắng, binh ông nhân đó thừa thế đánh trận. Trận ấy Ngô-Côn thua bỏ lại cả ngàn xác chết.

Khi tỉnh-thành Thái-nguyên bị vây, trung-quân đô-thống Đoàn-Thọ đưa quân lên cứu, bị tử trận, vua Tự-đức sai ông đi tiếp-ứng. Ông ra gần đến nơi, đóng quân một chỗ, cách xa trại giặc, rồi cho làm lễ tế cờ, đề cầu thắng trận.

Có mười đạo quân, ông ra lệnh mỗi đạo phải dùng 10 đồng tiền (cộng 100 đồng), mặt trên bôi vôi trắng, mặt dưới hơi đen để làm tiền bói âm dương. Đêm ấy lập đàn tế, các tướng-tá cao cấp đều vào thị lễ. Khi sắp tế, ông đến trước đàn khấn to cho mọi người nghe thấy :

— Nếu thần-minh phù hộ, thì xin cho trăm đồng tiền sắp cả, hay nửa cả, chứ trong 100 đồng tiền này, 99 đồng sắp mà 1 đồng nửa, hay 99 đồng nửa, mà 1 đồng sắp, thì bản-chức đành đóng quân lại để tìm kế rút lui.

Rồi ông tung 100 đồng tiền lên mặt mâm thau, tướng sĩ trông thấy 100 đồng tiền sắp đen sì cả, đều reo hò mừng-rỡ. Có hay đâu, ông đã ngầm thay 100 đồng tiền khác, hai mặt đều tô đen cả !

Ông lễ tạ, tự thu tiền cất đi, và tuyên-bố :

— Thế này đủ biết lòng trời còn tựa xā-tắc, tướng sĩ phải hết sức đánh giặc, thế nào cũng thắng.

Quân sĩ tin là có trời giúp, nên khi ra trận đều nức lòng công-phá rất hăng-hái. Quả-nhiên tỉnh-thành khôi-phục được ngay.

Đẹp giặc xong, ông được thăng tham-tri. Bấy giờ là cuối đời Tự-đức, việc giao-thiệp giữa ta và Pháp đương khó-khăn, vua lại cử ông ra Bắc mưu đồ việc chống Pháp. Ra Bắc, vừa gặp lúc nhà Thanh đã cho Phùng-tử-Tài, Từ-duyên-Húc, và quân Cờ-đen Lưu-vinh-Phúc sang đóng rải-rác ở các tỉnh thượng-du. Quân Tàu ý thế áp bức dân ta rất là tàn-ác, việc cung-ứng lương-thực cho họ rất phiền phí, dân-chúng ta oán, ông cho việc mượn viện-binh Tàu sang đánh Pháp là thất-sách, nên có làm bài thơ :

*Áo chúa com vua đã bấy lâu,  
Đến khi có giặc phải thuê Tàu !  
Từng phen võng-giá mau chân nhầy,  
Đến bước chông-gai thấy mặt đâu ?  
Tiền bạc quyên hoài dân xác mướp,  
Trâu dê ngày hiến đĩa răng bầu.  
Ai ôi hãy chống trời Nam lại,  
Kẻo nữa dân ta phải cạo đầu...*

Phải cạo đầu... theo tục và theo lệnh nhà Mãn-Thanh !

Ông ở Bắc đến khi hòa-ước Việt-Pháp ký xong, lại về kinh cung chức. Bấy giờ vua Tự-đức đã mất, triều-chính rối loạn, vua kế-vị còn nhỏ, Trương Thuyết chuyên quyền, văn-thần võ-tướng chỉ là một lũ câu an, không ai lo đến việc nước. Ông bực-rọc bèn đặt ra một



tiệc mời khắp mặt đại-thần tới dự. Các món ăn đều làm bằng thịt chó.

Lúc vào tiệc, nhiều người không ăn được thịt chó, ngập-ngừng hỏi món ăn khác, thì ông trả lời :

— Bẩm, bữa cơm hôm nay toàn chó cả thôi !

Cơm xong, các quan gọi nước, mãi không thấy người nhà đưa lên — vì ông đã dặn trước đừng đưa — ai nấy đều khô cổ vì rượu. Một lúc lâu, người nhà lên, ông mắng âm lên :

— Lũ chúng bay chỉ biết đưa lớn đưa nhỏ ngồi ăn hại, còn thì không biết việc nước là gì cả !

Các quan đều tím mặt.

Vì ông tính-khí khảng-khái, không luôn lụy quan trên, và lại phật-ý với Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường, nên bị bắt bỏ ngục. Khi ở ngục ông có ngâm hai câu :

一江兩國難分說

*Nhất giang lưỡng quốc nan phân thuyết*

四月三王甚不祥

*Tứ nguyệt tam vương thậm bất tường.*

— Sông Hương chia hai giòng nước, thì khó nói chuyện : một bên trong, một bên đục. Nhưng ngụ ý bên kia tòa khâm người Pháp đóng, bên này thành thuộc về Nam triều.

— Trong có 4 tháng mà thay đổi 3 vua (*Dục-đức, Hiệp-hòa, Kiên-phúc*) là điềm không hay.

Nhưng dụng ý hai chữ cuối câu, một bên chữ *Thuyết*, một bên chữ *Tường*, ám-chỉ Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường.

Sau ông bị đưa ra an-trí ở Bình-thuận rồi mất ở đây.



— Bữa cơm toàn chó cá



## PHẠM-ỨNG-THUẦN

(Cả Thuần)

Bút-hiệu Hiếu-khanh, tục gọi Cả Thuần, sinh năm 1885 tại làng Vị-xuyên, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Nam-định. Ông học rất thông-tuệ, tính lại ngay thẳng không chịu hợp-tác với chính-quyền Pháp, chỉ tra sống cuộc đời thanh bạch, không cầu-xin gì, không phiền lụy ai.

Ông sở-trường về thi-ca quốc-văn, nhất là về loại phúng-thịch : vì loại này có tính cách đụng chạm đến người đương thời, nên ít khi được ghi lại trên giấy (để tránh những tai-vạ về khẩu-nghiệp), thành ra chỉ một ít bài có dính-dáng đến những nhân-vật tiếng-tầm hay tai-tiếng, được truyền-tụng trong dân-gian, do đó mới còn lại đến ngày nay.

≠

Ở Nam-định, một cô me-tây gá nghĩa cùng viên công-sứ, nhân có giúp công vào việc chấn-tế nạn lụt năm bính-ngọ (1906), nên được công-sứ tư thưởng kim-tiền. Khi công-sứ về Pháp, cô ở lại trong cảnh

cô-liêu, vốn lại có tính đồng-bóng, nên xin lên lập điện ở chùa Phù-long để sớm khuya hầu thánh cho giải sầu.

Hiếu-Khanh điều bằng một bài đường-luật (bài này nhiều người lầm là của Tú Xương, song Tú Xương tạ-thể năm bính-ngọ, mà việc lập điện trên đây thực-hiện vào mấy năm sau).

*Rút cái mẽ-day ném xuống sông,  
Thôi thôi, tôi cũng mét-xì ông !  
Âu đành chịu đó, âu đành phật,  
Cũng chẳng con chi, cũng chẳng chồng.  
Chớ thấy câu kinh mà mặc kệ,  
Nào ngờ chữ sắc hóa ra không.  
Tôi đây cũng muốn như cô nhĩ  
Trót nợ trần hoàn gỡ chữa xong !*



Về câu chuyện họ Từ khắc thơ và lốt chân vào núi Dục-Thúy, bài thơ mà nhiều người lầm là của Tản-Đà, cũng do Hiếu-Khanh khẩu-chiêm và Tản-Đà thuật lại trong Annam tạp-chí :

*Năm ngoái ông lên đực bốn vằn  
Năm nay ông lại đực hai chân  
Khen cho đá cũng bền gan thật.  
Chịu mãi cho ông đực mấy lần !*

Bốn văn : bài chữ Hán hai văn, bài dịch quốc-văn hai văn nữa.



Khi thấy chính-quyền mở ra lớp dạy chữ quốc-ngữ, và thêm vào chương-trình thi hương món học quốc-văn, Tú Xương đã có thơ đả kích :

*Nghe nói khoa sau sắp đòi thi  
 Những thầy đồ-cổ đồ mau đi  
 Nếu không bia-đá còn bia miệng  
 Vứt bút lông đi giắt bút chì !*

Hiếu-Khanh cũng cùng quan-niệm, cho cái bọn bỏ bút lông giắt bút-chì, là xu-thời đáng bĩ, nên làm một bài phú :

Thầy đồ học quốc-ngữ đề đi thi

*Này cu-a-cua ; này ô-c-ốc  
 Vác lều vào trường ; cắp sách đi học.  
 Văn-chương mặt kiếp, thẳng bé hết hơi ;  
 Âu Á chuyện đời bác đồ tị góc.*

*Thầy khóa khom lưng kiểm gao, mặt tẩy lệnh, cõ  
 tẩy cong ;*

*Ông Tây đá đít lấy tiền, cầm như hến, nin như  
 thóc !*

*Nguyên phù thầy chi vi thầy đã :*

*Nghênh-nghênh ngang-ngang, dờ-dờ dang-dang ;*

*Râu ria một nạm, văn sách ba trường.*

*Thầy chi mặt kê nhãn hàng thịt ;*

*Thầy chi văn hễ viết sát xương.*

*Thi thì một hồng một vào, o-a-c-h-oách ;*

*Tính lại nửa gàn nửa dờ, u-ơ-n-g-uơng.*

*Ư thị hồ :*

*Thầy nằm thầy kêu ; thầy ngồi thầy gõ*

*Nách cấp vở đồ ; tay xách cái lọ.*

*Học-trò kia kia ; quan-trường đó nó*

*Thằng vào, thằng ra ; văn dễ, văn khó.*

*Thằng thì kêu trời ; thằng thì chửi chó.*

*Hỏi rằng xong chưa ? la-m-lam-huyền-làm.*

*Hỏi rằng nhục không ? c-o-co-sắc-có.*

*Hỏi rằng giám-trường là ai ? Thưa rằng viên công-sứ Đạc (Darles).*

*Hỏi rằng quan trường là ai ? Thưa rằng mấy ông trạ gạc (1).*

(1) Trạ gạc : tên gọi người dân Nghệ Tĩnh.

*Thôi thì,*

*Cũng chẳng đi học ; cũng chẳng đi thi.*

*Thi cũng không đỗ ; đỗ cũng không đi.*

*Túy-lúy càn-khôn hề rượu thầy đánh tí-tì ;*

*Khoan-hoài vũ-trụ hề mồm thầy cười khi-khi.*

.....

*Thôi tôi lay thầy trăm lay, thầy xếp bút nghiên,  
lêu chổng, thầy đi về !*







## PHAN-ĐÌNH-PHÙNG

(1847-1895)

Người làng Đông-thái, tổng Việt-yên, huyện Lạc-sơn, tỉnh Hà-tĩnh, Trung-Việt.

Đỗ cử-nhân khoa bính-tí (1876), năm 39 tuổi ; năm sau, đỗ tiến-sĩ. Sơ bổ tri-phủ Yên-khánh, Ninh-bình ; Tự-đức 31 (1878) đổi về kinh, sung chức ngự-sử Đô-sát-viện.

Khi Tự-đức băng-hà (1883), Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết tự quyền phế Dục-đức tôn Hiệp-hòa, ông phản-đối nên bị cách chức.

Năm 1884, được phục-chức, bổ tham-biện Sơn-phòng tỉnh Hà-tĩnh.

Năm 1885, kinh-thành thất-thủ, vua Hàm-Nghi xuất bôn, chạy đến Quảng-bình, Phan tìm đến báii-yết, được phong làm tán-ly quân-vụ và lãnh trọng-trách thống-suất nghĩa-binh. Ông liền kéo cờ khởi-nghĩa ngay ở quê nhà, đặt đại-bản-doanh tại Vụ-quang, huyện Hương-kê, Hà-tĩnh, một vùng rừng núi hiểm-trở, lợi cho việc dụng-binh ; chia quân thành 15 *thứ* ; mỗi *thứ*

từ 100 đến 500 quân, sắp-đặt thành cơ-ngũ, luyện-tập theo phương-pháp Âu-tây. Đặc-biệt là có riêng một xưởng chế-tạo vũ-khí, do Cao-Thắng điều-khiển.

Từ 1886, trong suốt 10 năm nghĩa-quân đã gây cho địch nhiều thiệt-hại nặng-nề.

Trước hết, Phan tự cầm quân lùng bắt tên phản-bội Trương-quang-Ngọc. Do đó, hào-kiệt vùng Thanh Nghệ Tĩnh (Cầm-bá-Thước, Ngô-Quảng, Nguyễn-Cấp, Vũ-Phát...) theo về rất đông.

Năm 1893, Phan cho Cao-Thắng đánh Nghệ-an, phá chỗ đồn binh và tích lương của Pháp. Cao-Thắng đánh được mấy đồn, nhưng đã tử trận vì khinh-địch. Pháp cho khai quật mộ tổ họ Phan ở làng Đông-thái, bắt giam nhiều người thân-thuộc của Phan... Lại sai Đinh-nho-Quang và Hoàng-cao-Khải đưa thư chiêu-dụ.

Dưới đây, xin sao lại bức thư của Hoàng-cao-Khải, và lời đáp của Phan, dịch đại-lược ở Hán-văn, để thấy rõ hai lập-trường, hai thái-độ sai-biệt nhau thế nào :

#### Thư của Hoàng-cao-Khải

*Đông-âp Phan đình-nguyên đại-nhân túc-hạ,*

*Tôi với ngài xa cách nhau, xuân-thu đắp-đổi trải đã mười bảy năm rồi. Dấu bề cuộc đời, bắc nam đường bụi, tuy là*

mỗi người đi một ngã khác nhau, nhưng trong giấc mộng-hôn vẫn thường thấy nhau không phải xa-xôi gì.

Từ lúc ngài khởi-nghĩa đến giờ, nghĩa-khí trung-can, đều rõ-rệt ở tai mắt người ta. Tôi thường nghe các quý-quan nói chuyện đến ngài, ông nào cũng phải thờ-than khen-ngợi và tỏ ý kính-trọng ngài lắm. Xem như thể thì tâm lòng huyết-khí tôn-thần, tuy người khác nước, cũng chung một tâm-tình ấy thôi.

Ngày kinh-thành thất-thủ, xe giá nhà vua bốn-ba, ngài mạnh-mẽ đứng ra ứng-nghĩa, ngài làm vậy là phải lắm, không ai không nói như thế. Song-le, sự-thê gân dây đã xoay-đổi ra thế nào, thử hỏi có thể làm vậy được nữa không, dầu kẻ ít học-thức, kém trí-khôn, cũng đều trả lời được. Huống chi ngài là bậc tuân-khiết, chẳng lẽ không nghĩ tới hay sao? Tôi trộm xét chủ-ý của ngài, chắc cũng cho rằng: ta cứ làm theo việc phải ta biết, cứ đem hết tài-năng ta có, một việc nên làm mà làm, là ở người, còn thành được hay không, là ở trời, ta chỉ biết đem thân hứa cho nước đến chết mới thôi.

Có điều tôi thấy tình-trạng chồn quê-hương chúng ta gân dây, lầy làm đau lòng hết sức. Nhân đó, tôi thường muốn đem ý-kiến hẹp-hòi, để ngỏ cùng lượng cao-minh soi-xét; nhưng mây lẩn mở giấy, mài mực, ioan đặt bút xuống rồi lại gác bút thờ dài. Vì sao? Vì tôi liệu biết can-tràng của ngài cứng như sắt đá không thể lầy lờn nói mà chuyển-động

nói. Đã vậy mà lại khác tình khác cảnh, xa mặt xa lòng, lời nói của tôi, chắc gì thấu tới nơi ngài, mà dẫu cho có thấu tới, đã chắc gì lọt vào tai ngài chịu nghe dùng cho, hay lại chỉ để cho cõ-nhân cười mình là thằng ngu thì có.

Nay nhân quan Toàn-quyên trở lại đem việc tỉnh ta ra bàn, có khuyên tôi sai người đến ngõ ý cùng ngài rằng: ngài là bậc hiểu biết nghĩa lớn, dẫu không bận lòng đến thân mình nhà mình đi nữa, thì cũng nên tưởng nghĩ cứu vớt lấy dân một địa-phương. Lời nói đó, quan Toàn-quyên không nói với ai, mà nói với tôi, là vì cho rằng: tôi với ngài có cái tình xóm làng cõ-cựu với nhau, chắc hẳn tôi nói ngài nghe được, vậy có lẽ nào tôi làm thinh không nói.

Ngài thử nghĩ: quan Toàn-quyên là người khác nước, muôn dặm tới đây, mà còn có lòng băn-khoăn nghĩ tới dân mình thay, huống chi chúng ta sanh để lớn khôn ở đất này, là đất của cha mẹ tôn-tộc, có lý dẫu mình làm lơ cho đành: làm lơ thì trăm năm về sau, người ta sẽ bảo mình ra sao? Làm người trên phải có lòng thương dân làm cốt, chưa từng có ai không biết thương dân mà bảo là trung với vua bao giờ. Việc của ngài làm bấy lâu, bảo rằng trung thì thiệt là trung, song-dân ta có tội gì đâu mà phải lăm-tham thế này là lỗi tại ai? Nếu bảo là đã vì thiên-hạ thì không thiệt chi tới nhà nữa, cũng phải; nhưng một nhà của mình đã vậy, còn bao nhiêu nhà trong khắp vùng cũng bỏ đi cả, sao cho

đang tâm! Tôi nghĩ nếu như ngài cứ khăng-khăng làm tròn tới mãi, e rằng khắp cả sông Lam núi Hồng đều biến thành hồ hết thảy, chớ không phải chỉ riêng cây cỏ một làng Đông-thái chúng ta mà thôi đâu.

Tôi dẫn-đo, vụt lầy làm mừng mà nói riêng một mình :  
— Được rồi, lời nói đó tôi có thể đem ra nói cho ngài nghe lọt tai, để xin ngài chỉ bảo cho biết như vậy có phải hay không.

Tuy nhiên, sự-thê của ngài, như cỡi trên lưng cọp đã lỡ, bây giờ muốn bước xuống, nghi-ngại khó-khăn biết bao?

Nếu tôi không có chỗ tin chắc được ở mình, thì quyết không khi nào dám mở lời nói liêu-linh để mang lụy cho cô-nhân về sau. Nhưng may là tôi với quan Toàn-quyền, vốn có tình quen biết nhau lâu, lại với quan khâm-sứ ở kinh, và quan công-sứ Nghệ-Tĩnh, tôi quen thân hiệp-y lắm, cho nên trước kia Trần phiên-sứ (tên là Khách-Tiền, làm tuân-phủ nên gọi là phiên-sứ) Phan thị-lang (tên Huy-Nhuận) cũng là chỗ thân trong tỉnh làng, hoặc bị tội nặng, hoặc bị xử đày, mà tôi bảo-toàn cho đều được yên-ổn vô-sự. Lại như mới rồi, ông Phan-trọng-Mưu ra thú, tôi dẫn đến yết-kiến các đại-hiền quý-quan, thì các ngài cũng tiếp-đãi trân-trọng như khách quý, và tức thời điện về tỉnh nhà, bắt trả lại mô-mả và tha cả ba con về, như thế tỏ ra nhà nước bảo-hộ khoan-dung biết chừng nào!

*Bây giờ, nếu ngài không cho lời tôi là đồng-dài, thì xin ngài đừng có ngân-ngại một điều gì hết, tôi không khi nào dám để cô-nhân mang tiếng là người bất-trí đâu.*

Hoàng-cao-Khải

*đơn thư*



Wednesday, July 13, 2016

### Thư trả lời của Phan

Hoàng quý-đài các hạ,

Gần đây, tôi vì việc quân, ở mãi chôn rùng-rú, lại thêm lúc này tiết trời rét quá, nông-nổi thiệt là buồn tênh. Chợt có người báo có thư của cô-nhân gọi lại. Nghe tin ấy, bao nhiêu nỗi buồn-rầu lạnh-lẽo tan đi đâu mất cả. Tiếp thư, liền mở ra đọc; trong thư cô-nhân chỉ bảo điều họa-phước, bày tỏ chỗ lợi-hại, đủ biết lòng cô-nhân, chẳng những muốn mưu

an-toàn cho tôi mà thôi, chính là muôn mưu sự yên-ổn cho toàn hạt ta nữa. Những lời nói gan ruột của cô-nhân, tôi đã hiểu biết: cách nhau muôn dặm tuy xa, nhưng chẳng khác gì chúng ta ngồi chung cùng nhà nói chuyện với nhau vậy.

Song le, tâm-sự và cảnh-ngộ của tôi có nhiều chỗ muôn vàn khó nói. Xem sự thể thiên-hạ thế kia, mà tài-lực tôi thế này, y như lời cô-nhân đã nói: sức bọ-ngựa là bao mà dám giơ cánh tay lên chống xe.

Sa- éc

Wednesday, July 13, 2016

Nhưng nghĩ lại, nước nhà mấy ngàn năm qua chỉ lây văn-hiến truyền nối đời này qua đời kia, đất nước chẳng rộng, quân lính chẳng mạnh, tiền của chẳng giàu, duy có chỗ ý-thị dựa nương để dựng được nước, là nhờ cái gốc vua tôi cha con theo năm đạo thường. Xưa nhà Hán, nhà Đường, nhà Tống, nhà Nguyên, bao phen lăm-le chiếm đất ta làm quận huyện mà vẫn không chiếm được. Ôi! Nước Tàu với nước ta, bờ-cõi liền nhau, sức mạnh hơn ta vạn bội, thế mà trước sau vẫn không thể ý mạnh nuốt trôi ta được, nào có vì lẽ gì khác đâu, chẳng qua non-sông nước Nam tự Trời định phận riêng hẳn rồi, và cái căn-bản thi-thơ lễ-nghĩa vốn có chỗ đủ cho mình trông-cậy dựa-nương lắm vậy. Đến nay, người Pháp với mình cách nhau không biết là mấy muôn dặm, họ vượt bể lại đây, đi tới đâu như gió lướt tới đó, đến nhà vua phải chạy, cả nước lao-xao, bỗng chốc non-sông nước mình biến thành bờ-cõi người ta, thế là trọn cả nước nhà,



dân nhà cùng bị đắm chìm hết thủy, chớ có phải riêng một châu nào, một nhà nào phải chịu lấm-tham đâu !

Năm ất-dậu, xa-giá thiên-tử ngự đền Sơn-phòng Hà-tính, lúc đó, tôi đang có tang mẹ, chỉ biết đóng cửa cư-tang cho trọn đạo, chớ đâu dám mơ-tưởng đến sự gì khác hơn. Song vì mình là con nhà thể-thần, nên đôi ba lần đức Hoàng-thượng giáng chiều vời ra, không lẽ nào từ-chối, thành ra tôi phải gắng-gỗ đứng ra vâng chiều. Gần đây Hoàng-thượng lại đoái-tưởng lựa tôi mà giao-phó việc lớn, ủy-thác quyền to, ấy mạng vua như thể, nếu cô-nhân đặt mình vào cảnh tôi, liệu có đành chối-từ trốn-tránh được không ?

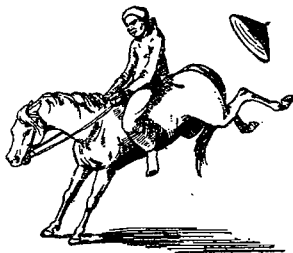
Thưa cô-nhân, chỉ vì nhân-tâm đối với tôi như thể, cho nên cửa nhà tôi dù là hương khói vắng tanh, bà con xiêu-dạt, tôi cũng chẳng dám đoái-hoài. Nghĩ xem kẻ thân mà mình còn không đoái-hoài, huống chi kẻ sơ ; người gần mà mình còn không bao-bọc, huống chi người xa. Vả chẳng hạt ta đến nỗi điêu-đứng lấm-tham quá, không phải riêng vì tai-họa binh-đao : quân Pháp đi tới đâu, có lũ tiểu-nhân túa ra bày kê lập công, thù vợ oán chạ : người không có tội, chúng cũng buộc cho có tội, rồi thì nay trách mai phạt ; phạm có cách gì đục-khoét được của dân, chúng cũng dùng tới hết ; bởi đó mà thói hư mỗi tệ tràn ra cả trăm cả ngàn, quan Pháp làm sao biết thấu những tật-khổ của dân quê. Như thế, bảo dân không phải tan lìa trôi dạt sao được ?

Cô-nhân với tôi đều sanh ở tại châu Hoan mà ở cách xa ngoài muôn ngàn dặm, cô-nhân còn có lòng đoái-tưởng

quê-hương thay, hưởng chi tôi đây đã từng lây thân chịu đựng và lây mất trông đến, thì sao? Khôn nổi cảnh-ngộ bó-buộc, vả lại sức mình chẳng làm được theo lòng mình muốn, thành ra phải đành. Cô-nhân đã biết đoái-hoài thương-xót dân này thì nên lây tâm-sự tôi và cảnh-ngộ tôi thử đặt mình vào mà suy-nghĩ xem, tự-nhiên thấy rõ-ràng, có cần gì tôi phải nói dông-dài nữa ư?

Phan-đình-Phùng

*phúc thơ*



Cuộc chiêu-dụ không đem lại kết quả, năm 1895, Pháp quyết đánh mạnh. Núi Vụ-quang bị vây hãm : Phan phải lui về đóng ở núi Đại-hàm.

Dùng kế ngăn nước, dụ cho địch đuổi qua sông, rồi cho phá đập để nước chảy mạnh xuống, Phan đã thắng một trận vẻ-vang : giết được 3 sĩ-quan Pháp cùng hàng trăm lính, lấy được ngót 100 khẩu súng.

Pháp được khâm-sai Nguyễn-Thân giúp đỡ, càng ngày càng thắt chặt vòng vây, nghĩa-binh hụt dần lương-thực, Phan-đình-Phùng mắc bệnh lý mà mất tại núi Quạt ngày 13-11-1895, thọ 49 tuổi.

Khi sắp mất, Phan có bài thơ cảm-khái :

*Nhung-trường phụng mạng thập canh đông,  
 Võ-lực y-nhiên vị tấu công.  
 Cùng-hộ ngao thiên nan trạch nhận  
 Phi-đồ biển địa thượng đồn phong.  
 Cứu-trùng xa-giá quan-san ngoại,  
 Tứ-hải nhân-dân thủy-hỏa trung.  
 Trách-vọng dũ long ưu dũ đại,  
 Tướng-môn thâm tự quý anh-hùng.*

Dịch :

*Nhung-trường vâng mạng đã mười đông,  
 Đánh dẹp dấy dĩa, chữa tấu công...  
 Dân đói kêu trời vang ồ nhận,  
 Quân gian dấy dất rộn đàn ong.  
 Chín-trùng lặn-đạn miền quan-tái,  
 Trăm-họ lăm-than đám lửa hồng.  
 Trách-vọng càng nhiều, càng cố gắng,  
 Tướng-môn riêng hồ tiếng anh-hùng...*

Phan mất rồi, quân-thứ các nơi sinh chán-nản, phần trở về quê-quán, phần trốn sang Xiêm, Lào, phần thì ra đầu-thứ.

Cách đó ít lâu, Nguyễn-Thân tìm ra được ngôi mộ của Phan, sai đào lấy di-thể đốt ra tro rồi trộn vào thuốc súng, cho súng thần-công bắn xuống sông La-giang.





## PHAN-VĂN-TRỊ

(Cử-Trị)

Sinh năm canh-dần (1830), tại làng Hanh-thông, tỉnh Gia-định. Hai mươi tuổi đỗ cử-nhân (kỳ-dậu, Tự-đức 2, 1849) nên thường gọi là Cử-Trị. Thang mây sẵn bước, có thể ruổi-dong trên hoạn-lộ một cách dễ-dàng, nhưng tính-khí ngang-tàng, không chịu bó buộc, mặc dầu sống trong một gia-đình thanh-bạch ; ông lấy việc dạy học và bốc thuốc làm phương độ-nhật. Khi quân Pháp gây hấn ở Gia-định (1862) ông tránh xuống Vĩnh-long kết-giao với Nguyễn-đình-Chiêu và Huỳnh-mãn-Đạt. Năm 1867, Vĩnh-long lọt vào tay Pháp, ông cảm-khái thốt ra lời thơ đau-đớn trước sự bất-lực của nhà cầm-quyền Việt :

### Vĩnh-long thất-thủ

*Tò-te kèn thời, tiếng năm ba,  
Nghe lọt vào tai ruột xót-sa...  
Uốn khúc sông Rông mờ-mịt khói,  
Vắng hoe thành Phụng ủ-rầu hoa.  
Tan nhà, cảm nỗi câu ly-hận,  
Cắt đứt, thương thay cuộc giằng-hòa !*

*Gió bụi đời con xiêu-ngã cỏ,  
Ngậm cười, hết nói nỗi quan ta!*

Từ đó, ông thường mượn thi-văn để tỏ lòng phẫn-uất về cảnh nước mất nhà tan, chỉ-trích những người hợp-tác với chính-quyền mới, lòi-lẽ đanh-thép và ngạo-nghe.

Dưới đây là mấy bài thơ tả cái tâm-sự kẻ sĩ-phu đứng trước quốc-nạn :

### Cảm hoài

*Cõi Nam chung hưởng cuộc thăng-bình,  
Trời đất gây nên cuộc chiến-tranh.  
Xe ngựa rộn-ràng, xe ngựa khách,  
Nước non vun-quén, nước non mình.  
Những trang dụng-thể đành ngo mắt,  
Mấy gã trung-quân nữ phụ tình!  
Bao thuở đem về cơ nhất-thống?  
Ngàn thu bia tạc đứng trung-trinh...  
Phong-trần lắm lúc luống sáu riêng,  
Biết mượn tay ai gỡ mối phiền?  
Áo mũ ba đời, ơn rất trọng,  
Can qua một cuộc, nghĩa chưa tuyền.  
Trớ-trêu, con tạo lòng đa-xảo,  
Tráo-trở, anh-hùng buổi thiếu-niên!*

*Phất-phới bụi hồng đã trải dẫu,  
Tâm-tình chiều-uốn thú hàn-huyên.*

*Tay nâng, há dám một mình đây ?  
Kẻ Bắc người Nam bán dạ này.  
Thế-sự lãng-xăng cờ túng nước,  
Nhân-tình tráo-chác gió rung cây.  
Giao hòa, bởi sợ mưu-mô cạn,  
Cắt đứt, vì kiêng trí-lực dày.  
Ướm hỏi những ai trên đất Việt,  
Tấm lòng thiết-thạch há như vầy ?*

*Tài-năng chi đó khéo trên ngời !  
Cái phận nam-nhi luống nực cười :  
Ngược đâu, xuôi đi, hiềm thế nước,  
Sâu dẫm, cạn vén, thuận tình đời.  
Quan-san dậm thẳng đường liền bước,  
Tùng-cúc vườn xưa cảnh nhớ người.  
Tạo-hóa một bầu xoay khí-vận,  
Đông qua xuân lại trở màu tươi...*

Tổng-đốc Trần-bá-Lộc nghe danh ông, nên khi qua Vĩnh-long cho lính đòi ông đến, ý muốn trừng-trị thái-độ ương-ngạnh. Lộc bắt ứng-khẩu làm một bài thơ. Ông xin cho đầu bài. Lộc vốn thô-lỗ, buông lời tục-tĩu :



— Cục cút!

Ông đứng ngâm ngay bốn câu:

*Đương cơn lộn-xộn ló đầu ra,*

*Người thấy, ai mà chẳng sợ va!*

*Cây thề, khom lưng ngồi dưới đít*

*Biết đâu sắp bị chó liến tha!*

Thơ tả đúng đầu-đề, nhưng mĩa-mại bao nhiêu cho cái uy-quyền mượn của viên tổng-đốc mới! Lộc nghe xong mắc cổ, đuối về.



Cuộc xướng-họa làm cho ông nổi tiếng nhất thời ấy, là cuộc bút-chiến với Tôn-thọ-Tường.

Ông cùng các bạn Nguyễn-đình-Chiêu và Huỳnh-mãn-Đạt đứng vào phe bất hợp-tác, còn Tôn ở phe hợp-tác.

Tôn sinh năm 1825, cũng ở Gia-định. Thân-phụ là Tôn-thọ-Đức, nguyên làm tuần-vũ Thuận-khánh (Bình-thuận — Khánh-hòa). Năm 30 tuổi, Tôn thi hương hỏng, bèn ra Huế, xin tập ăm làm quan văn, bất-đồ triều-đình lại bỏ sang ngành võ, Tôn bất-mãn, bỏ về. Đến 1862, triều-đình nhượng cho Pháp 3 tỉnh miền Đông, Pháp muốn lấy lòng dân, kêu gọi sự hợp-tác của sĩ-phu, Tôn vì sinh-kế phải hưởng-ứng, được Pháp

trọng-dụng, cho làm tri-phủ Tân-bình, dần dần lên đến chức đốc-phủ-sứ.

Tôn ra hợp-tác, cho mình là thức-thời-vụ. Thăm mong lôi cuốn bằng-hữu đi cùng đường với mình, hay đâu các bạn từ đó đều quay mặt đi, ai cũng mỉa là tên bán nước.

Tôn bị cô-lập, lại bị mạt-sát nặng-nề, tự thấy hối-hận, và bới trót mắc vào vòng rỗi, đành làm 10 bài thơ bào-chữa cho mình, và thanh-minh với dư-luận, nhan-đề là « *Giang-san ba tỉnh* ».

Mười bài này phổ-biến ra, Cử-Trị liền làm mười bài họa lại. Dưới đây xin chép từng bài xướng-họa, để thấy rõ lập-trường của hai phái « hợp-tác » và « bất-hợp-tác ».

### Bài xướng I

*Giang-san ba tỉnh hầy còn đây,  
 Trời đất xui chi đến nỗi này?  
 Chớp nhoáng thẳng bon dây thép gió,  
 Mây tuôn đen kịt khói tàu bay.  
 Xăn-văn thăm tính, thương đôi chỗ,  
 Khấp-khởi riêng lo, biết những ngày.  
 Miệng cọt hàm rỗng chưa dễ chọc,  
 Khuyên đàn con trẻ chớ thày-lay !*

Tường khoa-trương lực-lượng Pháp: dây thép, tàu bay, khuyên chó làm như con trẻ chọc vào miệng cộp hàm rộng.

### Bài họa

*Hơn thua chưa quyết đó cùng đây,  
 Chẳng đã, nên ta mới thế này.  
 Bền-Nghé quân bao cơn lửa cháy,  
 Côn-Rồng đầu mặc bụi tro bay.  
 Nuôi muông giết thỏ còn chờ thỏ,  
 Bủa lưới săn nai cũng có ngày.  
 Đùng mượn hơi hùm rung nhất khí,  
 Lòng ta sắt-đá há lung-lay!*

Cử Trị tả sự tàn-bạo của kẻ xâm-lãng «*lửa thiêu Bền-Nghé, tro bay Côn-Rồng*». Nhưng mặc dầu vậy, ta cũng cứ kiên-chí *nuôi muông bủa lưới, có ngày giết thỏ săn nai, người đùng mượn hơi hùm mà rung cây cho khỉ sợ...*

### Bài xướng II

*Thầy-lay lại chuốc lấy danh như,  
 Ai mượn mình lo việc bá-vơ?  
 Trẻ dại, giềng sâu, lòng chẳng nở,  
 Đường xa, ngày tối, tuổi không chờ.  
 Áo xiêm chún thấy xắn tay thợ,  
 Xe ngựa nào toan gỡ nước cờ.*

*Rủi rủi may may đâu đã chắc?*

*Miêng lần lười mỗi hầy tai nơ!*

Bày trò ra thì mang xấu, lo chuyện bâng-quơ làm gì; ta thấy giềng sâu, không nỡ cho trẻ lao mình xuống, vả đường xa ngày tối, đi sao cho kịp? Cứ xem các quan ta cô chồng-trả mà có gỡ được nước cờ đâu, vậy đừng nên nghe xui dại.

### Bài họa

*Lung-lay lòng sắt đã mang nơ,*

*Chẳng xét phận mình khéo nói vơ!*

*Người trí mắng lo danh chẳng chối,*

*Đưa ngu mới sợ tuổi không chờ.*

*Bài hòa đã sẵn in tay thợ,*

*Việc đánh hơn thua giống cuộc cờ.*

*Chừa trả thù nhà đến nợ nước,*

*Dám đâu mắt lấp lại tai nơ!*

Tường muốn lung-lạc người trí-thức, ấy là xấu rồi: trí chỉ lo trọn đạo, ngu mới hành-động hấp-tấp, ăn xối ở thì, bây giờ giảng-hòa là ta thua rồi, nhưng đó đã chắc được chưa, chúng ta không thể làm nơ trước thù nhà nợ nước.

### Bài xướng III

*Tai nơ mắt lấp buổi tan-tành,*

*Nghĩ việc đời thêm hồ việc mình.*

*Nghi-ngút tro tàn nhà đạo nghĩa,  
 Lò-mò bụi đóng cửa tâm-anh.  
 Hai bên vai gánh ba giềng nặng,  
 Trăm tạ chuông treo một sợi mảnh.  
 Trâu ngựa đầu kêu, kêu cũng chịu,  
 Thân còn chẳng kể, kể chi danh !*

Cũng vì tan-tành nên không ngờ được : nền lễ-giáo đã mất, ta vẫn phải cứu-vãn lại, nhưng việc thật khó-khăn : quả chuông trăm tạ treo bằng sợi chỉ. Thôi thì bảo ta là trâu ngựa ta cũng chịu, ta ra cộng-tác thể này còn nghĩ gì đến thân-danh nữa ; cốt cứu được nước mà thôi.

Sa- éc

Wednesday, July 13, 2016

### Bài họa

*Tai ngờ sao được lúc tan-tành,  
 Luống biết trách người chẳng trách mình.  
 Đền thờ còn khoe danh đạo-nghĩa,  
 Như vậy cũng gọi cửa tâm-anh.  
 Khe sâu vụng tính dung thuyền nhỏ,  
 Chuông nặng to gan buộc chỉ mảnh.  
 Thân có, ắt danh tua phải có,  
 Khuyên người ái-trọng cái thân-danh.*

Muôn trách người phải trách mình trước. Đã cộng-tác thì đừng nói đến đạo-nghĩa, tâm-anh, làm gì. Chúng ta đã trót vụng tính để thuyền nhỏ lọt vào khe sâu, thì phải có gan treo chuông bằng chỉ, ấy là bảo-trọng thân-danh đây.

### Bài xướng IV

Kề chi danh-phận lúc tan-hoang,  
 Biển rộng trời cao nghĩ lại càng...  
 Lên núi bắt hùm chưa dễ lão,  
 Vào sông đánh cá, há rằng oan.  
 Người giương mắt ngạo đôi tròng bạc,  
 Kẻ úa gan trung bầy lá vàng.  
 Chiu-chít thương bầy gà mất mẹ,  
 Cũng là gắng-gỏi, dám khoe-khoang!

Lúc này kể gì danh-phận nữa, nhưng nghĩ vì chồng Pháp cũng như lên núi bắt hùm, vào sông đánh cá, nguy-hiểm bao nhiêu. Các ông chỉ-trích tôi, thật đau-đớn cho tôi: vì tôi thương gà con mất mẹ nên mới gắng ra gánh-vác việc nước.

### Bài họa

Thân-danh chẳng kể, thiệt thằng hoang!  
 Đốt sập nên tro lụy chẳng cần...  
 Hai cửa trâm-anh xô sập ngựa,  
 Một nhà danh-giáo xáo tan-hoang.  
 Con buôn khắp-khởi chưa từng ngọc,  
 Người khó xăn-văn mới gặp vàng.  
 Thương kẻ đông-văn nên phải nhấc,  
 Để ta đâu dám tiếng khoe-khoang.

Thân-danh mà không đẽm-xía đẽn, thật là vô liêm-sĩ. Khá thương cho kẻ đốt sấp thành tro, làm điêm-nhục đẽn gia-thanh. Chỉ trông thấy ngọc đã lóc mắt, không biết rằng có chịu khổ-sở mới thành-công. Vì ông cũng là trong mạch thư-hương nên mới nói mà thôi.

### Bài xướng V

*Khoe-khoang sức giỏi cây tài khôn,  
Múa mép khua môi cũng một phần.  
Tơ vãn cánh ruồi kinh trí nhện,  
Gió đưa hơi cọp khiếp oai chồn.  
Siêng lo há đợi cơm kẻ miệng,  
Chậm tính nào ngờ nước đến tròn.  
Hay dở chuyện đời còn lắm lỗi,  
Múa-men xin hãy chớ bôn-chôn.*

Thôi đừng ba-hoa nữa. Sức các ông như cánh ruồi mà định làm cho nhện sợ; như lũ chồn, nghĩ thấy hơi cọp là run. Nếu biết lo thì chẳng nên đợi ai đưa cơm kẻ miệng cho mình; nước đến tròn lúc nào cũng không biết...

### Bài họa

*Khoe-khoang việc phải, mới rằng khôn,  
Kẻ vạy người ngay há một phần!  
Hồng dẫu hư lông dẫu sợ sè,  
Hùm như thất thế dễ thua chồn.*

*Ngươi Nhan xá ngại dao kề lưỡi,  
 Họ Khuất nào lo nước đến trôi.  
 Thấy-máy gặp thời ta sẽ động,  
 Muốn nên việc lớn chớ bôn-chôn.*

Kẻ trái người phải sao lại vợ đũa cả nắm? Chim hồng tuy mất ít lông đầu có sợ chim sẻ, hùm mà thất-thê há thua chồn. Nhan Cửu-Khanh đời Đường bị giặc bắt, chửi giặc, giặc đem cắt lưỡi, vẫn không hề sợ. Khuất-Nguyên can vua Sở, biết vua sẽ ghét mình sẽ nguy, nhưng cũng không lo. Hễ cơ-hội đến là ta sẽ hành-động.

### Bài xướng VI

*Hãy chớ bôn-chôn việc cửa nhà,  
 Sau này còn ngại nổi đàn xa.  
 Ma dưỡng cơn ngặt lung hai trẻ,  
 Trời mỗn lòng thương xót một già.  
 Lái đã vững-vàng cơn sóng lượn,  
 Thoi toan đan-dệt lúc mưa sa.  
 Ở đời há dễ quên đời được,  
 Tính thiệt so hơn cũng gọi là...*

Đường xa, còn nhiều trở-ngại lắm. Nước ta ví như người già trời còn thương, nhưng mà hai trẻ cứ giục chết



cho mau (1) Cơn sóng lượn nay ta đã cầm lái vững, ta lại lo dệt áo phòng mưa nữa. Phải suy hơn thiệt, chớ đừng mai-mả, không công-bằng.

### Bài họa

*Bôn-chôn cũng bởi bận vì nhà,  
 Dám trách người xưa chữa tính xa ?  
 Hăm-hở hãy đang hững sức trẻ,  
 Chịu-lòn e cũng môn hơi già.  
 Mỗi thorn cá quý câu không nhay,  
 Cung yếu chim cao bắn chẳng sa.  
 Đáy giếng trông trời gương mắt ếch,  
 Làm người như vậy cũng rằng là...*

Đâu dám trách ông nông-nổi : thanh-niên đang hăm-hở, còn ông thì luôn-cúi cũng hết hơi. Ông muốn dụ chúng tôi, nhưng mỗi thorn không câu được cá quý, cung yếu không bắn được chim cao. Ông không biết ngó xa trông rộng, như thế không xứng-đáng là kẻ sĩ.

### Bài xướng VII

*Cũng gọi là người ắt phải lo,  
 Có hay chịu khó mới nên trò.*

(1) Hai trẻ : nhị thụ đồng-tử — người sắp chết thường có hai đứa trẻ đứng bên giục chết cho mau.

*Bạc mông-mênh biển cầu toan bắc,  
 Xanh mịt-mù trời thước rắp đo.  
 Nước ngược chổng lên thuyền một mái,  
 Góc cao bó lại sách trăm pho.  
 Lòng này dẫu hỏi mà không hồ,  
 Lặng xét thăm soi cũng biết cho.*

Người ta phải thực-tê, không nên viễn-vông, bắc cầu trên biển, lầy thước đo trời. Tiếc thay tình-thê ngửa-nghiêng mà tôi như thuyền một mái, trong khi các ông chỉ ngồi cao xem sách. Tôi tự xét không hổ với mình, đã có trời xét soi.

#### Bài họa

*Rằng là người trí cũng xa lo,  
 Nhuận-nhã kinh-luân mới phải trò.  
 Ngay vậy nảy ra cho biết mực,  
 Thấp cao trông thấy há rằng đo.  
 Xe Châu nào đợi kinh năm bộ,  
 Níp Tống vừa đầy sách nửa pho.  
 Chuốc miệng khen người nên các-cớ :  
 Đạo trời ghét vậy há soi cho !*

Đã là người trí, thì phải lo xa, phải xử-sự cho đúng đạo thánh-hiến. Ai cong ai ngay, ai cao ai thấp, cần gì phải nói. Tôi học cũng nông-nổi thôi, nhưng khuyên ông nên ở phải, đạo trời đâu có soi cho kẻ ở cong-queo !

### Bài xướng VIII

Đã biết cho chưa, hỡi những người,  
 Xin đừng tiếc hận, chớ chê cười !  
 Vì dầu vật ấy còn roi-dấu,  
 Bao quản thân này chịu đẽ-ngươi.  
 Trăng giữa ba thu mây cũng tỏ,  
 Hoa trong chín hạ nắng càng tươi.  
 Khó lòng mình biết lòng mình khó,  
 Lòn-lỏi công-trình kể mấy mươi.

Xin đừng chê cười : các ông khinh tôi cũng chẳng ngại,  
 miễn là nước vẫn còn. Rồi ra trăng sáng thì mây mờ ; hoa  
 tàn gặp nắng lại tươi, chỉ mình tôi biết cho tôi là công-trình  
 lòn-lỏi đã nhiều cũng vì thương nước thương dân.

### Bài họa

Soi cho cũng biết ấy là người,  
 Chẳng tiếc thân-danh, luống sợ cười ;  
 Ba cõi may dầu in lại cũ,  
 Đôi tròn trông đã thấy không ngươi.  
 Ngọc lành nhiều vết coi không lịch,  
 Thọ vụng ít màu nhuộm chẳng tươi.  
 Đứa dại trót đời, già cũng dại,  
 Lựa là tuổi mới một đôi mươi !

Ông kể cũng lạ, chẳng tiếc thân-danh lại sợ chê cười !  
 Nếu đất nước thu về được, thì chẳng ai thềm nhìn đến ông,  
 vì ngọc lành nhiều vết, thợ nhuộm vụng tay. Thật là già đời  
 còn dại.

### Bài xướng IX

*Kề mấy mươi năm nước lẽ văn,  
 Rắn dài, beo lớn, thẽ khôn ngăn ;  
 Bốn đời, chung đội ơn nuôi dạy,  
 Ba tỉnh, riêng lo việc ở ăn.  
 Hết sức người theo trời chẳng kịp,  
 Hoài công chim lặn biển không bằng.  
 Phải sao chịu vậ thôi thì chớ,  
 Nhắm mắt đưa chân lối đạo hằng.*

Tôi cũng bốn đời gia-thê, nay một mình phải lo-liệu cho  
 đời sông dân ba tỉnh, tiếc rằng việc nước khó gỡ lại. Chim  
 tinh-vệ hoài công tha đá mà lặn biển không bằng, thôi thì  
 nhắm mắt đưa chân, lối đạo đành chịu.

### Bài họa

*Một đôi mươi ưởng tính xăn-văn,  
 Đất lở ai mà dễ dám ngăn ?  
 Nong-nả đốc vun nển đạo-nghĩa,  
 Xõn-xang nào tưởng việc làm ăn.*

*Thương người vì nước ngồi không vững,  
Trách kẻ cầm cân kéo chẳng bằng.  
Gió xối mới hay cây cỏ cứng,  
Đôi theo người trước giữ năm hằng.*

Đã đành gánh sao được đất lở, nhưng mà tính quần làm gì, lo gì việc làm ăn, hãy cốt giữ vững lây đạo nghĩa. Ta những thương kẻ bôn-ba lo việc nước và trách trời ở không công. Cây cỏ tuy yếu nhưng có gió to mới biết là cứng; nên ở cho đúng đạo làm người thì hơn.

### Bài xướng X

*Đạo hằng chi trước thảo cùng ngay,  
Lỗi đạo sao cho đáng mặt thầy.  
Đất quét đã đành bia lỗ miệng,  
Chén tràn e nổi trở bàn tay.  
Nghĩa đen dạy trẻ tranh còn lãp,  
Mặt trắng xem trời cánh khó bay.  
Chí muốn ngày nào cho được toại?  
Giang-san ba tỉnh hãy còn đây!*

Ai chẳng biết đạo thảo ngay, song đi với kẻ thẳng đã đành là xấu, nhưng để nước tràn ra ngoài chén thì còn cứu-vãn sao kịp; đem lời thực bảo cho mà không nghe thì các ông khó có cánh bay đâu được. Chí muốn của các ông bao giờ thành được? Mà đất có mất đâu: giang-san hãy còn đây mà.

## Bài họa

Năm hằng vốn thiệt thảo cùng ngay,  
 Cuộc ấy ai xui khéo bận thầy.  
 Gặp lúc chẳng may nên ngậm miệng,  
 Chờ khi thấy-máy sẽ ra tay.  
 Nồi chìm mặc thể tình dày mỏng,  
 Cao thấp đâu ta sức nhảy bay.  
 Một trận gió đưa xiêu-ngũ cỏ,  
 Hơn thua chưa quyết đó cùng đây.

Thật thế, đạo thảo ngay phải giữ, sao ông lại lo dùm cho người ta? Chúng ta gặp bước không may thì ngậm miệng chờ thời cuộc xoay-vấn. Dân-tộc lâm-than nhiều ít hãy nán lòng đợi, ta có lúc sẽ đem toàn-lực tranh cao thấp. Cỏ bị gió thì ngã xuống, nhưng sự hơn thua đã biết chắc là về ai?



Sau cuộc bút-chiến hào-húng này, Tôn không còn dám khoe lực-lượng Pháp và coi nhân-dân như trẻ nít nữa. Ông dựa vào hoàn-cảnh để cãi tội : vì hoàn-cảnh mà ông phải quyền-biến chứ lúc nào cũng chỉ một lòng cứu nước cứu dân. Ông ngụ-tình vào bài :

Tôn phu-nhân qui Hán

*Cật ngựa thành gươm vẹn chữ tòng,*

Ngàn thu rặng tiết gái Giang-đông!  
 Lià Ngô, bịn-rịn chòm mây bạc,  
 Vẽ Hán, trau-tria mảnh má hồng.  
 Sơn phẫn thà cam dày gió bụi,  
 Đá vàng chi đề then non sông!  
 Ai về nhắn với Chu-công-cần:  
 Thà mất lòng anh, đừng bụng chông.

Tôn-phu-nhân đi lấy chông lúc nào cũng nhớ nhà, như mình theo Tây vẫn không quên nước: *bịn rịn chòm mây bạc*. Tôn cũng như phu-nhân thà chịu đau khổ, nhưng cũng làm vẻ-vang cho nước: *Sơn phẫn thà cam dày gió bụi, đá vàng chi đề then non sông*.

Tuy có mất lòng anh (phái bất hợp-tác) song được bụng chông (quốc-gia) vì có thể đỡ-dần được cho dân khỏi khổ.

Bài thơ này truyền ra, Cử-Trị lại trả lời:

Cài trâm sửa áo ven câu tòng,  
 Mặt giã trời chiều biệt cõi Đông.  
 Khói tỏa vùng Ngô chen thức bạc,  
 Duyên xe vẽ Thục đượm màu hồng.  
 Hai vai tơ-tóc bền trời đất,  
 Một gánh cang-thường nặng núi sông.  
 Anh hỡi, Tôn-Quyển, anh có biết:  
 Trai ngay thờ chúa, gái thờ chông!

Đại ý nói ông sắm-sửa mũ áo theo Tây, mặc kệ cảnh khói lửa lăm-than, tìm đến chỗ màu hồng đẹp-đẽ, quên rằng cương-thường không thể nào bỏ được : trai ngay thờ chúa cũng như gái trinh phải thờ chồng.



Sau đó Tôn lại làm một bài ngụ ý nữa, tự ví mình như Tì-Thứ bất-đắc-dĩ phải theo Tào, nhưng không theo thật lòng nên chỉ ngậm miệng, không giúp Tào một mưu-chước nào :

#### Tì-Thứ quy Tào

*Thảo đầu dám sánh kẻ cày voi (1)*  
*Muối xát lòng ai, nấy mẶn-mời.*  
*Ở Hán hãy còn nhiều cột cả,*  
*Về Tào chỉ sá một cây còi !*  
*Bâng-khuâng nhớ mẹ khôn nâng chén,*  
*Bị-riẹt trông vua biếng giở roi.*  
*Chẳng dặng khôn Lưu đành đại Ngụy,*  
*Thân này xin gác ngoài vòng thoi !*

Ý nói mình không dám bảo mình cũng yêu nước như ai, song nước nhà còn nhiều người xứng-đáng

(1) Vua Thuấn đi cày, có con voi cảm lòng hiều-thảo của vua, ra dẫm nát đất để cày giúp.



(cột cả) thì một người soàng như mình (cây còi) có theo Tây cũng chẳng đi đến đâu. Tuy theo, nhưng vẫn nhớ nước nhớ vua. Thôi thì chẳng được khôn với các ông thì về với Tây làm kẻ đại vậ, từ nay xin đứng ra ngoài vòng quốc-sự.

Cử-Trị đáp lời ngay :

*Quá bị trên đầu nhát búa voi,  
Kinh-luân đầu nĩa đề khoe mòi !  
Xăn-văn ruồi Ngụy mây ùn đám,  
Dáo-dác xa Lưu, gió thổi còi.  
Đất Hứa nhớ thân sa giọt tử (1)  
Thành Tương mến chúa nhẹ tay roi !  
Về Tào miệng ngậm như bình kín,  
Trân-trọng lời vàng đáng mấy thoi?*

Các ông đã theo Pháp ùn-ùn như mây kéo, tránh xa cái nước yếu này rồi. Tuy thỉnh-thoảng nhớ nước mà sa lệ, nhưng lúc ra đi sao mà tay roi đét ngựa lệ đến thế ? Ông hứa sẽ ngậm miệng không bày mưu gì cho Pháp, nhưng lời ông liệu đáng tin đến mực nào ?



Cuộc bút-chiến đến đây chấm dứt, vì từ đây, Tôn

(1). Hứa : tỉnh Hứa-xương.

« *miệng ngậm như bình kín* », mặc cho sự thế xoay-vấn, miễn mình được lên xe xuống ngựa.

Đại-đề sự xung-kích của hai phe, cũng tương-tự như cuộc đấu-lý của Phan-đình-Phùng với Hoàng-cao-Khải trên kia, và của phe de Gaulle với phe Pétain đạo nào. Hai thái-độ, hai tâm-sự, dù đông tây kim cổ lịch-sử âu chỉ là một cuộc tái-diễn.

Tôn tạ thế năm 1876, thọ 52 tuổi.

Cử-Trị sau về ở Cần-thơ, vẫn theo đuổi việc dạy học và bốc thuốc, năm 1910 thì mất, thọ 81 tuổi.





## TỔNG-DUY-TÂN

Người làng Bồng-trung tỉnh Thanh-hóa, Trung-Việt, đỗ tiến-sĩ đời Tự-đức, làm đến đốc-học rồi cáo quan về.

Lúc ông còn ở nhà dạy học có câu đối :

固不如：山而壁，泉而池，雲水道遠  
塵境外，

*Cố bất như : sơn nhi bích, tuyền nhi trì, vân thủy  
tiêu-dao trăn cảnh ngoại,*

惟其有：牖可風，庭可月，菊松自在  
故州中。

*Duy kỳ hữu : dũ khả phong, đình khả nguyệt, cúc  
tùng tự tại cố châu trung.*

— Không gì bền bằng : lấy núi làm vách, lấy suối làm ao, mây nước nhón như ngoài cõi thế,

— Chỉ riêng vui có : cửa sổ gió mát, ngoài sân trăng soi, cúc tùng thông-thả chôn cổ-châu.

Sau, có một đạo, ông thầy chán mùi tục-lụy, vào ẩn trong chôn thâm-sơn cùng-côc, làm bài thơ tự-thuật, cho khắc vào sườn non :

勝景重遊舟一扁  
*Thắng cảnh trùng du chu nhất thiên*

風光回首思無邊  
*Phong quang hồi thủ, tư vô biên*

梅妻鶴子爰成趣  
*Mai thê hạc tử, viên thành thú*

月姊風姨契夙緣  
*Nguyệt tỷ phong di, khế túc duyên*

五色文成雲峒口  
*Ngũ sắc văn thành, vân động khẩu*

九成樂奏鳥山巔  
*Cửu thành nhạc tấu, điểu sơn diên*

山河風景今如昨  
*Sơn hà phong cảnh, kim như tác*

應表詩章石上傳  
*Ứng biểu thi chương, thạch thượng truyền.*

— Cảnh danh thắng này, lại đến chơi lần nữa với một con thuyền,

— Trông lại phong quang tình tứ man-mác,

— Ở đây vui thú, có cây mai là vợ, chim hạc là con,

— Có túc duyên với chị gió, dì trăng.

— Mây trên cửa động hiện đủ năm sắc,

— Tiếng chim kêu trên núi, tựa như khúc nhạc cử thành (nhạc cử thành là nhạc của vua Thuần),

- Phong cảnh núi sông nay y như cũ,  
— Nên có bài thơ trên vách đá, để lưu truyền về sau.

Bản dịch của Nhân-Phủ.

*Cảnh cũ qua chơi một chiếc thuyền  
Phong-quang ngảnh lại tứ vô-biên !  
Vợ mai con hạc quen thành-thú,  
Chị gió di trăng vốn túc-duyên.  
Năm sắc vẫn nên, bay cửa động,  
Chín thành nhạc tấu vắng non tiên.  
Núi sông phong cảnh còn như trước,  
Tạm mấy vần thơ khắc đá truyền*

Sau năm ất-dậu (1885), đứng đầu đảng Cần-vương ở Thanh-hóa, cùng Đinh-công-Tráng thành-lập chiến-khu ở Ba-đình. Ba-đình thất-thủ (1887), chạy ra Bắc, đến 1889, lại trở về Thanh-hóa lãnh-đạo cuộc kháng-chiến ở huyện Nông-cống, được hơn một năm thì bị bắt, đem xử tử ngày 3-9-1892, tại Thanh-hóa. Có người viếng câu đối :

小白霸齋生管仲

*Tiểu-Bạch bá Tê, sinh Quản-Trọng*

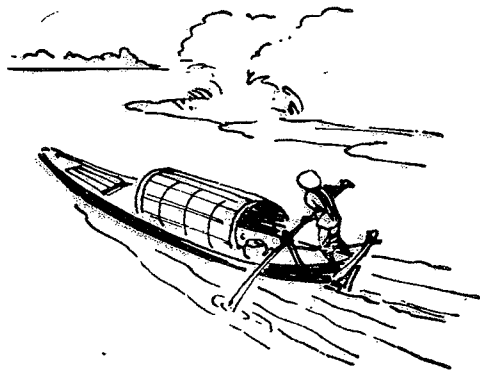
大元移宋死天祥

*Đại Nguyên di Tông, tử Thiên-Tường*

— Tiểu-bạch là tên Tể-hoàn-công làm bá-chủ đời Xuân-thu, Quán-Trọng là kẻ thù của Tể-hoàn-công ngày trước, khi Hoàn-công về làm vua nước Tể, tha không giết Quán-Trọng.

— Nhà Nguyên rút ngôi nhà Tống, mà lại giết Văn-thiên-Trường.

Ý nói : nước Pháp lấy nước Nam lại giết những người trung-thần, ví như nhà Nguyên lấy nhà Tống giết Văn-thiên-Trường, thế là không bằng Tể-hoàn-công tha Quán-Trọng là kẻ thù của mình.



*Cảnh cũ qua chơi một chiếc thuyền*

## TRẦN-CAO-VÂN

Người làng Phú-cứ, phủ Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam, Trung-Việt.

Khoảng tháng 9 năm 1915, cùng bạn đồng-chí Thái-Phiên mưu việc tiếp-xúc với vua Duy-tân để mời vua tham-gia cuộc khởi-nghĩa do Việt-Nam Quang-phục-hội đề-xướng đề chống Pháp.

Hai người đưa Phan-hữu-Khánh vào làm tài-xế trong nội, rồi úy Khánh dâng vua một bức thư đề-cập đến thăm-cảnh của toàn-dân và ý-định phục-quốc.

Vua rất cảm-động, hẹn ngày 12 tháng 3 âm-lịch (1916), sẽ hội-kiến trên Ngự-hà, vua sẽ ngồi câu còn Trần-cao-Vân và Thái-Phiên giả làm người đi câu.

Sau đó ít lâu, trong cuộc hội họp của Quang-phục-hội lần thứ 2 tại Huế, Thái-Phiên được bầu làm chủ-tịch và Trần-cao-Vân làm quân-sư trong ủy-ban khởi nghĩa.

Cuộc khởi-nghĩa ăn-định vào giờ ngọ, ngày ngọ và tháng ngọ, tức là ngày mồng 2 tháng 5 năm bính-thần (8-6-1916). Hiệu-lệnh được ban-bố ra bằng bài thơ



sau đây là Trần-cao-Vân (*Hiệu-lệnh cách-mạng mà làm thành thơ, thật rõ là cái phong độ nhà nho !*) :

Hỏa-xa Huế-Hàn

*Một mỗi xa-thơ đã biết chưa?*

*Bắc Nam hai ngả gặp nhau vừa.*

*Đường rầy đã sẵn thang mây bước,*

*Ổng khói càng cao ngọn gió đưa.*

*Sấm dậy tứ bề trăm mây chuyển,*

*Phút thâu muôn dặm nửa giờ trưa.*

*Trời sai ra dọn xong từ đây,*

*Một mỗi xa-thơ đã biết chưa?*

Nhưng sau, vì sợ tiết-lộ cơ-muru, phải khởi-sự sớm hơn một tháng : tức là vào đêm mồng 2 tháng 4 năm bính-thìn (3-5-1916). Tuy vậy mà từ chiều ngày mồng 1, Pháp đã được tin báo nên đề-phòng rất ngặt.

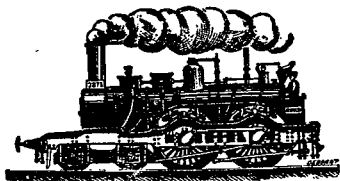
Trần-cao-Vân và Thái-Phiên không ngờ vực gì cả, cứ làm đúng theo kế-hoạch, đưa vua ra khỏi hoàng-thành. Chạy ra đến đàn Nam-giao thì vua và Thái-Phiên bị bắt. Trần-cao-Vân cũng bị bắt sau đó tại làng Hà-trung, huyện Phú-lộc, tỉnh Thừa-thiên.

Ngày 17-5-1916, Trần-cao-Vân cùng Thái-Phiên, Phan-hữu-Khánh và mấy người lính hầu vua Duy-tân,

bị đem ra hành hình tại An-hòa, phía tây-bắc thành-nội Huế.

Tương truyền, trước khi bị giết, Trần-cao-Vân đã khâu-chiếm bài thơ sau đây :

*Đứa nào muốn chết, chết như chơi,  
Chết vì non sông. chết vì Trời.  
Chết thảo, bao nài xương thịt nát,  
Chết ngay, há ngại cổ đầu rơi.  
Chết trung, tiếng để ngoài muôn dặm,  
Chết nghĩa, danh lưu đèn vạn đời.  
Chết được như vậy là hả lắm,  
Ta không sợ chết, hỡi ai ơi !*





## VŨ-DUY-THANH

Người Kim-bồng, nay là làng Vân-bồng, huyện Yên-khánh, Ninh-bình, Bắc-Việt. Sinh đời Gia-long, đỗ cử-nhân đời Thiệu-trị.

Thi hội mấy khoa không đỗ, đến năm tân-hợi, Tự-đức IV (1851), đỗ phó-bảng. Khoa này, Phạm-Thanh người Thanh-hóa đỗ bảng-nhơn. Kéo bảng xong, vua Tự-đức nằm mơ thấy có người báo : « Khoa này còn bỏ sót lại người tài », và đưa một cái bảng ra, trong có hai chữ *Thanh*. Khi tỉnh dậy, vua lấy làm phân-vân, sau cho mở thêm ngày ân-khoa, gọi là khoa *hoành-từ*, cho các tú-tài cử-nhân và phó-bảng đã đỗ từ trước đến nay đều được vào thi cả.

Khoa hội ấy, Vũ-huy-Dực người Bắc-ninh, đã đỗ 6 khoa tú-tài, được chấm đỗ hội-nguyên, Vũ-duy-Thanh đứng thứ nhì.

Khi vào thi đình, Vũ-duy-Thanh được 8 phân, mà Vũ-huy-Dực được có 6, thành ra Vũ-duy-Thanh đỗ *bảng-nhơn thị trạng-nguyên*, 榜眼視狀元, Vũ-huy-Dực đỗ thám-hoa ; vì thế nên thường gọi Vũ-duy-Thanh là cụ bảng Kim-bồng. Triều Nguyễn không lấy trạng-nguyên, kể khoa-bảng ông cao hơn mọi người.

Ông tư-chất cực thông-minh, phàm sách đã trông qua một lượt là nhớ, lại có tài ứng đối mẫn-tiếp.

Ngày còn đi học, gặp năm nước sông lên to, tri-phủ Yên-khánh về đốc dân hộ đê, ông đi ngang qua đó, lính bắt phải xuống khiêng đất, ông xin miễn lấy cớ là học-trò yếu-ớt.

Tri-phủ nói :

— Nếu thực là học-trò, ta ra cho câu đối :

*Quan thị đắp đê Kim-bồng, chắn hồng-thủy cho dân được cây*

Ông ứng khẩu đối ngay :

*Nhà nho đổ khoa bảng-nhãn, quyết tranh khôì, thì chí mới cam.*

Câu ra dụng ý dùng bốn thứ quả : *thị, bồng, hồng, cây*, (chữ *thị* : tri-phủ nguyên là hàm thị-độc).

Câu đối lại có bốn thứ quả : *nho, nhãn, chanh, cam*.

Lúc đối là ngẫu-nhiên, cốt đối cho đúng lệ mà thôi, ai ngờ về sau ông đổ bảng-nhãn, thành ra câu đối có vẻ ứng-nghiệm như lời thi-sấm, nên mới được truyền-tụng.



Khi đổ bảng-nhãn ông đã 45 tuổi, được bổ vào Tập-hiến-viện, rồi thăng chức Quốc-tử-giám-tế-tử.

Gặp năm tề Nam-giao, ông xung vào chức bồi-tự, phàm các quan dự tề, mỗi người phải nghĩ một câu đối để viết vào đàn giao. Câu của ông :

至誠隨地有孚如在其上在其左右  
*Chí thành tùy địa hữu vu, như tại kỳ thượng, tại kỳ tả hữu,*

聖德與天無間而況於人況於鬼神  
*Thánh đức dữ thiên vô gián, nhi huống ư nhân, huống ư quỷ thần.*

— Chữ Trung-dung : lòng thành tùy chỗ nào, cũng có cảm tin như là thần mình ở trên, và ở tả hữu.

— Chữ kinh Dịch : đức nhà vua đối với trời không xa cách (gián đoạn) hưởng chi người và quỷ thần.

Vua Tự-đức ban khen.

Một hôm vua hỏi :

— Trẫm muốn thăng chức cho khanh, tùy ý khanh chọn chức gì.

Ông tâu :

— Thần chỉ muốn ở gần kinh-khuyết, được trông thấy thánh-quang luôn luôn, vậy nên xin giữ chức tể-tửu để rèn-luyện học-trò, là thỏa nguyện.

Vua chiều ý, để làm tể-tửu mãi đến lúc mất.

⊕

Năm Tự-đức 12 (1859), Pháp đánh lấy cửa Đà-

nặng và ba tỉnh Nam-kỳ, ông thấy khí-giói lợi hại, và tàu bè vận-chuyển nhanh-chóng, bèn nghĩ chế một chiếc thuyền, chạy bằng hơi nước, đem cho chạy thử ở cửa Thuận : tuy máy-móc không bằng của người Âu, nhưng về sáng-kiến, ông tỏ ra là người có óc khoa-học.

≠

Lúc vào chằm trường ở Bình-định, qua đèo Hải-vân, phải trèo nhiều đôi núi, đường đi vất-vả, trong khi nằm trên cáng, ông làm bài thơ tập thơ cổ :

雲起高臺日未沈

*Vân khởi cao-đài nhật vị trẫm,* (Liễu-tôn-nguyên)

淡烟疏磬散空林

*Đạm yên sơ khánh tản không lâm.* (Luu-Sương)

三春月照千山路

*Tam xuân nguyệt chiếu thiên sơn lộ,* (Ôn-đình-quân)

六幕天空萬里心

*Lục mạc thiên không vạn lý tâm.* (Hồ-Túc)

紫簡尚添黃紙按

*Tử-dản thượng thêm hoàng chỉ án,* (Ngô-Dung)

玉書應念素塵侵

*Ngọc-thư ứng niệm tố trần xâm.* (Lý-quân-Ngọc)

一名所繫無窮事

*Nhất danh sở hệ vô cùng sự,* (Tiết-Phùng)

## 日暮聊爲梁父吟

*Nhật mộ liêu vi Lương-phủ ngâm.*

(Đỗ-Phủ)

Bài này lấy trong Đường thi, trích mỗi bài một câu, hợp lại 8 câu thành bài.

Bốn câu trên tả cảnh núi buổi chiều

Bốn câu dưới nói tâm-sự mình.

— Khi lên núi, thấy mây đùn ở núi lên, mà mặt trời chưa lặn.

— Lúc ấy sương đã xuống, nghe thấy tiếng khánh ở rừng xa đưa lại.

— Bóng trăng về thán ba soi rõ đường núi.

— Tắc lòng băng khuâng nghĩ khắp muôn dặm và sáu cõi ở trong trời đất.

— Nghĩ mình đã được thê tía, lại thêm giấy vàng (*ơn vua*).

— Tờ ngọc thư là vật quý, chỉ sợ bụi làm nhơ (sao cho giữ được tiết trong-sạch)

— Chỉ vì cái danh mà phải ràng-buộc.

— Nên buổi chiều thường đọc bài thơ Lương phủ (*Không-Minh* lúc còn ẩn ở Long-Trung hay ngâm bài này).

## Dịch nôim

*Mây phủ dài cao bóng ác tà,*

*Khánh đâu rừng vắng vắng nghe qua.*

*Ba xuân trăng tỏ nghìn non quạnh,*



Sáu cõi trời cao vạn dặm xa.  
 Ân nặng bao phen từ đạ xuống,  
 Tình riêng những ngại bụi đời nhờn.  
 Cái danh ràng-buộc thêm nhiều việc  
 Khúc cũ ngâm tràn luống ngẩn-ngờ...



Lúc nhàn rồi ông cao hứng vịnh bài thơ « Phong  
 hoa tuyết nguyệt » :

詩壇細柳弄花鞋  
 Thi-đàn tế-liễu lộng hoa-hài  
 客步隨霜印碧苔  
 Khách bộ tùy sương, ấn bích đài  
 棋局打風清壓陣  
 Kỳ cục đả phong thanh áp trận  
 酒瓢迎雪白和杯  
 Tửu biêu nghênh tuyết bạch hòa bôi  
 疎簾透月香離菊  
 Sơ liêm thấu nguyệt hương ly cúc  
 燕席陵花味嚼梅  
 Yến tịch lãng hoa vị át mai  
 披拂巖頭貼靜店  
 Phi phất linh đầu chiêm tĩnh điếm  
 詩壇細柳弄花鞋  
 Thi đàn tế liểu lộng hoa hài.

- Đi hái hoa đến thi đàn, qua dạng liễu nhỏ.
- Lột giấy khách đi sớm, in trên rêu biếc
- Nhân lúc gió mát đánh cuộc cờ.
- Có tuyết xuống nghiêng bầu rượu uống.
- Vườn cúc bóng trăng soi qua rèm thưa.
- Mùi hương hoa mai đưa vào tiệc yến.
- Phất-phơ gió thổi qua điểm vắng trên đỉnh núi.
- Đi hái hoa đến thi đàn, qua dạng liễu nhỏ.

Bài này tài tình, đọc xuôi là thơ chữ Hán, đọc ngược lại từ dưới lên trên theo lối đọc chữ nôm thì lại thành ra thơ quốc-văn :

*Giấy hoa lỏng lẽ tới đàn thơ  
 Điểm tạnh xem đầu núi phất phơ  
 Mai át mùi hoa lừng tiệc yến  
 Cúc lia hương nguyệt thấu rèm thưa  
 Chén hòa bạch tuyết nghiêng bầu rượu  
 Trận áp thanh phong đánh cuộc cờ  
 Rêu biếc in song theo bước khách  
 Giấy hoa lỏng lẽ tới đàn thơ.*

≠

Năm Tự-đức XII (1859) vua sai Nguyễn-Tri-Phương vào quân thứ Nam Kỳ, để chông giữ với người Pháp, Nguyễn với ông vốn là bạn tâm-giao, nên khi lâm hành, ông có tiến bài thơ :

*Nước non xưa vẫn nước non này :  
 Cõi bắc ngàn nam suốt một đây.  
 Ba tỉnh cát lâm đương rộn nổi,  
 Chín lần gwom báu phải trao tay.  
 Đầy xe vâng chỉ không dong giặc,  
 Truyền hịch ra quân sớm định ngày,  
 Cờ tía những mong tin báo tiếp,  
 Tên ghi gác khói, tượng đài mây...*

— Khói là *yên*, mây là *vân*. Nhà Hán, những công thần được khắc tên và vẽ tượng ở *Lăng-Yên-Các* và *Vân-Đài*.



Lúc ở Quốc-tử-giám, thường có một người đèn chơi, không nói tên họ, chỉ xưng là *Bình-son thi-khách*, xưng họa thi văn với ông rất là tương đắc.

Một hôm vào khoảng tháng hai, *Bình-son* đèn nhà, ông đi vắng, khách để lại mấy chữ :

一 甲 一 名 金 榜 貴  
*Nhật giáp nhật danh kim bảng quý*

四 月 四 日 玉 樓 成  
*Tứ nguyệt tứ nhật ngọc lâu thành*

Từ đây, không thấy *Bình-son* trở lại. Đèn ngày mồng 4 tháng 4 năm ấy, ông từ-trần. Bây giờ mới hiểu câu *tứ nguyệt tứ nhật ngọc lâu thành*.

Sau khi từ-trần, giám-thần dâng số lên, vua Tự-đức châu phê : *Khả mãn gia tuật tiên bách.* (khá

*thương gia ân cho 100 quan tiền*), và cho đưa quan-tài về quê ở Ninh-bình, tư cho đi qua tỉnh nào, các học-quan tỉnh ấy đều phải làm lễ phúng-điều. Các quan ở Kinh có câu đôi viếng :

九源遺恨茶山澳  
*Cửu nguyên di hận Trà-sơn úc*  
 千里歸魂翠嶺峯  
*Thiên lý quy hồn Thúy-lĩnh phong*

— Chín suối còn di hận ở vùng núi Trà-sơn (*thuộc Đà-nẵng*) : lúc Pháp đánh cửa Đà-nẵng, ông có dâng sớ xin tòng quân, nhưng vua không cho.

— Du hồn về núi Thúy-sơn, đường xa nghìn dặm (*Thúy-sơn thuộc Ninh-bình*).

Câu đôi của bảng-nhãn Phạm-Thanh :

人寶當為天下惜  
*Nhân bảo đương vi thiên hạ tích*  
 宦情能動九重憐  
*Hoạn tình năng động cửu trùng lân*

— Người quý nay mất đi, thiên hạ đều tiếc.

— Tính làm quan thanh-bạch, cửu-trùng cũng thương.

Câu đôi của Nội-các Vũ-phạm-Khải :

同庚，同術，同姓氏州閩，晚輩推君  
 標物望，

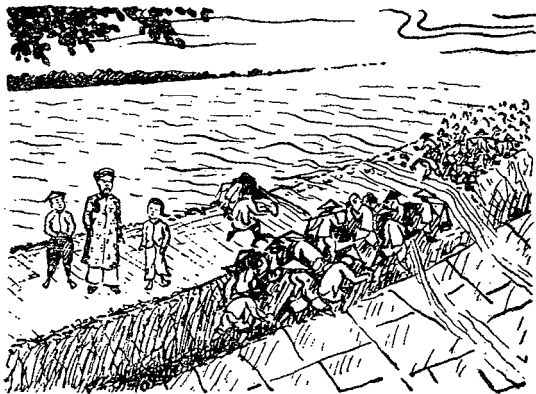
*Đồng canh đồng thuật, đồng tính thị châu lư, văn  
 bồi suy quân tiêu vật vọng*

此景，此情，此江山碑碣，昔賢先我  
寄愁吟。

*Thử cảnh thử tình, thử giang sơn bi kiệt, tích  
hiên tiên ngũ ký sầu ngâm*

— Cùng tuổi, cùng học, cùng họ lại cùng tỉnh, những học  
trò lớp sau đều tôn-trọng ông là bậc tiêu-biểu: ông Khải chỉ  
đỗ cử-nhân nên mong học trò lớp sau, đỗ được cao như ông  
bằng.

— Tình ấy, cảnh ấy, núi sông ấy và bia đá ấy, người hiền  
xưa đã trước ta, gửi tiếng sầu ngâm: người xưa, chỉ Trương-  
Hán-Siêu, vì Trương làm bài văn bia *Linh-tê-tháp*, ông Bằng  
có bài *Bình Linh-tê-tháp*. việc văn-chương có can-hệ đến mỗi  
sầu cảm.



Quan Thị đập đê Kim-bông

## VŨ-HỮU-LỢI

(Nghề Giao-cù)

Người làng Giao-cù, huyện Nam-trực, tỉnh Nam-định. Đỗ tiến-sĩ đời Tự-đức, tục gọi ông nghề Giao-cù. Tuy đỗ cao, nhưng không chịu ra làm quan, chỉ ở nhà dạy học. Năm ất-dậu (1885), đứng đầu bảng văn-thân Nam-định mưu việc Cấn-vương.

Việc thất-bại, ông lang-thang nay đây mai đó. Một hôm trốn đến núi Gôi, bị lính tuần-tiểu bắt được, giải về Nam-định. Tổng-đốc tỉnh này là phó-bảng Vũ-văn-Báo, cùng với công-sứ lên án xử-tử, đưa ông ra chém ở gần bến Vị-hoàng. Năm ấy chưa đến 50 tuổi. Ông có ngâm câu tuyệt mệnh :

武無用地將誰適

*Võ vô dụng địa tương thù thích ?*

事大如天奈爾何

*Sự đại như thiên nại nhĩ hà ?*

— Võ không còn đất, đi đâu được ?

— Việc lớn như trời, biết tính sao ?

Vì sợ uy-thể người Pháp, nên bạn-bè và học trò không ai dám đến lo ma và phúng viếng, chỉ duy Yên-Đồ có câu đối :

未捷身先，長使英雄淚滿

*Vị tiếp thân tiên, trường xử anh-hùng lệ mãn,*

並遊顏厚，肯教夫子生還

*Tịnh du nhan hậu, khảng giao phu-tử sinh hoàn.*

— Ra quân chưa báo tin thắng, mà đã chết trước, khiến người anh-hùng đây nước mắt.

Đường thi: Đỗ-phủ để đến Gia-cát Võ-hầu :

出師未捷身先死

*Xuất sư vị tiếp thân tiên tử*

長使英雄淚滿襟

*Trường xử anh hùng lệ mãn khâm.*

Lấy câu trên 4 chữ, câu dưới bỏ đi một chữ *khâm*.

— Những bạn của ông đều xâu hổ, dây mặt, nghĩ như ông, chết là phải, không nên sống.

Tổng thi: Đường-giới phải đi đây lại được về :

並遊英俊顏何厚

*Tịnh du anh tuấn nhan hà hậu*

未死奸諛骨未寒

*Vị tử gian du cốt vị hàn*

天爲吾皇扶社稷

*Thiên vị ngô hoàng phù xã-tắc*

肯教夫子不生還

*Khẳng giao phu tử bất sinh hoàn*

Lây câu trên 4 chữ, mà câu cuối cùng bớt đi chữ *bất*.

Yên-Đồ lại làm một bài tứ-tuyệt vịnh con thiêu-thân, dụng ý khóc ông nghề Giao-cù :

羨爾織織一羽翰

*Tiên nhĩ tiêm tiêm nhất vũ hàn*

投明而死死而安

*Đầu minh nhi tử, tử nhi an.*

孤燈殺爾應憐爾

*Cô đặng sát nhĩ ưng lân nhĩ*

待到成灰淚始乾

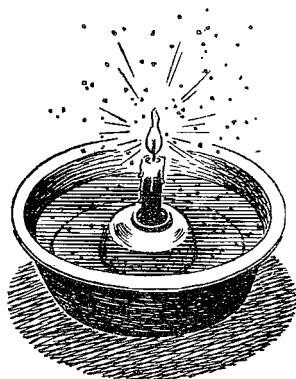
*Đãi đáo thành hôi, lệ thủy càn.*

- Khen người nhỏ nhặt là một con sâu, có cánh
- Gieo mình vào ánh sáng mà chết, tuy chết nhưng được yên
- Ngọn sáp giết người, mà vẫn thương người
- Đợi đến lúc ra gio, mới ráo hết nước mắt.



Bản dịch của Nhân-phủ

*Chiếc thân nhỏ-nhỏ, nhẹ như tên,  
Tìm sáng liễu mình, thác đã yên.  
Ngọn sập hại người, nhưng vẫn sót :  
Xác chưa tàn hết, lệ còn hoen...*



## VŨ-PHẠM-HÀM

(Thám Hàm)

Người làng Đôn-thư, tỉnh Hà-đông, Bắc-Việt, sinh năm 1863.

Vốn dòng nho-gia, tư-chất thông-minh vượt bậc, chí-khí cũng khác người.

Thủa nhỏ, ông có bài thơ vịnh « Con cua » đề tỏ chí mình :

靈臺一點自分明  
*Linh-đài nhất điểm tự phân minh,*  
誰把無腸謾品評  
*Thùy bả vô tràng mạn phẩm-bình.*  
草野此身原有用  
*Thảo dã thử thân nguyên hữu dụng,*  
江山到處儘橫行  
*Giang-sơn đáo xứ tận hoành hành.*  
玄黃滿腹文心閤  
*Huyền-hoàng mãn phúc, văn-tâm nhuậ,*  
戈甲當頭武略精  
*Qua-giáp đương đầu : võ-lược tinh.*

天下正當饑渴望

*Thiên-hạ chính đương cơ khát vọng,*

君如不出孰調羹

*Quân như bất xuất, thục điều canh?*

- Một điểm ở linh-dài (tâm) rất rõ-ràng
- Vậy mà người ta cứ bảo là cua không có ruột
- Tuy ở chôn thảo-dã, nhưng thân hữu dụng
- Giang-sơn đến đâu cũng hoành hành (đi ngang)
- Trong bụng có sắc đen và sắc vàng, là sẵn có vẩn-chương
- Đầu có gươm, mình có áo giáp là giỏi võ-lược
- Thiên-hạ đương mong-mỏi, ví như đói mong ăn, khát mong uống
- Nếu cứ ở yên mà không chịu ra, lấy gì giúp việc nấu canh?

Bồn chữ: *quân như bất xuất*, lấy điển Tạ-An đời Tần, có chữ: *bất xuất như thương sinh hà* 不出如蒼生何 (nếu không ra, thì dân biết trông cậy vào ai). Thục điều canh lấy điển Phó Duyệt: *Điều canh dụng như tác diêm mai*, ý nói vua tôi hợp nhau, như người nấu canh vừa mắm muối.

Bản dịch Nhân-Phủ

*Khuôn thiêng sẵn có đủ phân-minh,*

« Không ruột » đời sao dám phàm-bình !

*Cỏ nội, thân này còn hữu dụng,  
Giang-sơn đầu cũng vẫn hoành-hành.  
Găm hoa đây bụng : văn-tâm đẹp,  
Qua giáp đương đầu : võ-nghệ tinh.  
Thiên-hạ chính đang khao-khát đây,  
Vắng anh, ai kẻ đứng điều-canh?*



Năm 21 tuổi đỗ thủ-khoa (giáp-thân, đời Kiên-phúc, 1884).

Đến khoa thi hội, năm nhâm-thìn, Thành-thái 4, 1892, đỗ hội-nguyên, vào đình đỗ thám-hoa, nên gọi là tam-nguyên thám-hoa, gọi tắt là « ông Thám ».

Triều Nguyễn, Bắc-kỳ có 3 tam-nguyên :

Tam-nguyên Vị-xuyên Trần-bích-San, tam-nguyên Yên-đồ Nguyễn-Khuyển, và ông.

Nhưng hai ông trên đỗ nhị-giáp, riêng ông nhất-giáp : nước ta từ trước, đỗ tam-nguyên nhất-giáp duy chỉ có ông và đời Lê, bảng-nhơn Lê-quý-Đôn nữa mà thôi.

Ông có trí nhớ ít người bì kịp. Khoa hội năm nhâm-thìn, đầu bài ra 24 tiên-nho, ông nhớ được đủ tên. Lúc đó, *Đồng-văn nhật-báo* đã đăng :

武君其魁星降世與  
 Vũ quân kỳ khôi tinh giáng thế dư !

— Ông Vũ phải chăng là sao khôi giáng thế ?

Bấy giờ, ở Thanh-hóa có ông Triệu văn hay chữ tốt, nhưng lạo-đảo trường ốc, thi đến năm 64 tuổi mà vẫn không đỗ. Tuổi càng cao, bạn đồng-học càng vắng, người học lớp sau thì ông lại cho là tài kém cả, nên thường than-thở một cách tự-phụ : « Không biết còn nói chuyện văn-chương với ai được nữa bây giờ ! »

Khi nghe tiếng Vũ-phạm-Hàm vừa đỗ tam-nguyên thám-hoa; ông đã 72 tuổi. Bụng nghĩ không biết anh này học lực thế nào mà đỗ cao đến thế, bèn quyết-định ra Đôn-thư để thử tài.

Hôm ấy nhằm ngày 26 tháng chạp năm nhâm thìn (1892), ông chặt mây buồng cau tốt ở vườn, lững thững một mình gánh đi.

Sáng 30 tới làng Đôn-thư, hỏi thăm đèn nhà ông thám, thì gặp lúc trong nhà đương tập-nập chuẩn-bị ăn tết. Ông để cau ngoài sân, bó gồi ngồi lên cái đòn gánh, người nhà không ai để ý đến.

Mãi quá trưa, bà thám ở trong nhà ra, trông thấy mới hỏi :

— Ông lão ở đâu đèn thè kia ?

— Thưa, tết đèn nơi cân tiên tiêu, lão đưa hai buồng cau đi bán.

Bà thám đèn xem cau, hỏi giá. Ông thưa :

— Bà lớn muốn trả bằng nào cũng được.

Trong khi bà thám mãi chọn cau, ông lò-dò lên nhà khách, vờ xem hoành-phi câu đối, nhác thấy ông thám đương tưới các chậu lan ở trong sân nhà ngang, ông bèn đứng gật-gù ngậm-ngà, đánh tiếng.

Ông thám ngừng lên thấy ông lão quần nâu sấn trên đầu gồi, áo nâu đã bạc hai vai, lầy làm lạ, thủng-thỉnh đi đèn hỏi :

— Ông lão cũng biết chữ đây à ?

— Bẩm lão cũng lóm-bóm.

Rồi ông Triệu hết sức tán-dương, những là ông thám học rộng đồ cao, nhà cửa sang trọng...

Ông thám rất đẹp ý. Chợt trông thấy cái bản cờ sơn son treo trên vách, ông Triệu giả-bộ ngó-ngẩn :

— Thê quan lớn cũng biết đánh cờ kia à?

Ông thám tức lộn ruột, nhưng cô nhện, nói :

— Lão có biết đánh không?

Ông ung-dung thưa :

— Cái gì chứ cờ thì xin thú thực là cao tuyệt.  
Nêu hôm nay quan-lớn thư thả, lão xin hầu mây ván.

Ông thám không trả lời, vẩy ông vào trong, rồi sai người nhà lấy bàn cờ xuống.

Ông thám ngật-ngượng ngồi trên sập, dựa lưng vào gối xếp, đưa tay bầy một bên cờ, còn một bên, ông Triệu đứng dưới đất lom-khom bầy. Xong, ông thám giờ tay toan đi trước, ông Triệu vội chặn lại nói :

— Lão quê mùa, chỉ được nghe danh quan-lớn, nay ngài lại quá yêu cho hầu cờ, thật lấy làm hân-hạnh. Nhưng xin phép quan lớn, xưa nay những bậc tao-nhân đánh cờ bao giờ cũng có thưởng phạt, ai thua luôn 3 ván, phải phạt uống 3 chén rượu đây. Phạt rượu như thê là thưởng, lão muôn khác hơn kia ạ.

Ông thám hỏi :

— Lão muôn thê nào?

— Ý lão vừa đánh cờ vừa làm thơ, nếu không làm xong thơ, phạt uống 3 chén rượu.

Ông thám nói :

— Lão đã muôn thê, thì xong một ván cờ, mỗi người xong một bài thơ, ai chưa xong, sẽ phải phạt.

Ông Triệu tủm-tủm cười :

— Xong một ván cờ, mới xong một bài thơ, thì ai chả làm được ! Lão muôn cứ đi một nước cờ, phải ngâm xong một bài thơ, như thê thường phạt mới xứng-đáng.

Ông thám nghe nói, lạnh toát người, trong bụng phân-vân, tự hỏi hay là tiên đên thử tài mình đây chẳng ? Liếc mắt nhìn lại, thấy tuy ăn mặc quê mùa, nhưng cốt-cách thanh-tú, mới hôi là trót vô-lễ với bậc già-cả : mình ngồi trên sập, mà để người đứng dưới đất. Ông vội gọi người nhà đưa ghế mời ngồi, và bưng nước trà. Nhưng ông Triệu sua tay, ra ý không cần, và gặng lại :

— Ngu-ý như vậy, tôn-ý thế nào ?

Ông thám tuy đã hàn-tâm, nhưng nghĩ tiếng-tần tam-nguyên thám-hoa lừng-lẫy, không lẽ lại chịu một ông lão nhà quê về việc văn-chương, bèn gượng trả lời :

— Xin tuân.

Ông Triệu giơ tay mời ông thám đi nước đầu, ông thám ôn-tôn nói :

— Tiên khách hậu chủ, xin mời lão đi trước.

Ông Triệu kiêu-hãnh không từ chối.



Ông thám mừng thâm bước khó-khăn đã nhường được rồi, và đợi xem thi-tài của đôi-thủ ra sao.

Ông Triệu vừa để tay lên con pháo, vừa cất giọng ngâm :

之 交 情 豈 在 文 章  
*Chi giao tình khởi tại văn-chương*

一 見 之 如 入 里 鄉  
*Nhật kiến chi như nhập lý-hương.*

即 宇 宙 中 皆 分 事  
*Tức vũ-trụ trung giai phân-sự,*

於 天 地 內 有 綱 常  
*Ư thiên-địa nội hữu cương-thường...*

Bài thơ có bốn chữ đầu : *chi, nhất, tức, w* là những chữ thường dùng để đệm, nay cô ý lập-dị, đưa lên đầu câu. Trong thơ đại-ý nói ông thám đỗ cao thì mặc ông, nhưng cương-thường để đầu, sao không biết trọng người già cả ?

Ông thám nghe ngâm dứt câu, rất đổi kinh-dị, nhân thấy ông già nói giọng miền Thanh-hóa, chợt nghĩ đến tiếng đồn « Nghệ Lương Hành, Thanh Triệu Bích » (*ở Nghệ có ông Lương ông Hành, ở Thanh có ông Triệu ông Bích*) phỏng-đoán đây là một trong hai văn-nhân danh tiếng đất Thanh-hóa, vội nhẩy xuống, chấp tay nói :

— Tôi hỏi khí không phải, cụ có phải cụ Triệu ở Thanh không ?

Ông Triệu đáp ngay :

— Chính lão.

Ông thám liên mời ông lên sập và nói :

— Thưa bác, cháu tuy đồ-đạt, nhưng đồ với người khác, chứ khi nào dám đồ với bác ; sao bác hạ-cô đèn chơi, không bảo thực cháu, lại còn thử-thách làm gì thế !

Rồi gọi bà thám lên chào, và bắt người nhà làm cơm, giữ ông Triệu ở chơi đèn móng 10 tét mới tiễn ra về.

Sa- éc  
≠  
Wednesday, July 13, 2016

Sau khi đó, ông thám vào làm báo Đông-văn. Bài phú « Lê-triều tiên-sĩ đề-danh bi » 黎朝進士題名碑 của ông được các báo Trung-hoa hồi ấy khen văn-chương lỗi-lạc và yên-áo.

Ít lâu sau, ông được bổ đi đêc-học Hưng-hóa.

Ở đây, ông có cho mấy câu đối được nhiều người thán-phục.

Một học-trò đên xin chữ mừng thầy học ngoài sáu mươi mà cưới vợ lẽ. Ông cho :

聞道西園春色深急穿芒屨  
Văn đạo tây viên xuân sắc thâm, cấp xuyên mang cước

莫嫌老圃秋容淡 猶有黃花

*Mạc hiêm lão phồ thu dung đạm, do hữu hoàng hoa*

— Nghe nói chôn tây-viên nhiều xuân-sắc, nên xô chân vào giầy đi ngay. Thơ Tĩnh-lý của Thiệu-tử:

聞道西園春色深

*Văn đạo tây viên xuân sắc thâm*

急穿芒屨去登臨

*Cấp xuyên mang cước khứ dăng lâm*

— Chớ ngại chôn lão phồ vẻ thu đã nhạt, vẫn còn nhiều hoa vàng: ý bảo bà hai đừng ngại ông đồ đã già. Thơ của Hàn-kỳ đời Tống:

莫嫌老圃秋容淡

*Mạc hiêm lão phồ thu dung đạm*

猶有黃花晚節香

*Do hữu hoàng hoa vãn tiết hương*

卅

Câu đôi ông làm cho một người thuyên chài khóc mẹ:

一繫故園心 衣線手中常憶

*Nhật hệ cô viên tâm, y tuyến thủ trung thường ỨC*

重遮千里目 烟波江上不勝

*Trùng giã thiên lý mục, yên ba giang thượng bất thăng*

— Buộc chặt tâm lòng nhớ cô viên, sợi chỉ ở tay mẹ khâu áo cho mình mặc còn nhớ mãi. Đường-thi :

孤舟一繫故園心  
Cô châu nhất hệ cô viên tâm

và

衣線手中常憶母  
Y tuyến thủ trung thường ức mẫu

Những chữ *cô-châu*, và *y-tuyến* lại còn ngụ-ý là đồ dùng của thuyền chài.

— Che khuất mắt trong nghìn dặm (*ý mẹ chết*), trên sông khói sóng khôn xiết tình sầu. Đường-thi :

嶺樹重遮千里目  
Lĩnh thụ trùng giã thiên lý mục

và

烟波江上不勝愁  
Yên ba giang thượng bất thắng sầu

*Yên ba giang thượng* rõ là cảnh thuyền chài.

≠

Đế đến My-Châu :

鄰本非親婿不辱  
Lân bản phi thân. tề bất sù,

君王容易誤紅顏  
Quân-vương dong-dị ngộ hồng-nhan !

存 亡 命 繫 靈 光 弩

*Tôn vong mệnh hệ Linh-quang nỏ,*

生 死 魂 依 暮 夜 山

*Sinh tử hồn y Mộ-dạ sơn.*

南 海 烟 濤 珠 有 淚

*Nam hải yên đào, châu hữu lệ,*

北 陵 風 雨 石 成 班

*Bắc lăng phong vũ thạch thành ban.*

即 今 祠 廟 鄰 原 廟

*Tức kim từ-miêu lân nguyên-miêu*

月 出 猶 聞 響 佩 環

*Nguyệt xuất do văn vọng bội hoàn...*

— Lân-bang nước Triệu vẫn không phải là thân, con rể Trọng-Thủy không phải hạng tâm-thường.

— Vua Thục sao khinh thường để làm lối đời hồng-nhan

— Nước còn hay mất, quan-hệ ở cái nỏ Linh-quang

— Lúc sông lúc thác, hồn nương-náu ở núi Mộ-dạ

— Khói sóng bể Nam, hạt châu có nước mắt

— Mưa gió Bắc-lăng đá đã thành rêu

— Đền nay đến bà My-Châu ở gần đến vua Thục

— Lúc trăng lên vắng-vắng nghe như tiếng ngọc bội.

## Bản dịch Nhân-Phủ :

*Lân-quốc không thân, rẽ chẳng sông,  
 Vua cha nhẹ dạ khổ hông-nhan.  
 Mất còn, mệnh hệ cung thân-nỗ,  
 Chết sông, hôn vương đỉnh Mộ-san.  
 Sóng vỗ biển Nam châu rỏ lệ,  
 Mưa tuôn lãng Bắc đá thành ban.  
 Hiện nay từ-miêu bên nguyên-miêu.  
 Trăng mọc còn nghe tiếng ngọc-hoàn...*



Ở Hưng-hóa thuyên đi độc-học Ninh-bình ông  
thám có câu đối dán ở nhà học :

登城邊浴翠山水宮左飛鳶右迴鶴遠  
拱神州宇宙此奇觀一覽會當小天下

*Đăng thành biên, Dục-thủy sơn-thủy cung, tả Phi-  
 diên, hữu Hồi-học, dao củng thân châu, vũ-trụ thừ  
 kỳ-quan, nhất-lãm hội đương tiểu thiên-hạ*

閱國期外清人物誌前風池後雲蓬相  
輝物籙文章有真品千秋合是大方家

*Duyệt quốc-triều, Ngoại-Thanh nhân-vật-chí, tiên  
 Phụng-trì, hậu Vân-bồng, tương huy vật-lục, văn-*

*chương hữu chân phẩm, thiên thu hợp thị đại phương gia*

— Lên lầu sơn thủy, trên núi Thúy, ở bên thành, bên tả núi Cảnh-diêu, bên hữu núi Hôi-hạc, bao bọc đất thân-châu, là kỳ-quan vũ-trụ, trông ra đều coi thiên-hạ nhỏ (*ý khinh người*).

— Xem sách nhân-vật-chí chôn ngoại Thanh của quốc triều trước có ông Nội-các làng Phụng-trì, sau ông bằng-nhãn làng Vân-bồng, đều ghi tên trong sách *Vật-lục*, văn-chương hai ông có chân-phẩm, nghìn thu đều là nhà danh-giá.

Ngụ ý tự-phụ : các Phụng-Trì Vũ-phạm-Khải và bằng Vân-Bồng tức là bằng Kim-Bồng Vũ-duy-Thanh đều cùng một họ với ông.



Lại có câu :

國朝百餘年養士道化雷濡迄今庠序  
仰成絃誦但知敦故典

*Quốc triều bách dư niên dưỡng sỹ, đạo hóa lôi濡,迄今庠序  
nhu, ngật kim tường tự, ngưỡng thành, huyền tụng  
đân tri đôn cô điển.*

吾儒數十載讀書襟期遠大值此滿寰  
闢運見聞尚不愧通才

*Ngô nho số thập tải độc thư, khâm kỳ viễn đại,  
trị thử hoàn doanh tịch vận, kiên văn thượng bất quý  
thông tài.*

— Quốc-triều hơn 100 năm, giáo-dục kẻ sĩ-phu, đạo hóa thâm-nhuần, đến nay nhà học dựng lên, việc học chỉ biết theo khuôn phép cũ

— Bọn nhà nho ta đọc sách hơn 10 năm, chí ở xa rộng, nay gặp hội doanh-hoàn mở-mang, nên thầy xa biết rộng, để khỏi hổ là người thông-tài.

//

Thơ đề động Liên-Hoa Ninh-bình, là chỗ hoàng-giáp Phạm-văn-Nghị ở ẩn ngày trước :

花 閨 城 外 蓮 花 洞  
*Hoa-lư thành ngoạ Liên-Hoa động,*

花 以 人 香 洞 更 幽  
*Hoa dĩ nhân hương, động cánh u.*

大 局 未 完 能 一 戰  
*Đại-cục vị hoàn năng nhất chiến,*

名 山 有 主 足 千 秋  
*Danh-son hữu chủ túc thiên thu.*

辰 艱 子 弟 習 戎 馬  
*Thời gian, tử-đệ tập nhung mã,*

事 去 江 湖 老 釣 舟  
*Sự khứ giang-hồ lão điếu châu.*

今 世 以 無 隱 君 子  
*Kim thế dĩ vô ẩn quân-tử,*



石盤書架水空流

*Thạch-bàn thư giá thủy không lưu.*

- Bên ngoài thành Hoa-lư, có động Liên-hoa.
- Hoa sen vì người mà có tiếng thơm (chỉ Hoàng-giáp Tam-Đặng Phạm-văn-Nghị về ở ẩn trong động này) nhưng động vẫn tối
- Đại-cục tuy không xong, nhưng đã có công đánh nhau với người Pháp một trận
- Danh sơn có người làm chủ, lưu tiếng nghìn thu
- Gặp buổi gian-nan, kẻ tử-đệ đều phải tập việc nhung-mã
- Việc làm không xong, lánh mình ở chôn giang-hồ, thả thuyền đi câu
- Nay Phạm đã mất, không còn người quân-tử ẩn ở động nữa
- Chỉ thấy nước chảy xuôi, bàn đá và giá sách

Bản dịch Nhân-Phủ :

*Động Liên-Hoa ở xê thành-dầu,  
 Hoa ngát vì ai, động thăm sâu.  
 Cuộc lớn chưa xong, rôn một trận,  
 Non xanh có chủ, vững ngàn thu.  
 Thê nguy, con cháu luyện quân-sự,  
 Việc rảnh, sông hồ thả lá câu.*

*Thời buổi vắng tanh người ăn-sĩ*

*Đá bàn, giá sách, nước trong veo...*

//

Ở Ninh-bình rồi ông đổi về đốc-học Hà-nội.

Ông tuổi trẻ đỗ cao, hay có tính tự-phụ. Học trò lại nhiều người đã đứng tuổi, thường tỏ ý không chịu, nên khi ra những đầu bài văn, ông hay dùng điển-tích hiểm-hóc, và ý-nghĩa ngoắt-ngéo, dụng ý cho học trò phải khuất-phục.

Có lần ra đầu bài văn-sách để thi khảo, chỉ có 8 chữ ở sách Hán, mà cả trường làm mất mẹo.

Đầu bài ra :

偽 遊 雲 夢 果 執 信 否

*Ngụy du vân mộng, quả chấp tín phủ?*

Phép làm văn sách, học trò phải cãi lại ý ra của quan trường. Nhưng việc Hán-cao-tổ giả đi chơi Vân-mộng để bắt Hàn-Tín, là chuyện có thật, mà nay cãi là không có, thì cãi thế nào được? Ý-tất là phải hiểu đầu bài có gì hiểm hóc đây. Song học trò hết thấy đều hiểu như trên và khi làm bài đều tìm cách cãi là việc Hán-cao đi chơi Vân-mộng, không phải để bắt Hàn-Tín. Ai cũng tưởng chữ Tín là trở Hàn-Tín, nên đều hỏng mẹo.

Mẹo dùng trong đầu bài : chữ *chấp-tín* là *giữ điều tín*, không phải là *bất Hàn-Tín*, nghĩa là « việc Hán-cao chơi Vân-mộng, có phải là giữ điều tín không » ? Nhưng đã *ngụy-du*, thì *chấp-tín* thế nào được — *đi chơi giả-vờ thì không cần giữ điều tín nữa* — vì dưới bài bàn việc *ngụy-du Vân-mộng*, chê Hán-cao, có chữ : *quân-nhân chấp tín, thân-nhân chấp trung* 君人執信臣人執忠 dẫn ở *Tả-truyện* (làm vua phải giữ điều tín, làm bầy tôi phải giữ điều trung) ý nói Hán-cao bạc-đãi công-thần như thế là *thất tín*.



Lại một bài thơ ông ra, cũng ở sách Hán :

何何信信皆漢之佐

*Hà Hà Tín Tín, giai Hán chi tá,*

九江之使使何而不使何

*Cửu-giang chi sứ, xừ Hà nhi bất xừ Hà*

滎陽之圍有信而不有信

*Huỳnh-dương chi vi, hữu Tín nhi bất hữu Tín*

厥後論功行賞

*Quyết hậu luận công hành thưởng*

封何而不封何封信而不封信得非厚

於何而薄於何重於信而輕於信與

*Phong Hà nhi bất phong Hà, phong Tín nhi*

*bật phong Tín, đặc phi : hậu w Hà, nhi bạc w Hà, trọng w Tín nhi khinh w Tín dư ?*

— Tiêu-Hà, Tùy-Hà, Kỷ-Tín, Hàn-Tín, đều là công thần nhà Hán

— Lúc đi sứ vua Cửu-giang, là việc quan-trọng, sai Tùy-Hà mà không sai Tiêu-Hà

— Lúc bị vây ở Huỳnh-dương rất nguy-cấp, chỉ thấy có Kỷ-Tín mà không có Hàn-Tín

— Về sau lúc luận công hành thưởng, chỉ phong Tiêu-Hà mà không phong Tùy-Hà, phong Hàn-Tín, mà không phong Kỷ-Tín. Như thế chả phải là vua hậu với Tiêu-Hà, bạc với Tùy-Hà, trọng Hàn-Tín và khinh Kỷ-Tín, vậy ru ?

Đầu bài, cô-ý dùng lắt-léo 2 chữ Tín, và 2 chữ Hà.



Khi vua Thành-thái ra Hànội, ông có dâng một bài thơ :

幾 年 蹤 跡 混 塵 沙  
*Kỷ niên tung-tích hỗn trần sa,*  
 重 整 冠 袍 謁 翠 華  
*Trùng chỉnh quan-bào yết thúy-hoa*  
 臣 職 區 區 效 陽 拜  
*Thân chức khu-khu, hiệu dương bái*  
 聖 心 隱 隱 燭 荒 遐  
*Thánh tâm ẩn-ẩn chúc hoang hà*

衆星拱仰重宵斗  
*Chung tinh củng ngưỡng trùng tiêu đầu.*

三月時飛五彩霞  
*Tam nguyệt tinh phi ngũ thái hà*

幸得龍顏回一顧  
*Hạnh đắc long-nhan hồi nhất cô*

年年猶插舊辰花  
*Niên niên do thắp cựu thời hoa*

- Đã mấy năm nay, ở lẫn chôn bụi trần
- Ngày nay, sắm sửa mũ áo, ra đón cờ thụy-hoa (nhà vua)
- Phận kẻ bầy tôi là tán dương những đức tốt của vua
- Lòng vua thường soi-xét đến dân gian ở chôn xa-xôi
- Các quan trông vua ví như các ngôi sao, châu vể Bắc-đẩu
- Đương tiết tháng ba, mà trên trời hiện ra đám mây ngũ sắc
- May vua đoái trông đến lẫn nữa
- Lúc nào cũng dất hoa trâm là vật vua ban cho ngày trước

Bản dịch Nhân Phủ :

*Bao năm dẫu vệt lẫn trần-sa,  
 Nay sửa cân-đai yêt bóng cờ.  
 Thân-chức hân-hoan ngoài trạm cỏ,  
 Thánh-tâm soi-xét xuống dân xa.  
 Sao chòm rạng-rỡ châu cao-đẩu,  
 Xuân cuôi tung bay ánh thái-hà.  
 Lại được long-nhan thương đoái đến,  
 Bên tai còn dất cánh hoa xưa...*

Từ chức đốc-học Hà-nội, ông thăng án-sát Hưng-hóa, sau về án-sát Hải-dương.

Ông qua chơi Kiệp-bạc, có đề câu đối đèn nay còn treo trong đền :

萬 劫 有 山 皆 劍 氣  
 Vạn-kiệp hữu sơn giai kiếm-khí  
 六 頭 無 水 不 椿 聲  
 Lục-đầu vô thủy bất chng thanh

— Những núi ở Vạn-kiệp đều có kiếm khí

— Nước ở sông Lục-đầu, chỗ nào cũng có tiếng đóng cọc, đóng chông, bầy thê-trận để bắt sông quân Tàu. (Ở các ngã sông Lục-đầu, mấy lần ta thắng giặc đều do mẹo đóng chông ngang sông : Khi thủy-triều lên, nước ngập không trông thấy chông, thuyền giặc kéo vào, quân ta đợi cho thủy-triều rút, thuyền giặc bị nghẽn, mới ra đuổi đánh)

≠

Ở Hải-dương viên công-sứ hồi ấy thích chơi hoành-phi câu đối, vốn biết ông là bậc danh nho, mới xin mấy chữ đề làm kỷ-niệm.

Ông mừng bốn chữ : *Ôn kỳ như ngọc*



(chữ kinh Thi, thiên Tân-phong, *ngôn niệm quân tử, ôn kỳ như ngọc*). 言念君子溫其如玉

— Mềm người quân tử ôn-hòa như ngọc quý.

Chủ-tâm ông thám cốt lấy điển Tân-phong, là thơ khen người rợ phương Tây, để khen công-sứ người Pháp. Lập-ý thật đã thâm-thúy : ám-chỉ Pháp chẳng qua là mọi-rợ như Tây-nhung khi xưa ở bên Tàu.

Công-sứ tất-nhiên là chẳng hiểu gì, trình-trọng treo bốn chữ giữa nhà khách.

Một hôm, một viên quan đến chơi, công-sứ khoe bức hoành. Không may cho ông thám, viên quan này lại bất-bình với ông từ trước, nhân dịp muốn hại nhau chơi, liền nói :

— Ông thám mừng bốn chữ này là có ý điều quan lớn.

Công-sứ ngạc-nhiên, bảo cắt nghĩa. Viên quan nói :

— *Ngọc* đây nói bóng là *ngọc hành*, mà *ngọc-hành* là cái ấy, quan-lớn hiểu chưa, không tin, quan-lớn cứ hỏi mọi người thì rõ.

Đền chiếu, công-sứ ra bàn giấy, gặp ai cũng chỉ vào quàn, hỏi :

— Cái này cái gì ?

Ai nấy đều trả lời lẽ-phép bằng tên chữ Hán, chứ không dám nói nôm, thành ra đúng như chữ viên

quan đã nói. Chúng-khẩu đồng từ, khiến công-sứ giận sôi lên sùng-sục, lập-tức cho chẻ ngay bức hoành, và tìm ông thám đến trách.

Vì công-sứ câu-chấp, ông thám phân-trần thế nào cũng không nghe, nên từ đó ông bị làm khó dễ về công-việc, sau bất-đắc-dĩ phải xin cáo quan về.

Được ít lâu thì tạ-thế.







## VŨ-TUÂN

Người làng Lạc-tràng, tỉnh Hà-nam, đỗ cử-nhân trường Hà-nội, vào thi hội đỗ phó-bảng, làm quan dưới triều Tự-đức đến chức ngự-sử, nên về sau thường gọi là cụ ngự Lạc-tràng.

Khi vào thi hội, các sĩ-tử (*đủ mặt cử-nhân các trường Trung, Nam, Bắc*) họp lại thử đoán xem đầu-bài sẽ ra về vấn đề gì. Họ Vũ nói :

— Theo ngu-ý, năm nay quân Pháp, ngoài sự khiêu-khích ra, còn xây thành đắp lũy ở các nơi, và đặt binh-trại rải-rác gần kinh-thành, có ý nhòm ngó, tôi chắc kỳ văn-sách khoa này thế nào đức kim-thượng cũng hỏi về *công thủ chi sách* (*kế sách đánh hay hòa*), anh em nghĩ sao ?

Cử-tọa vỗ tay tán-đồng, rồi bàn nhau nếu đầu-bài đúng như thế sẽ nhất-tề luận theo thế « công », nhất-quyết xin đức kim-thượng chủ-trương đánh, để tỏ lòng bất-khuất của sĩ-phu.

Khi vào trường thi, quả như lời họ Vũ đã đoán, kỳ văn-sách ra đề về đoạn kim (*văn-sách hỏi về nghĩa kinh, truyện xưa là đoạn cổ, hỏi về thời sự là đoạn*

*kim-văn*) : quân xâm-lãng hiện nay càng ngày càng thêm gây hấn, đồn lũy khắp dân-gian, vậy nên đánh hay nên hòa ?

Sĩ-tử thấy đầu-đề đều tâm-phục Vũ và cùng làm bài xin Triều-đình khởi thế công.

Trong quyển văn của họ Vũ có câu : « *Triều-đình ủng bách vạn chi tinh-binh, kiến nghĩa bất vi vô dũng dã* ».

朝廷擁百萬之精兵見義不為無勇也

— Triều đình hiện sẵn có hàng trăm vạn quân lính tinh-nhuệ, theo việc nghĩa thì nên đánh quân xâm-lãng, thế mà không đánh thì thật là không dũng-cảm chút nào

Vua Tự-đức châu-phê vào bên câu này : « *Kim nhật thỉnh chiến, minh nhật thỉnh chiến, chiến nhi bất thắng, tương trí trăm w hà địa ?* »

今日請戰明日請戰戰而不勝將置朕於何地

— Hôm nay xin đánh, ngày mai xin đánh, nếu đánh mà thua, thì rồi đặt trăm ở nơi nào ?

Vua không muốn nói ra sự thực : triều-đình đâu có trăm vạn tinh-binh, mà cứ muốn đánh ?

Văn-trường không trúng ý khảo-quan, nên họ Vũ chỉ đỡ phó-bảng.

Trong bọn, có cử-nhân họ Dương bội-ước với anh em : khi họp bàn thì vâng vâng, dạ dạ, xin đánh, đến khi vào trường lại viết trái lại : xin hòa. Trúng ý quan trường, nên Dương được đỗ tiến-sĩ.

Dẫu sao, họ Vũ vẫn là người chiến-thắng về sĩ-khí, danh-dự còn hơn đỗ tiến-sĩ nhiều : hết thầy sĩ-tử Trung, Nam, Bắc họp lại ngợi khen ông nhiệt-liệt, rồi cùng nghĩ đôi câu đối mừng :

明 廷 策 問 兼 三 對  
*Minh đình sách vấn kiêm tam đối*

甲 第 偷 人 只 一 和  
*Giáp đệ thâu nhân chỉ nhất hòa.*

— Triều-đình hỏi kẻ sách thì ông đôi-đáp được mọi điều

— Thế mà giáp đệ chỉ đỗ phó-hạng, thua người khác chỉ tại một chữ *hòa* (vì ông cứ xin đánh)

Sĩ-tử còn công-phấn tiến-sĩ họ Dương, bàn nhau khi nào anh này vinh-quy, sẽ họp lại đón đường đánh cho một trận, để cho hối-cải.

Họ Dương may được người báo cho biết trước nên sau khi lãnh mũ áo, cò biền, phải cuốn ngay lại bỏ vào bồ, rồi đêm khuya trốn đi không kèn không trống.

Họ Vũ sau làm quan đến chức ngự-sử. Tính người quả-cảm, cương-trực, các quan triều-thần đều kính-phục, nể-vì. Bấy giờ vua Tự-đức còn thân-mẫu là

Từ-dụ thái-hậu. Nhà vua rất có hiếu, thường quanh-quần bên màn, sớm hôm hầu-hạ, nên việc triệu-chính có phần trễ-nải. Bên ngoài, thế quân Pháp mạnh như vũ như bão, chỉ lăm-le thôn-tính, tình-thế nước nhà như trứng dẽ đầu đàng. Có nhiều việc quan-trọng khẩn-cấp, ngự-sử họ Vũ xin vào châu mà mấy lần không được, sau phải dâng sớ vào trình-bày, trong sớ có câu : « ... *Yễn tước xử đường, mẫu tử tương hộ, hú hú nhiên kỳ tương lạc, tự dĩ vi an...* ».

燕雀處堂母子相哺煦煦然其相樂自以爲安

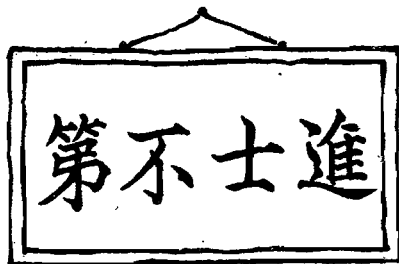
— Ý nói nhà cháy đên nơi, mà mẹ con chim én, chim sẻ ở góc đầu nhà vẫn cùng mớm nhau, ra chiều vui-vẻ, tự cho là yên-ổn lắm !

Nhà vua xem sớ giận quá, châu phê vào bên câu này bốn chữ « *tiễn-sĩ bất đệ* 進士不第 ». Bốn chữ có ý mỉa họ Vũ : *tiễn-sĩ cũng không đỗ được, còn làm nên trò-trống gì mà hay chỉ-trích !*

Được ít lâu, ngự-sử dâng sớ *thỉnh khất-hài cốt quy* 請乞骸骨歸, xin dâng minh-quân rộng thương cho được đem xương tàn về quê.

Khi từ-giã triều-đình, họ Vũ cho khắc bốn chữ « *tiễn-sĩ bất đệ* » vào biển sơn son thiếp vàng, treo trên chỗ ngồi, đề tỏ ý : ở lang-miếu hay ở giang-hồ, lúc nào cũng đề-bụng đến quân-quốc.

Mãi tới khi tuổi già, về thiết-trưởng dạy học ở nhà một người bạn họ Lê tại làng Kim-lũ, huyện Thanh-liêm cùng tỉnh, ông vẫn đề bốn chữ ấy phía trên chỗ ngồi, để thường ngày chiêm-ngưống và ngẫm-nghĩ về sự dẫn-đạo của nhà vua, mà thời cục đã giành lấy phần trả lời cay-đắng cho vua, chua-chát cho ông, lại khốn-khổ cho cả dân-tộc.





# MỤC-LỤC

— Sa- éc

Wednesday, July 13, 2016

TRANG

1. — Bùi-ân-Niên. . . . .	1
2. — Bùi-hữu-Nghĩa ( <i>Thủ-khoa Nghĩa</i> ). . . . .	11
3. — Diệu-Điển và Cao-ngọc-Anh. . . . .	17
4. — Đoàn-tử-Quang. . . . .	21
5. — Đỗ-huy-Uyển ( <i>Biện-lý La-ngạn</i> ). . . . .	27
6. — Đông-Khánh . . . . .	41
7. — Hồ-quý-Châu . . . . .	45
8. — Huỳnh-mẫn-Đạt. . . . .	51
9. — Kỳ-Đồng . . . . .	55
10. — Lê-Dự. . . . .	63
11. — Lê-sĩ-Nghị . . . . .	67
12. — Nguyễn-Cao. . . . .	71
13. — Nguyễn-hữu-Huân ( <i>Thủ-khoa Huân</i> ) . . . . .	77
14. — Nguyễn-Khuyên ( <i>Tam-nguyên Yên-đỗ</i> ) . . . . .	83



15. — Nguyễn-Quyên ( <i>Huân Quyên</i> ) . . . . .	97
16. — Nguyễn-thượng-Hiến ( <i>Nghề Liên-bạt</i> ) . . . . .	103
17. — Nguyễn-tu-Giản. . . . .	115
18. — Nguyễn-tử-Mẫn. . . . .	123
19. — Nguyễn-văn-Bật ( <i>Cử Bật</i> ) . . . . .	131
20. — Ông-ích-Khiêm. . . . .	137
21. — Phạm-ứng-Thuần . . . . .	143
22. — Phan-đỉnh-Phùng . . . . .	149
23. — Phan-vấn-Trị . . . . .	161
24. — Tống-duy-Tân . . . . .	183
25. — Trần-cao-Vân . . . . .	187
26. — Vũ-duy-Thanh ( <i>Bảng Vân-bông</i> ) . . . . .	191
27. — Vũ-hữu-Lợi ( <i>Nghề Giao-cử</i> ) . . . . .	201
28. — Vũ-phạm-Hàm ( <i>Thám Hàm</i> ) . . . . .	205
29. — Vũ-Tuân . . . . .	229

**Cai Thoại làng Nho của Lãng Nhân,  
do Nam Chi Tùng Thư xuất bản, in lần  
đầu tiên tại Kim Lai ấn quán, Saigon  
xong ngày 31-12-1963  
3000 cuốn giấy thường và 300 cuốn  
giấy Kim nhũ đánh số từ 1 đến 300**

**Giấy phép Nhà Thông Tin  
số 2629 - HĐKDTƯ/PI/XB  
ngày 29-11-1963**

Còn nhiều sách xưa trong Quán Ven Đường kính mời vào lấy về  
đọc.

廊

儒